PGS. TS. TRỊNH ĐÌNH TÙNG (*Chủ biên*)
ThS. NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH - BÙI ĐỨC DŨNG

ĐỂ HỌC TỐT
LỊCH SỬ 9

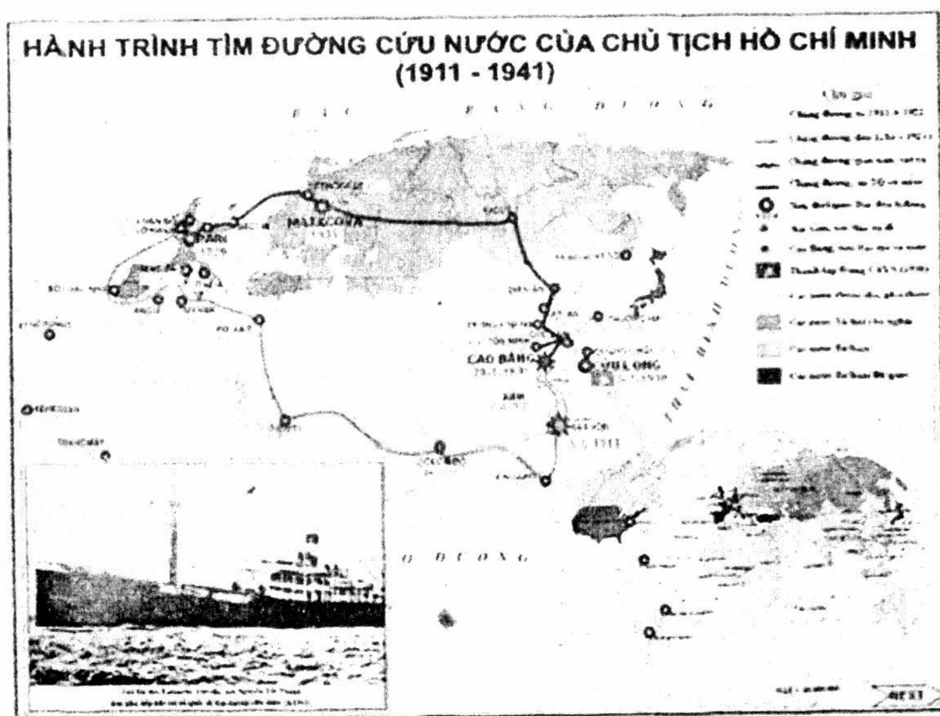


NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PGS.TS TRỊNH ĐÌNH TÙNG (Chủ biên)
TH.S NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH - BÙI ĐỨC DŨNG

Để học tốt

LỊCH SỬ 9



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời mở đầu

Làm thế nào để học tốt môn Lịch sử ở trường phổ thông? Câu hỏi tưởng chừng rất đơn giản và thường nhận được câu trả lời là phải chăm chỉ, chịu khó học thuộc các sự kiện, hiện tượng trong sách giáo khoa. Điều đó chỉ đúng một phần và cũng khó thực hiện đối với tất cả các em, vì không thể dành quá nhiều thời gian ở nhà để học sử. Các em còn phải học nhiều môn khác nữa, nhất là môn Toán, môn Văn, môn Ngoại ngữ. Mà học thuộc được kiến thức trong sách giáo khoa cũng không đơn giản vì khi học có thể thuộc rồi nhưng vài tuần sau lại quên do kiến thức lịch sử chỉ học một lần, những bài sau không lặp lại nữa. Vấn đề đặt ra mà các em mong muốn có lời giải đáp là trong quá trình học lịch sử ở trường phổ thông làm sao tốn ít thời gian, không phải học ở nhà nhiều mà vẫn có hiệu quả. Muốn thực hiện điều đó các em phải có phương pháp học tốt ở trên lớp cũng như ở nhà theo sự hướng dẫn của các thầy cô. Ở trên lớp, học sử cũng như học các bộ môn khác là phải chú ý, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực và chủ động tham gia vào bài học, cố gắng nhớ được những sự kiện quan trọng, hiểu được bài giảng ngay trên lớp. Sau mỗi giờ học, các em cố gắng tự trả lời hôm nay học về cái gì, vấn đề gì, xảy ra khi nào, kết quả ra sao, và vì sao như vậy. Khi học ở nhà đương nhiên các em không nên mất quá nhiều thời gian vào học sử mà chỉ cần xem lại bài đã học và hoàn thành các bài tập mà thầy cô đã giao.

*Để giúp các em định hướng nội dung kiến thức học ở nhà và các dạng bài tập lịch sử có liên quan, các tác giả đã biên soạn cuốn **"Để học tốt Lịch sử 9"**. Cuốn sách được biên soạn theo từng bài, từng chương phù hợp với chương trình, sách giáo khoa. Mỗi bài đều xác định kiến thức cơ bản cần phải nắm và hệ thống câu hỏi bài tập mà các em nên trả lời. Làm được tốt những điều đó, chắc chắn các em sẽ học tốt hơn môn Lịch sử.*

Các thầy, cô đang trực tiếp dạy lịch sử ở trường phổ thông cũng có thể tham khảo cuốn sách này để giảng dạy và giao bài tập về nhà cho học sinh.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, song cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các em.

Các tác giả

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

BÀI 1

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỶ XX

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Liên Xô

1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh (1945 - 1950)

- *Bối cảnh lịch sử*: Liên Xô là nước thắng trận nhưng phải chịu những tổn thất nặng nề: hơn 27 triệu người chết, 1.710 thành phố, hơn 70.000 làng mạc, gần 32.000 nhà máy xí nghiệp và 65.000km đường sắt bị tàn phá. Chiến tranh đã làm cho nền kinh tế Liên Xô phát triển chậm lại 10 năm.

- *Thành tựu*: Để khôi phục và phát triển kinh tế, nhân dân Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Xô viết đã nỗ lực không ngừng thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946-1950), vượt mức trước thời hạn 9 tháng. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mĩ.

2. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX

Liên Xô tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội với các kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1951-1955), lần thứ sáu (1956-1960), kế hoạch 7 năm (1959-1965),... với phương hướng chính: tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, thực hiện thâm canh trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

Liên Xô nhanh chóng trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới sau Mĩ. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên lên khoảng không vũ trụ. Năm 1961, Liên Xô phóng tàu "*Phương Đông*" đưa Ga-ga-rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất...

Trong chính sách đối ngoại, Liên Xô là chỗ dựa vững chắc của hoà bình và cách mạng thế giới.

II. Đông Âu

- Sự thành lập các nước dân chủ nhân dân

Khi Hồng quân Liên Xô tiến vào lãnh thổ Đông Âu truy kích quân đội phát xít, nhân dân Đông Âu nhanh chóng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, thành lập các nước dân chủ nhân dân: Ba Lan (7-1944), Ru-ma-ni (8-1944), Hung-ga-ri(4-1945), Tiệp Khắc (5-1945), Nam Tư (11-1945), An-ba-ni (12-1945), Bun-ga-ri (9-1946), Cộng hoà Dân chủ Đức (10-1949). Từ 1945-1949, các nước Đông Âu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.

- Thành tựu tiêu biểu

Từ năm 1949, các nước Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ chính: xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản; đưa công nhân vào con đường làm ăn tập thể thông qua hình thức hợp tác xã; tiến hành công nghiệp hoá nhằm xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Tới đầu những năm 70 của thế kỷ XX, các nước Đông Âu đã trở thành những nước công - nông nghiệp.

III. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa

Ngày 8-1-1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập nhằm đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn 1951 - 1973, SEV đã thu được những thành tựu lớn (tốc độ sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm đạt 10%, ...).

Tháng 5-1955, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va thành lập - một tổ chức mang tính chất phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước XHCN Đông Âu.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- Nhà nước dân chủ nhân dân: một hình thức chính quyền cách mạng được xây dựng trên cơ sở nhà nước thuộc về nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chuyển lên chế độ xã hội chủ nghĩa.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô phải gánh chịu những tổn thất:

A. Hơn 17 triệu người chết; 1.710 thành phố bị phá huỷ.

B. Hơn 27 triệu người chết; 1.710 thành phố, hơn 70.000 làng mạc, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp và 65.000km đường sắt bị tàn phá.

C. Chiến tranh làm cho nền kinh tế Liên Xô phát triển chậm lại 10 năm.

D. Hơn 27 triệu người chết, toàn bộ các thành phố, làng mạc bị phá huỷ.

2. Nhân dân Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư từ năm:

A. 1946 đến năm 1950.

B. 1945 đến năm 1949.

C. 1947 đến năm 1951.

D. 1948 đến năm 1952.

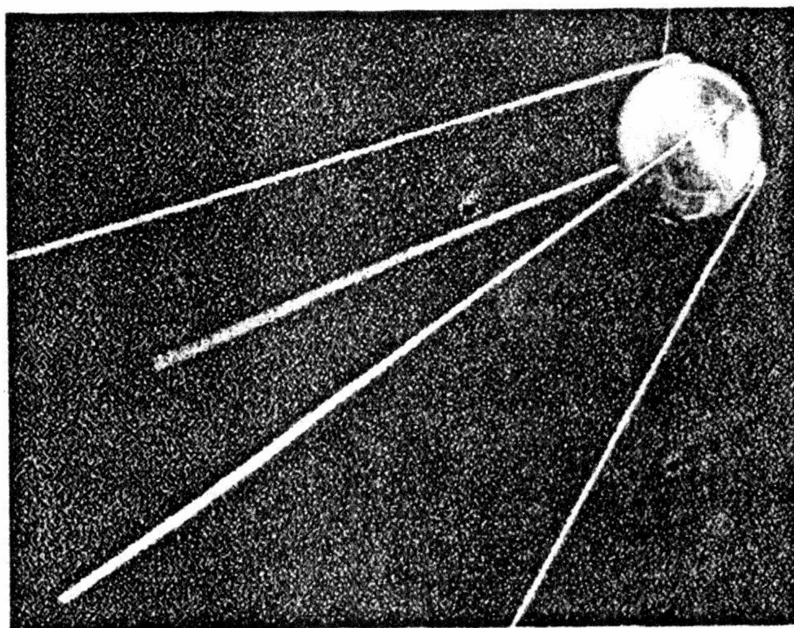
3. Bức hình dưới đây gắn liền với sự kiện nào?

A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên vũ trụ.

C. Năm 1961, Liên Xô phóng tàu "*Phương Đông*".

D. Năm 1961, Ga-ga-rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.



4. Phương hướng chính của công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là:

A. Tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương Chiến tranh.

B. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, thực hiện thâm canh trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tiến bộ khoa học-kỹ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

C. Cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá những xí nghiệp lớn của tư bản nước ngoài và trong nước, thực hiện các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân.

D. Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản; đưa công nhân vào con đường làm ăn tập thể thông qua hình thức hợp tác xã; tiến hành công nghiệp hoá.

Câu 2. *Xác định vị trí các nước dân chủ nhân dân Đông Âu bằng cách tô màu tương ứng vào mỗi quốc gia trong lược đồ dưới đây.*



Câu 3. *Hoàn thành bảng sau đây cho phù hợp với các giai đoạn cách mạng và nhiệm vụ chính của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến những năm 70 của thế kỷ XX.*

Thời gian	Giai đoạn cách mạng	Những nhiệm vụ chính
1945 - 1949	....	....
1950 - 1970	....	....

Câu 4. *Hãy nối mốc thời gian ở cột bên trái cho phù hợp với các sự kiện ở cột bên phải.*

a. Tháng 10-1949	1. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) thành lập.
b. 8 - 1 - 1949	2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
c. Tháng 5-1955	3. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va thành lập.
d. Năm 1949	4. Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời.
e. Tháng 4-1949	5. Sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương.

Câu 5. Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương Chiến tranh ở Liên Xô đã diễn ra và đạt được kế hoạch như thế nào?

Câu 6. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX.

Bài 2
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX

A. KIẾN THỨC: học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

- *Tình hình kinh tế, xã hội trước cải tổ*

  + Cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đòi hỏi các nước phải có những cải cách về kinh tế và chính trị - xã hội.

  + Các nhà lãnh đạo Liên Xô không tiến hành cải cách cần thiết về kinh tế, xã hội, không khắc phục những khuyết điểm trước đây. Vì vậy nền kinh tế xã hội Liên Xô rơi vào tình trạng trì trệ từ cuối thập niên 70.

    • Kinh tế: sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trì trệ, lương thực, thực phẩm và các hàng hoá thiết yếu ngày càng khan hiếm.

    • Xã hội: thiếu dân chủ công bằng, vi phạm pháp chế, các tệ nạn quan liêu tham nhũng ngày càng trầm trọng. Mức sống nhân dân giảm sút.

- *Công cuộc cải tổ (1985 - 1991):* Tháng 3 năm 1985, Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đưa ra đường lối cải tổ:

  + *Mục đích*: nhằm khắc phục những sai lầm, thiếu sót trước đây, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng bản chất và ý nghĩa nhân văn của nó.

  + *Kết quả*: cải tổ thất bại. Đất nước lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn, các nước cộng hoà đòi li khai, các tệ nạn xã hội gia tăng...

- *Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết*

  + Ngày 19/8/1991, một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô viết tiến hành đảo chính lật đổ Goóc-ba-chốp. Cuộc đảo chính thất bại đã để lại những hậu quả nghiêm trọng.

    • Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.

- Các nước cộng hoà tuyên bố độc lập, tách ra khỏi Liên Xô.

+ Ngày 21/12/1991, Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) ra đời.

+ Ngày 25/12/1991, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, Liên bang Xô viết sụp đổ.

II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu

- *Bối cảnh lịch sử*: Cuối những năm 70 đầu những năm 80, Đông Âu lâm vào khủng hoảng kinh tế xã hội bắt đầu từ khủng hoảng năng lượng năm 1973. Sản xuất công - nông nghiệp suy giảm, buôn bán với nước ngoài giảm sút, số tiền nợ nước ngoài tăng lên, xuất hiện các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân...

- *Cuộc khủng hoảng, tan rã XHCN ở Đông Âu*:

+ Năm 1988, khủng hoảng bắt đầu ở Ba Lan và lan nhanh sang nhiều nước.

+ Các thế lực phản động, được sự tiếp sức của chủ nghĩa đế quốc ra sức kích động quần chúng, đẩy mạnh hoạt động chống phá.

+ Các nước Đông Âu thực hiện đa nguyên chính trị, tiến hành tổng tuyển cử tự do, Đảng Cộng sản mất dần vai trò lãnh đạo. Cuối năm 1989, chế độ XHCN sụp đổ hầu hết ở các nước Đông Âu.

+ Ngày 28/6/1991, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố chấm dứt hoạt động. Ngày 1/7/1991, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố giải thể.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Cải tổ**: tổ chức lại theo nguyên tắc mới, có nội dung và hình thức khác trước, nhằm sửa đổi những sai lầm, thiết sót, làm cho xã hội và nhà nước tốt hơn. Trong thực tế, có nhiều cuộc cải tổ không làm được điều này, gây ra những ảnh hưởng xấu như cuộc cải tổ của Goóc-ba- chốp tiến hành.

- **Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG):** ra đời ngày 21/12/1991 sau khi tổng thống ba nước Nga, U-crai-na, Bê-la-rút ra tuyên bố chung Liên bang Xô viết không còn tồn tại nữa và quyết định thành lập liên minh mới. Tại An-ma An-ta - thủ đô Ca-dắc-xtan, 11 nước cộng hoà trong Liên bang Xô viết trước đây kí hiệp ước giải tán Liên bang Xô viết thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Công cuộc cải tổ của Liên Xô được tiến hành từ năm:

A. 1984 - 1990 B. 1984 - 1996

C. 1985 - 1990 D. 1985 - 1991

2. *Người khởi xướng công cuộc cải tổ ở Liên Xô là:*

A. B. Enxin　　　　　　B. Goóc-ba-chốp

C. An-đrô-pốp　　　　　D. I. Ga-ga-rin

3. *Cuộc đảo chính do một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành ngày:*

A. 19/8/1991　　　　　　B. 18/9/1991

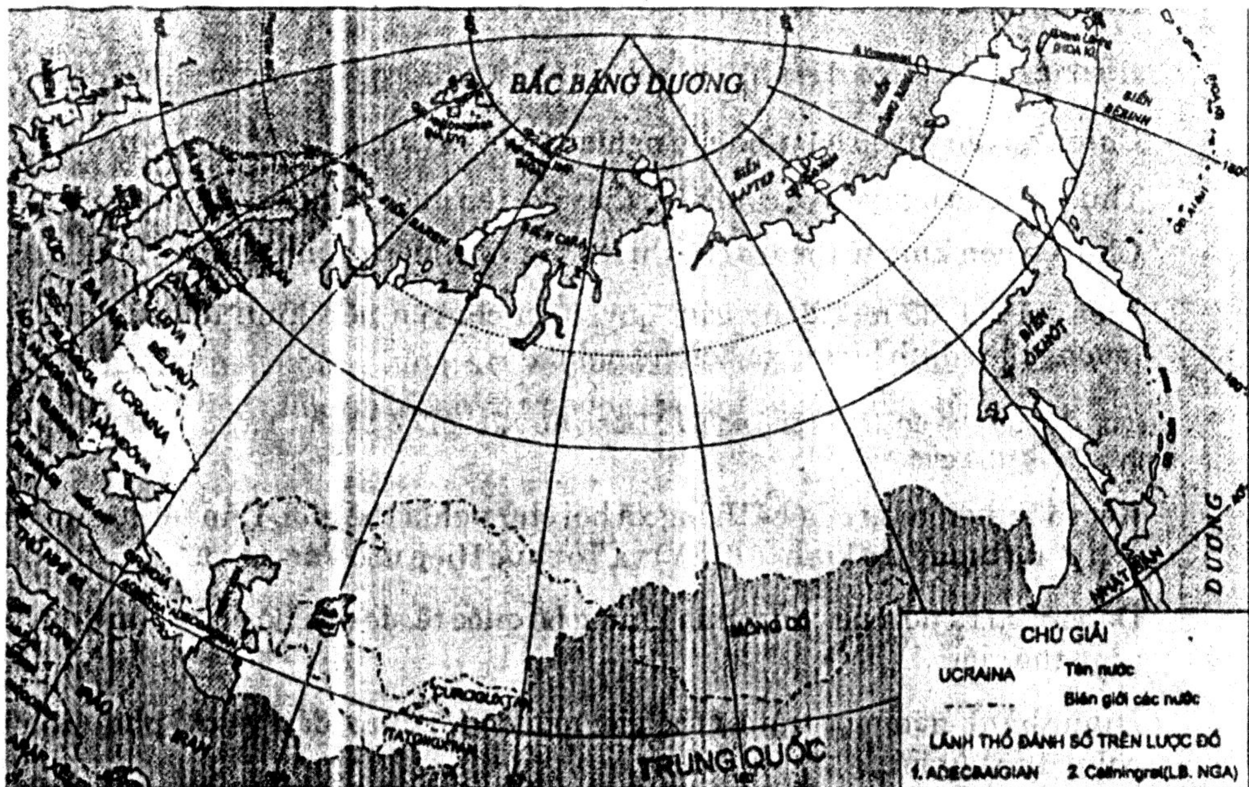
C. 21/12/1991　　　　　D. 25/12/1991

4. *Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) gồm:*

A. 10 nước　　　　　　B. 11 nước

C. 12 nước　　　　　　D. 13 nước

Câu 2. *Hãy điền tên một số quốc gia trong Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) vào lược đồ dưới đây.*



Câu 3. *Hãy nối các mốc thời gian ở cột bên trái cho phù hợp với sự kiện lịch sử ở cột bên phải.*

a. 21/12/1991	1. Khối SEV tuyên bố chấm dứt hoạt động
b. 25/12/1991	2. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) ra đời
c. 28/6/1991	3. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố giải thể
d. 1/7/1991	4. Tổng thống Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức

Câu 4. Những nét lớn về công cuộc cải tổ ở Liên Xô từ năm 1985 đến 1991 và hậu quả của nó.

Câu 5. Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ XHCN ở Đông Âu đã diễn ra như thế nào?

CHƯƠNG II

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

A. KIẾN THỨC: học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều quốc gia giành được độc lập:

+ Đông Nam Á: In-đô-nê-xi-a (17/8/1954); Việt Nam (2/9/1945); Lào (12/10/1945)

+ Nam Á: Ấn Độ (1946 - 1950)

+ Châu Phi: Ai Cập (1952), An-giê-ri (1954 - 1962)

+ Năm 1960, 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.

+ Mĩ La-tinh: Cu Ba (1/1/1959)

- Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc - thực dân về cơ bản sụp đổ.

II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX

- Nhân dân ba nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghi-nê Bít-xao lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha giành được độc lập: Ghi-nê Bít-xao (9/1974), Ăng-gô-la (11/1975), Mô-dăm-bích (6/1975).

- Hệ thống thuộc địa của thực dân Bồ Đào Nha tan rã.

III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX

- Cuối những năm 70, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức là chế độ phân biệt chủng tộc, tập trung ở ba nước: Rô-đê-di-a; Tây Nam Phi, và Cộng hoà Nam Phi.

- Nhân dân các nước này đấu tranh bền bỉ để xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc và giành chính quyền: Rô-đê-di-a (1980); Tây Nam Phi (1990); năm 1993 chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ ở Cộng hoà Nam Phi.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Phong trào giải phóng dân tộc**: cuộc đấu tranh yêu nước của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc nhằm thủ tiêu các hình thức thống trị của đế quốc thực dân giành độc lập dân tộc.

- **Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc (chủ nghĩa A-pác-thai):** là chính sách phân biệt chủng tộc cực đoan và tàn bạo, tước mọi quyền lợi về kinh tế - chính trị, xã hội của người da đen ở Nam Phi, cũng như người da mầu (Ấn Độ) đến định cư.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. *Nhân dân In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập ngày:*

   A. 12/10/1945 B. 2/9/1945 C. 17/8/1945 D. 1/1/1959

2. *Nhân dân Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích; Ghi-nê Bít-xao đã đấu tranh lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân:*

   A. Tây Ban Nha B. Bồ Đào Nha
   C. Pháp D. Mỹ

3. *Chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) bị xoá bỏ hoàn toàn năm:*

   A. 1990 B. 1991 C. 1992 D. 1993

4. *Nước thuộc địa tuyên bố độc lập đầu tiên sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc là:*

   A. Việt Nam B. Cu Ba
   C. Ai Cập D. In-đô-nê-xi-a

5. *"Năm châu Phi" là năm:*

   A. 1945 B. 1960 C. 1975 D. 1993

Câu 2. *Hoàn thành bảng sau cho phù hợp với các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc các nước trên thế giới.*

Các giai đoạn	*Những sự kiện lịch sử tiêu biểu*
Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX	....
Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX	....
Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX	....

BÀI 4

CÁC NƯỚC CHÂU Á

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình chung của các nước châu Á

- *Về chính trị, xã hội:*

+ Trước năm 1945, các nước châu Á chịu sự nô dịch của chủ nghĩa thực dân (Bồ Đào Nha, Anh, Pháp,...)

+ Sau năm 1945, các nước châu Á lần lượt giành được độc lập (Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a...).

+ Vào nửa sau thế kỷ XX, châu Á rơi vào tình hình không ổn định bởi nhiều cuộc Chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc.

+ Sau "*Chiến tranh lạnh*", ở một số nước châu Á diễn ra các cuộc xung đột tranh chấp Biên giới, lãnh thổ, các phong trào li khai...

- *Về kinh tế:*

+ Nhiều nước đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan...

+ Ấn Độ: sau khi giành độc lập đã tiến hành các kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kinh tế, xã hội đã thu được nhiều kết quả (tự túc lương thực cho dân số hơn 1 tỉ người; công nghệ thông tin và viễn thông phát triển mạnh...)

II. Trung Quốc (diện tích: 9,5 triệu km^2 và dân số gần 1,3 tỉ người)

1. Sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

- *Tiền đề*: gắn liền với đấu tranh thắng lợi của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng (1946-1949).

- *Kết quả*: nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời (1/10/1949).

- *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Chấm dứt ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng nghìn năm phong kiến, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do.

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa nối liền từ châu Âu sang châu Á.

2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)

- *Đường lối*: đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển kinh tế - xã hội.

- *Thành tựu:*

* Kinh tế: thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953-1957).

* Văn hoá - giáo dục: có những bước tiến lớn; đời sống nhân dân được cải thiện.

* Đối ngoại: có những chính sách tích cực củng cố hoà bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới

3. Đất nước trong thời kỳ biến động (1959 - 1978)

- Đường lối "*Ba ngọn cờ hồng*" khiến nền kinh tế trở nên hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng, nạn đói xảy ra khắp nơi.

- Cuộc "*Đại cách mạng vô sản văn hoá*" để lại những thảm hoạ nghiêm trọng trong đời sống vật chất, tinh thần cho Trung Quốc.

4. Công cuộc cải cách - mở cửa (từ năm 1978 đến nay)

- *Đường lối*: Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra đường lối đổi mới nhằm cải cách kinh tế, xã hội.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

+ Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

+ Thực hiện cải cách, mở cửa.

+ Xây dựng đất nước Trung Quốc giàu mạnh, văn minh.

- *Thành tựu*:

+ *Kinh tế*: phát triển nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.

+ *Chính trị - xã hội*: ổn định, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Thu hồi Hồng Kông (7/1997) và Ma Cao (12/1999).

+ *Đối ngoại*: bình thường hoá quan hệ với nhiều nước, mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. *Cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật đã diễn ra từ năm:*

A. 1944 - 1949 B. 1945 - 1949

C. 1946 - 1949 D. 1947 - 1949

2. *Thời kỳ* **không** *ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội Trung Quốc diễn ra trong những năm:*

A. 1949 - 1959 B. 1959 - 1978

C. 1978 - 1991 D. 1991 - 2000

3. *Công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc chính thức bắt đầu từ tháng:*

A. 9/1978 B. 10/1978

C. 11/1978 D. 12/1978

Câu 2. Nối các dữ kiện ở cột bên phải sao cho đúng với đường lối "*Ba ngọn cờ hồng*" ở Trung Quốc.

a. Ba ngọn cờ hồng

1. Đường lối chung
2. Xây dựng CNXH
3. Đại nhảy vọt
4. Công xã nhân dân

Câu 3. *Hoàn thành bảng dưới đây cho đúng với các giai đoạn phát triển của cách mạng Trung Quốc từ năm 1949 đến nay.*

Thời gian	*Nội dung chính*	*Kết quả*
1949 - 1959	....	....
1959 - 1978	....	....
1978 - đến nay	....	....

Câu 4. Trình bày ngắn gọn tình hình châu Á sau năm 1945?

Câu 5. Ý nghĩa lịch sử về sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

BÀI 5

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945

- *Đôi nét về địa lý*: diện tích 4,5 triệu km^2; dân số 536 triệu người (2002); hiện gồm 11 quốc gia.

- *Tình hình Đông Nam Á*:

+ Trước 1945: đều là thuộc địa của các nước phương Tây (trừ Thái Lan).

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nước nổi dậy giành được chính quyền (In-đô-nê-xi-a - 17/8/1945; Việt Nam - 2/9/1945; Lào - 12/10/1945). Tiếp đó là: Phi-lip-pin (7/1946), Miến Điện (1/1948), Mã Lai (8/1957).

+ Cùng với việc thành lập khối SEATO, Mĩ tiến hành xâm lược Việt Nam khiến tình hình Đông Nam Á trở nên căng thẳng.

II. Sự ra đời của tổ chức ASEAN

- *Hoàn cảnh ra đời*:

+ Sau khi giành độc lập, nhiều nước Đông Nam Á chủ trương thành lập một tổ chức liên minh nhằm cùng nhau hợp tác phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng từ các nước bên ngoài.

+ Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc với sự tham gia của 5 nước (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan).

- *Mục tiêu ASEAN*: phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

- Tháng 2/1976, các nước ASEAN kí hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á tại Ba-li.

- Sau tháng 12/1978, quan hệ giữa ASEAN với các nước Đông Dương trở nên căng thẳng, đối đầu.

- Kinh tế: các nước ASEAN thực hiện chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu.

- ASEAN kết nạp các thành viên mới: Bru-nây (1948), Việt Nam (7/1995), Lào và Mi-an-ma (7/1997), Cam-pu-chia (4/1999).

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Đông Nam Á**: khu vực kinh tế - văn hoá gồm 11 quốc gia ở phía đông nam châu Á, nằm giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Các nước Đông Nam Á đã gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập 8/8/1967.

- **ASEAN**: viết tắt cụm từ tiếng Anh *"The Association of South East Asian Nations"* - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy sử dụng những từ (hoặc cụm từ) dưới đây điền vào chỗ chấm (...) để thấy được những nét khái quát về khu vực Đông Nam Á.*

những năm 50   *11*   *8/8/1967*

Thái Lan   *Băng Cốc*

Đông Nam Á hiện nay gồm(1) ....nước với dân số ước tính khoảng 536 triệu người. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, trừ(2)............hầu hết các nước đều là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, nhiều nước đã nổi dậy giành chính quyền như: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào. Tới giữa (3) ....của thế kỷ XX, các quốc gia Đông Nam Á lần lượt giành được độc lập dân tộc. Ngày (4)........., Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập tại (5).........với sự tham gia của 5 nước. Tháng 7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bẩy của ASEAN.

Câu 2. *Hoàn thành niên biểu sau để thấy rõ sự mở rộng của ASEAN*

Thời gian	***Tên nước gia nhập ASEAN***
Ngày 8/8/1967	
	Bru-nây
Tháng 7/1995	
Tháng 7/1997	
	Cam-pu-chia

Câu 3. *Điền tên các quốc gia vào chỗ chấm (...) trên lược đồ cho đúng.*



Câu 4. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, mục tiêu hoạt động và sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

BÀI 6

CÁC NƯỚC CHÂU PHI

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình chung

- Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

+ Thắng lợi của cuộc binh biến sĩ quan Ai Cập (tháng 7/1952) dẫn đến sự thành lập nước Cộng hoà Ai Cập (18/6/1953).

+ Nhân dân An-giê-ri đấu tranh vũ trang giành thắng lợi (1954 - 1962).

+ Năm 1960 được gọi là "*năm châu Phi*", với sự kiện 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.

- Công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, xã hội:

+ Khó khăn:

- Nhiều nước vẫn ở trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu.
- Xung đột, nội chiến do mâu thuẫn sắc tộc, hoặc tôn giáo (từ 1987 đến 1997, ở châu Phi có 14 cuộc xung đột và nội chiến).
- Nợ nần chồng chất, bệnh dịch hoành hành.

+ Thuận lợi:

- Sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.
- Các nước châu Phi thành lập Tổ chức thống nhất châu Phi, nay gọi là Liên minh châu Phi (AU).

II. Cộng hoà Nam Phi

- Vài nét về địa lý: nằm ở cực nam châu Phi, diện tích: 1,2 triệu km^2; dân số 43,6 triệu người (2002) trong đó 75,2 % là người da đen.

- Năm 1961, nước Cộng hoà Nam Phi tuyên bố độc lập.

- Chính quyền thực dân da trắng ở Nam Phi thi hành chính sách phân biệt chủng tộc (chủ nghĩa A-pác-thai) với người da đen và da màu.

- Tổ chức "*Đại hội dân tộc Phi*" (ANC) với lãnh tụ Nen-xơn Man-đê-la, được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đã lãnh đạo người da đen đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc và đã giành thắng lợi vào năm 1993.

- Tháng 5/1994, Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử Nam Phi, chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ hoàn toàn.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Nước đầu tiên giành độc lập ở châu Phi là:

A. An-giê-ri   C. Ai Cập

B. Li-Bi   D. Nam Phi

2. "Năm châu Phi" là năm:

A. 1945   B. 1950   C. 1960   D. 1975

3. Tình hình châu Phi hiện nay:

A. Ổn định và phát triển

B. Khó khăn và không ổn định.

C. Không có Chiến tranh, xung đột

D. Tốc độ phát triển kinh tế cao trên thế giới

4. Liên minh châu Phi viết tắt là:

A. EU   B. ASEAN   C. AU   D. SEATO

Câu 2. *Hãy điền các sự kiện tương ứng với các mốc thời gian sau:*

Thời gian	***Sự kiện***
7/1952	
18/6/1953	
Từ 1954 đến 1962	
Năm 1960	
11/1975	
5/1994	

Câu 3. *Điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ☐ ở đầu những câu sau:*

1. ☐ Do phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ nên châu Phi được gọi là *"Lục địa mới trỗi dậy"*.

2. ☐ Hiện nay tình hình châu Phi rất ổn định, các nước đang phát triển mạnh mẽ.

3. ☐ Chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai là hình thức cuối cùng của chủ nghĩa thực dân và đã sụp đổ vào năm 1993.

4. ☐ Châu Phi gồm 27 nước.

5. ☐ Để khắc phục khó khăn, các nước châu Phi dựa vào sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế và thành lập liên minh trong khu vực

Câu 4. Trình bày ngắn gọn những khó khăn mà nhân dân châu Phi gặp phải trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội đất nước hiện nay.

Câu 5. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi và ý nghĩa lịch sử của nó.

BÀI 7

CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Những nét chung

- Sau khi đã thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha (đầu thế kỷ XIX), các nước Mĩ La-tinh dần dần lệ thuộc nặng nề và trở thành "*sân sau*" của đế quốc Mĩ.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sau 1945:

+ Năm 1959, cách mạng Cu Ba thành công.

+ Đầu những năm 60 đến 80 của thế kỷ XX, Mĩ La-tinh được ví là "*Lục địa bùng cháy*". Chính quyền độc tài phản động ở nhiều nước bị lật đổ, chính phủ dân tộc - dân chủ được thiết lập, có những cải cách tiến bộ (tiêu biểu là Chi-lê và Ni-ca-ra-goa).

+ Thành tựu: củng cố độc lập chủ quyền, dân chủ hoá sinh hoạt chính trị, tiến hành các cải cách kinh tế và thành lập các tổ chức liên minh khu vực.

- Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, các nước Mĩ La-tinh gặp nhiều khó khăn, căng thẳng.

II. Cu Ba - hòn đảo anh hùng

- *Đôi nét về địa lý:* thuộc vùng biển Ca-ri-bê, diện tích: 111.000km^2; dân số: 11,3 triệu người (2002).

- Tháng 3/1952, Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba.

- *Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài (1952 - 1959):*

+ Ngày 26/7/1953, Phi-đen Ca-xtơ-rô lãnh đạo 135 thanh niên yêu nước tấn công vào trại lính Môn-ca-đa. Cuộc tấn công thất bại, ông bị bắt giam.

+ Phi-đen Ca-xtơ-rô sang Mê-hi-cô, thành lập tổ chức "*Phong trào 26-7*".

+ Tháng 11/1956, ông cùng 81 chiến sĩ về nước trên tàu "*Gran-ma*", sau đó xây dựng căn cứ ở vùng Xi-e-ra Ma-e-xtơ-ra.

+ Từ cuối năm 1958, các binh đoàn cách mạng do Phiđen làm Tổng chỉ huy liên tiếp mở các cuộc tiến công.

+ Ngày 1/1/1959, cách mạng Cu Ba thành công.

- *Công cuộc xây dựng đất nước (1959 đến nay):*

+ Sau ngày cách mạng thắng lợi, Chính phủ Lâm thời do Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu đã tiến hành cải cách dân chủ triệt để.

+ Tháng 4/1961, quân dân Cu Ba tiêu diệt 1.300 lính đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.

- Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội: công nghiệp có cơ cấu hợp lý, nông nghiệp đa dạng, giáo dục - y tế - văn hoá thể thao phát triển mạnh.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Mĩ La-tinh là một khu vực rộng lớn nằm trong khu vực:

A. Bắc Mĩ

B. Nam Mĩ

C. Trung Mĩ

D. Từ Mê-hi-cô trải dài xuống Nam Mĩ

2. Đầu thế kỉ XX, các nước Mĩ La-tinh là:

A. thuộc địa của Anh

B. thuộc địa của Pháp

C. thuộc địa của Mĩ

D. những quốc gia độc lập nhưng thực tế là "*sân sau*" của Mĩ.

3. Nước mở đầu phong trào giành độc lập, thoát khỏi sự lệ thuộc của Mĩ ở Mĩ La-tinh là:

A. Cu Ba

C. Cô-lôm-bi-a

B. Vê-nê-xu-ê-la

D. Ni-ca-ra-goa

4. Cuộc tấn công trại lính Môn-ca-đa diễn ra ngày:

A. 26/7/1952

B. 27/6/1952

C. 26/7/1953

D. 27/6/1953

Câu 2. *Hãy điền tên một số quốc gia ở khu vực Mĩ La-tinh vào lược đồ dưới đây.*



Câu 3. *Điền chữ đúng (Đ), hoặc sai (S) vào ☐ ở đầu những câu sau.*

1. ☐ Nhiều nước Mĩ La-tinh đã giành được độc lập sớm nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc, là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

2. ☐ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ La-tinh được gọi là "*Lục địa bùng cháy*".

3. ☐ Nước đi đầu trong phong trào đấu tranh của Mĩ La-tinh là Vê-nê-zu-ê-la.

4. ☐ Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Mĩ La-tinh diễn ra chủ yếu dưới hai hình thức: đấu tranh vũ trang và đấu tranh nghị viện.

5. ☐ Nhiều nước Mĩ La-tinh sau khi bị lật đổ chính quyền độc tài phản động đã tiến hành nhiều cải cách tiến bộ và có trình độ phát triển cao hơn nhiều nước châu Phi, châu Á.

Câu 4. *Những nét chính về cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài và xây dựng đất nước của nhân dân Cu Ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.*

CHƯƠNG III
MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 8. NƯỚC MĨ

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- *Giai đoạn 1945 - 1950:*

+ Nước Mĩ không bị ảnh hưởng bởi Chiến tranh thế giới thứ hai, lại thu được 114 tỉ USD lợi nhuận nhờ Chiến tranh.

+ Chiếm ưu thế mọi mặt: Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới; nắm ¾ trữ lượng vàng thế giới; là chủ nợ duy nhất trên thế giới...

- *Giai đoạn 1950 - nay:*

+ Tuy vẫn đứng đầu thế giới về nhiều mặt nhưng kinh tế không còn ưu thế tuyệt đối như trước: sản lượng công nghiệp chỉ còn 39,8% của thế giới;...

+ Nguyên nhân giảm sút:

* Sự cạnh tranh của hai trung tâm Tây Âu và Nhật Bản.

* Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều suy thoái, khủng hoảng.

* Mĩ chi tiêu quá nhiều cho chạy đua vũ trang.

* Sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội.

II. Sự phát triển về khoa học - kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh

- Mĩ là nước đi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật và đạt nhiều thành tựu lớn: công cụ sản xuất mới, năng lượng mới, khoa học vũ trụ...

- Nhờ những thành tựu đó, nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và đời sống vật chất, tinh thần của người dân Mĩ đã có nhiều thay đổi.

III. Chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh

- Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà thay nhau cầm quyền

- *Đối nội*: ban hành hàng loạt các đạo luật phản động (như cấm Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động); chống lại phong trào đình công và loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy nhà nước. Những chính sách này đã vấp phải sự đấu tranh của nhân dân Mĩ.

- *Đối ngoại:*

+ Đề ra *"chiến lược toàn cầu"* với mục tiêu chống phá các nước XHCN, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới

+ Biện pháp thực hiện: "*viện trợ*" để lôi kéo, khống chế các nước, lập các khối quân sự, gây các cuộc Chiến tranh xâm lược...

+ Kết quả: thất bại nặng nề, đặc biệt là trong Chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- Mĩ ráo riết tiến hành nhiều chính sách để xác lập trật tự thế giới đơn cực.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Chiến lược toàn cầu**: Chiến lược của đế quốc Mĩ nhằm thực hiện tham vọng, âm mưu thống trị toàn thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai với ba mục tiêu cơ bản:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hệ thống XHCN thế giới.

+ Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân.

+ Bắt các nước tư bản, đế quốc khác phụ thuộc vào sự chỉ huy của Mĩ.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Giai đoạn Mĩ chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt là:

A. từ 1945 đến 1950 B. từ 1945 đến 1975

C. từ 1975 đến 2000 D. từ 2000 đến nay

*2. Trong những nhận định sau, nhận định nào **<u>không đúng</u>** về thành tựu của Mĩ trong cách mạng khoa học-kĩ thuật:*

A. Mĩ là nước đầu tiên chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Mĩ là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ đưa con người vào khoảng không vũ trụ.

C. Mĩ là nước đầu tiên đưa người lên Mặt Trăng.

D. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. *Hãy nối cột A với cột B cho phù hợp.*

A	B
1. Trong "*Chiến lược toàn cầu*"	a. Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất thế giới.
2. Trong hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai	b. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu là ba trung tâm kinh tế tài chính trên thế giới
3. Trong cách mạng khoa học-kĩ thuật	c. Mĩ vấp phải những thất bại nặng nề
4. Từ những năm 60 của thế kỉ XX	d. Mĩ đạt nhiều thành tựu kì diệu

Câu 3. *Hãy đánh dấu (X) vào cột dọc sao cho phù hợp với chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ.*

Chính sách	*Đối nội*	*Đối ngoại*
Chống phá các nước xã hội chủ nghĩa		
Loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy nhà nước		
Phá hoại phong trào công nhân và phong trào cách mạng tiến bộ của nhân dân lao động Mĩ		
Viện trợ để lôi kéo, khống chế các nước		
Gây các cuộc Chiến tranh xâm lược		
Phân biệt chủng tộc với người da đen và da màu		

Câu 4. *Hãy điền tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau.*

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ đã vươn lên.......................... trong thế giới tư bản.

2. Tại Mĩ có hai đảng là.......... và............ thay nhau lên cầm quyền.

3. Hiện nay Mĩ đang ráo riết tiến hành nhiều chính sách để xác lập trật tự thế giới............ do Mĩ hoàn toàn chi phối.

Câu 5. Trình bày những nét lớn về tình hình kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

BÀI 9. NHẬT BẢN

A. KIẾN THỨC

Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh

- *Bối cảnh lịch sử:*

+ Nhật Bản là nước bại trận, bị quân đội nước ngoài chiếm đóng.

+ Mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

+ Thất nghiệp trầm trọng, thiếu lương thực, thực phẩm, lạm phát kéo dài...

- *Thực hiện các cải cách dân chủ*: ban hành Hiến pháp mới (1946), thực hiện cải cách ruộng đất (1946-1949), xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng

trị các tội phạm Chiến tranh, giải giáp các lực lượng vũ trang, giải thể các công ty độc quyền, ban hành các quyền tự do dân chủ...

- *Ý nghĩa*: là nhân tố giúp Nhật Bản phát triển.

II. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau Chiến tranh

- *Sự phát triển của nền kinh tế:*

+ Từ những năm 50 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh, vươn lên đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản. Tổng sản phẩm quốc dân Nhật đạt 183 tỉ USD (1968), trong những năm 1950-1960, tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hàng năm là 15%,...

+ Đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

- *Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế:*

+ Truyền thống văn hoá, giáo dục của người Nhật, tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

+ Tổ chức quản lý có hiệu quả.

+ Vai trò của nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển...

+ Con người Nhật Bản: được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù...

- *Khó khăn của nền kinh tế*:

+ Nghèo tài nguyên; sự cạnh tranh, chèn ép của Mĩ và các nước khác.

+ Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật lâm vào suy thoái kéo dài.

III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh

- *Đối nội:*

+ Từ 1955 đến 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền.

+ Từ 1993, Đảng Dân chủ Tự do phải nhường chỗ hoặc liên minh với các lực lượng đối lập.

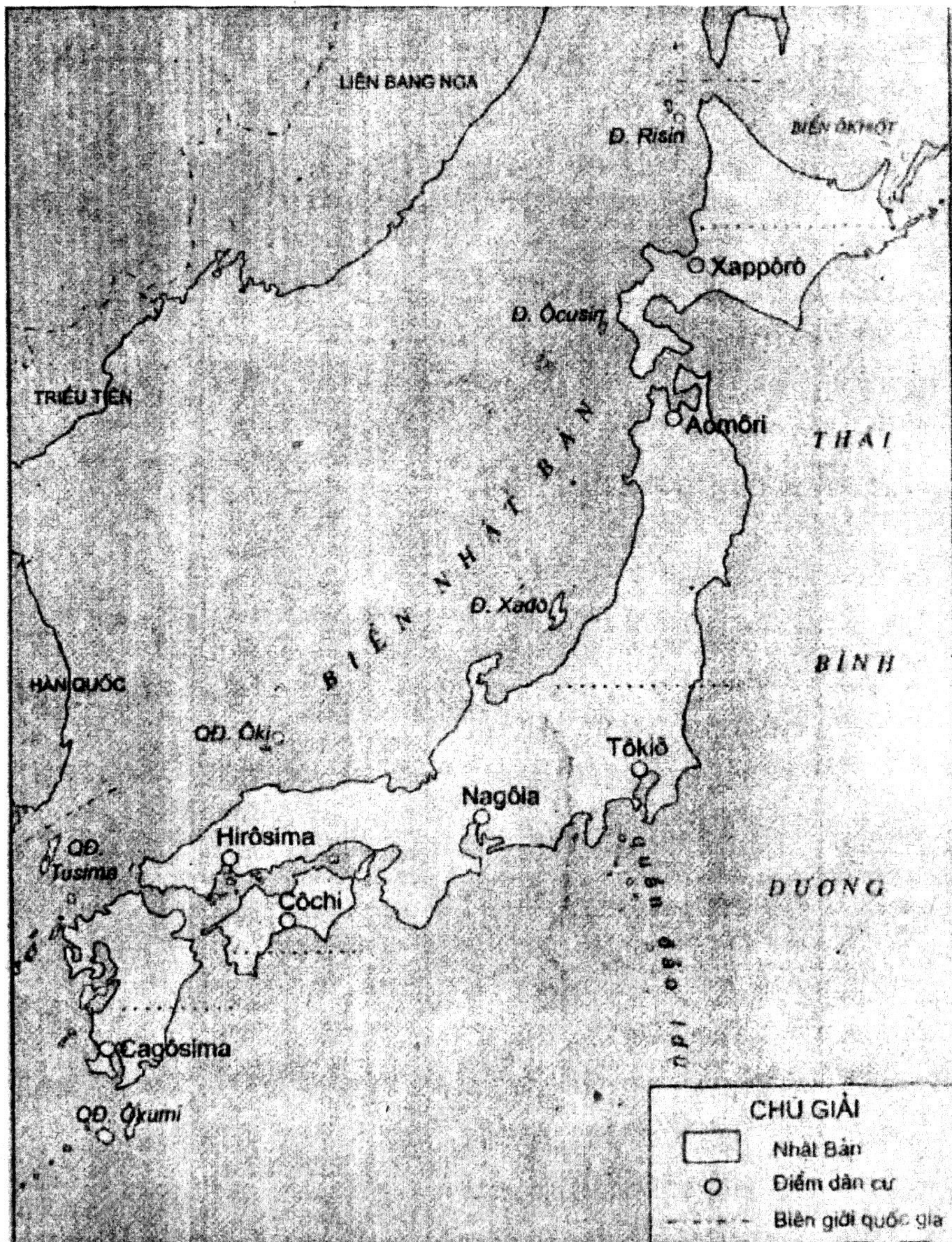
- *Đối ngoại:*

+ Sau Chiến tranh, Nhật Bản hoàn toàn phụ thuộc vào Mĩ, là căn cứ quân sự chiến lược của Mĩ.

+ Nhật Bản thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị. Mở rộng ảnh hưởng của mình trên thế giới, đặc biệt là vùng Đông Nam Á.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. ***Điền tên các hòn đảo lớn của Nhật Bản vào chỗ chấm (...) trên lược đồ cho đúng.***



Câu 2. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ☐ ở đầu những câu sau.*

1. ☐ Nền kinh tế Nhật phát triển mạnh mẽ bắt đầu từ giữa năm 1950.

2. ☐ Từ những năm 60 của thế kỉ XX, Nhật đã có những bước phát triển thần kì.

3. ☐ Hiện nay Nhật vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối trong thế giới tư bản.

4. ☐ Nguyên nhân cơ bản khiến Nhật phát triển nhanh chóng là do biết tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

5. ☐ Yếu tố có ý nghĩa quyết định tạo ra các bước phát triển kì diệu của Nhật là yếu tố con người

Câu 3. *Hãy đánh dấu (X) vào cột dọc sao cho phù hợp với chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản.*

Chính sách	*Đối nội*	*Đối ngoại*
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh		
Cho phép Đảng Cộng sản và nhiều chính đảng khác hoạt động công khai		
Chấp nhận đặt dưới "*ô bảo hộ hạt nhân*" của Mĩ		
Phát triển quan hệ với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước Đông Nam Á		
Ban bố nhiều cải cách dân chủ		

Câu 4. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu về sự phát triển "*thần kỳ*" của kinh tế Nhật Bản từ 1952 đến 1973. Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển đó?

BÀI 10

CÁC NƯỚC TÂY ÂU

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình chung

- ***Về kinh tế:***

+ Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nước Tây Âu bị phát xít chiếm đóng và tàn phá nặng nề, kinh tế sa sút (năm 1944, sản xuất công nghiệp Pháp giảm 38%, nông nghiệp giảm 60% so với trước Chiến tranh,...).

+ Để khôi phục kinh tế, 16 nước Tây Âu đã nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo "***Kế hoạch Mác-san***" (còn gọi là kế hoạch phục hưng châu Âu), với số tiền 17 tỉ USD.

+ Kinh tế Tây Âu được phục hồi nhưng phụ thuộc vào Mĩ.

- ***Về đối nội***: Giai cấp tư sản cầm quyền các nước Tây Âu tìm cách thu hẹp các quyền tự do, dân chủ, xóa bỏ các cải cách tiến bộ, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ,...

- ***Về đối ngoại:***

+ Sau Chiến tranh, nhiều nước Tây Âu tiến hành các cuộc Chiến tranh xâm lược để khôi phục ách thống trị đối với các nước thuộc địa trước

đây (Hà Lan xâm lược In-đô-nê-xi-a, Pháp trở lại Đông Dương,...), song cuối cùng đều phải công nhận quyền độc lập của các nước này.

+ Trong bối cảnh *"Chiến tranh lạnh"*, các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra (1949) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Tình hình châu Âu trở nên căng thẳng.

- *Về vấn đề nước Đức:*

+ Sau Chiến tranh, Đức bị chia làm 4 khu vực đóng quân. Mĩ hợp nhất ba khu vực của Mĩ, Anh, Pháp lập ra Cộng hoà Liên bang Đức (9/1949) và kết nạp vào NATO. Để đối phó lại, Liên Xô thành lập Cộng hoà Dân chủ Đức (10/1949) ở vùng Đông Đức.

+ Được sự giúp đỡ của Mĩ, Anh, Pháp, kinh tế Cộng hoà Liên bang Đức nhanh chóng được khôi phục, vươn lên đứng hàng thứ ba trong thế giới tư bản trong những năm 60, 70 của thế kỷ XX.

+ Ngày 3/10/1990, Cộng hoà Dân chủ Đức sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang Đức trở thành nước Đức thống nhất.

+ Ngày nay, Đức là quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất Tây Âu.

II. Sự liên kết khu vực

- *Nguyên nhân dẫn tới sự liên kết khu vực:*

+ Các nước Tây Âu có chung nền văn minh, từ lâu có mối liên kết mật thiết. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hợp tác để phát triển là điều cần thiết.

+ Từ 1950, sau khi kinh tế được phục hồi và bắt đầu phát triển, muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ, các nước Tây Âu phải liên kết lại.

- *Quá trình liên kết:*

+ Khởi đầu là sự ra đời của *"Cộng đồng than, thép châu Âu"* (4/1951).

+ Tháng 3/1957, sáu nước: Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan và Lúc-xăm-bua cùng nhau thành lập *"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu"* rồi *"Cộng đồng kinh tế châu Âu"*.

+ Tháng 7/1967, ba cộng đồng trên sáp nhập thành Cộng đồng châu Âu (viết tắt là EC).

+ Tháng 12/1991, các nước EC họp Hội nghị cấp cao ở Hà Lan đã thông qua quyết định quan trọng về việc thống nhất châu Âu và sử dụng đồng tiền chung châu Âu. Cộng đồng châu Âu mang tên mới là Liên minh châu Âu (EU).

- Hiện nay, EU là liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới. Năm 1999, số nước thành viên của EU là 15 nước sau đó tăng lên 25 nước (2004).

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Kế hoạch Mác-san**: Kế hoạch mang tên Quốc vụ khanh - Marshall- người đề xướng chủ trương bành trướng kinh tế của Mĩ ngày 5/6/1947. Dưới danh nghĩa *"viện trợ"* kinh tế cho các nước Tây Âu, Mĩ tìm cách vươn lên hàng đầu, điều khiển và can thiệp công việc nội bộ của các nước này.

- **Liên minh châu Âu (EU):** Liên minh kinh tế - chính trị của các nước châu Âu (tên tiếng Anh là European Union) với 25 nước thành viên (2004).

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời năm:

A. 1951 C. 1965

B. 1957 D. 1967

2. Đồng tiền chung châu Âu ra đời năm:

A. 1993 B. 1995 C. 1999 D. 2000

3. Năm 2004, Liên minh châu Âu gồm:

A. 24 nước C. 27 nước

B. 25 nước D. 30 nước

4. Hội nghị cấp cao các nước EC (họp tháng 12/1991) được tổ chức tại nước:

A. Đức B. Pháp C. Anh D. Hà Lan

Câu 2. *Hãy nối mốc thời gian ở cột A với các sự kiện ở cột B cho phù hợp.*

A	B
a. Tháng 4 - 1949	1. Thành lập Cộng hoà Liên bang Đức
b. Tháng 9 - 1949	2. Nước Đức được thống nhất
c. Tháng 10 - 1949	3. Thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương
d. Ngày 3-10-1990	4. Thành lập Cộng hoà Dân chủ Đức

Câu 3. *Điền vào bảng dưới đây tên các tổ chức liên kết kinh tế ở Tây Âu cho phù hợp.*

Thời gian thành lập	Tên gọi các tổ chức liên kết kinh tế
Tháng 4/1951	
Tháng 3/1957	
Tháng 7/1967	
Năm 1991	

Câu 4. *Hãy tô màu các quốc gia tham gia Liên minh châu Âu theo từng giai đoạn được ghi chú trong bảng chú giải vào lược đồ dưới đây.*



Câu 5. *Hãy trình bày những nét chính về tình hình các nước Tây Âu sau năm 1945.*

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 11
TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Sự hình thành trật tự thế giới mới

- Từ ngày 4 đến 11/2/1945, nguyên thủ các cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là Xta-lin, Ru-dơ-ven, Sốc-xin gặp nhau ở I-an-ta (Liên Xô).

- Hội nghị đã thông qua các quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng của hai cường quốc Liên Xô và Mĩ:

+ *Ở châu Âu*: Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông Đức và Đông Âu; Vùng Tây Đức, Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ, Anh.

+ *Ở châu Á*: Mĩ, Anh chấp nhận những điều kiện để đáp ứng việc Liên Xô tham gia Chiến tranh chống Nhật: duy trì nguyên trạng Mông Cổ, trả cho Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin, trao trả cho Trung Quốc những đất đai bị Nhật chiếm đóng trước đây, thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc bao gồm Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc; Triều Tiên được công nhận là một quốc gia độc lập nhưng tạm thời bị chia cắt,...

- Những thoả thuận này đã trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới là *Trật tự hai cực I-an-ta* do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.

II. Sự thành lập Liên hợp quốc

- Hội nghị I-an-ta còn thông qua một quyết định quan trọng khác là thành lập một tổ chức quốc tế mới, gọi là Liên hợp quốc.

- Hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp ở Xan-phơ-ran Xít-cô đã thông qua Hiến chương Liên hợp quốc, và thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

- Nhiệm vụ của Liên hợp quốc: duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc, thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội...

- Việt Nam tham gia Liên hợp quốc vào tháng 9/1977.

III. Chiến tranh lạnh

- *Chiến tranh lạnh* là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN.

- *Biểu hiện*: Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, tăng cường ngân sách quân sự; thành lập các khối quân sự; tiến hành Chiến tranh đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc...

- *Hậu quả*: Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, thậm chí đứng trước nguy cơ bùng nổ Chiến tranh thế giới mới.

IV. Thế giới sau chiến tranh lạnh

- Tháng 12/1989, Tổng thống Mĩ – Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh".

- Tình hình thế giới chuyển biến theo các xu hướng:

+ Xu thế hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

+ Sự tan rã của trật tự thế giới hai cực, tiến tới xác lập trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.

+ Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật, các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trung tâm.

+ Tuy hoà bình được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến giữa các phe phái.

- Xu thế chung của thế giới ngày nay: hoà bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- Trật tự hai cực I-an-ta: là trật tự thế giới mới được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai với sự thoả thuận tại Hội nghị I-an-ta. Thế giới được phân chia thành hai cực đối lập nhau do hai siêu cường Xô - Mĩ đứng đầu.

- **Chiến tranh lạnh**: Đây là thuật ngữ do Ba-rút - nhà nghiên cứu nguyên tử lực của Mĩ đặt ra, xuất hiện lần đầu trên báo chí Mĩ ngày 16/7/1947. Chiến tranh lạnh là cuộc chiến không tiếng súng nhưng luôn gây ra tình trạng căng thẳng, là chính sách thù địch của Mĩ và các nước đế quốc trong các quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai năm 1991.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Các nguyên thủ quốc gia tham gia hội nghị I-an-ta là:

A. Hít-le – Sớc-sin - Ru-dơ-ven

B. Sớc-sin - Xta-lin - Tơ-ru-man

C. Xta-lin - Sớc-sin - Ru-dơ-ven

D. Tơ-ru-man - Hít-le - Xta-lin

2. Hội nghị I-an-ta diễn ra tại:

A. Mĩ

B. Liên Xô

C. Anh

D. Pháp

3. Nội dung chính của Hội nghị I-an-ta là:

A. bàn về phân chia nước Đức sau Chiến tranh.

B. bàn kế hoạch tiêu diệt phát xít Nhật.

C. thông qua các quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc là Liên Xô và Mĩ.

D. phân chia khu vực ảnh hưởng Anh, Mĩ, Liên Xô sau Chiến tranh.

4. Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc là:

A. duy trì hòa bình và an ninh giữa các nước trên thế giới

B. duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, phát triển mối quan hệ hợp tác mọi mặt giữa các nước trên thế giới, thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá.

C. thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa.

D. chống khủng bố.

Câu 2. *Điền tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau:*

1. Việt Nam tham gia Liên hợp quốc từ tháng..... năm.......

2.........................đã khiến cho thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, thậm chí có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ một cuộc Chiến tranh thế giới mới.

3. Tháng 12/1989, hai tổng thống là......................và.................... đã cùng nhau tuyên bố chấm dứt *"Chiến tranh lạnh"*.

4. Xu thế chung của thế giới ngày nay là.........................

Câu 3. Trình bày những quyết định được thoả thuận tại Hội nghị I-an-ta và hệ quả của những quyết định ấy.

CHƯƠNG V

CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 12

NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật

- *Một là, trong lĩnh vực khoa học cơ bản:*

+ Những phát minh trong các lĩnh vực toán học, vật lý, hóa học, sinh học.

+ Với những phát minh lớn của các ngành khoa học, con người đã ứng dụng vào kỹ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống của mình.

- *Hai là*, những *phát minh lớn về công cụ sản xuất mới*, tiêu biểu nhất là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động. Người máy được sử dụng rộng rãi thay thế con người làm những công việc nguy hiểm và phức tạp.

- *Ba là*, tìm ra những *nguồn năng lượng mới* phong phú và vô tận, như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...trong đó năng lượng nguyên tử dần được sử dụng phổ biến.

- *Bốn là*, sáng chế những *vật liệu mới* trong tình hình các vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt. Chất pô-li-me (chất dẻo) đang giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong đời sống hàng ngày của con người cũng như trong công nghiệp.

- *Năm là*, cuộc *cách mạng xanh trong nông nghiệp* với những biện pháp cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, hoá học hóa và những biện pháp lai tạo giống mới đã làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển với tốc độ cao. Nhờ cuộc *cách mạng xanh*, nhiều nước đã khắc phục được nạn thiếu lương thực, đói ăn kéo dài từ bao đời nay.

- *Sáu là*, có những tiến bộ thần kỳ trong lĩnh vực *giao thông vận tải và thông tin liên lạc*. Con người chế tạo những loại máy bay siêu âm khổng lồ, những tàu hoả tốc độ cao và những phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hết sức hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo.

Con người đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên lên Trái Đất, con người bay vào vũ trụ (1961) và đặt chân lên Mặt Trăng (1969),...

II. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật

- *Mặt tích cực:*

+ Là một mốc son trong lịch sử văn minh nhân loại, mang lại những những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

+ Tạo ra những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người.

+ Đưa tới những thay đổi về cơ cấu dân cư lao động với xu hướng tỉ lệ dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm dần, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ tăng lên, nhất là ở những nước phát triển cao.

- *Mặt tiêu cực*: Chế tạo những vũ khí và phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt cuộc sống con người; ô nhiễm môi trường; nhiễm phóng xạ nguyên tử; tai nạn giao thông, bệnh tật mới...

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Thành tựu có ý nghĩa lớn thứ hai của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật là:

A. phát minh ra máy dệt

B. phát minh ra máy tính, hệ thống máy tự động

C. phát minh ra nhiều loại vũ khí hủy diệt

D. sử dụng động cơ hơi nước trong các loại máy móc.

2. Nguồn năng lượng mới ngày càng được sử dụng rộng rãi là:

A. gió

B. thủy triều

C. nguyên tử

D. mặt trời

3. Vật liệu đang giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong đời sống là:

A. chất dẻo pô-li-me

B. nhôm

C. sắt

D. đồng

Câu 2. *Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với các sự kiện sau:*

Thời gian	***Sự kiện***
	Con người lần đầu tiên bay vào vũ trụ
	Con người lần đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng
	Tạo ra cừu Đô-li bằng phương pháp sinh sản vô tính
	Công bố "*bản đồ gen người*"
	Ra đời "*máy tính mô phỏng thế giới*"

Câu 3. *Hãy đánh dấu (X) vào cột dọc sao cho đúng với nguyên nhân, thành tựu và ý nghĩa của cách mạng khoa học-kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.*

Nội dung	*Nguyên nhân*	*Thành tựu*	*Ý nghĩa*
1. Sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động			
2. Đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người			
3. Nhiều nước khắc phục được nạn đói ăn, thiếu lương thực kéo dài bao đời nay			
4. Con người đã chữa trị được nhiều căn bệnh nan y.			
5. Con người đã bước chân lên Mặt Trăng			
6. Con người đã chinh phục được Đại dương			
7. Con người tạo những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và nâng cao mức sống			
8. Cơ cấu dân cư có sự thay đổi lớn, dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm, dân cư lao động trong các ngành dịch vụ tăng			

Câu 4. *Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật từ sau năm 1945 và ý nghĩa, tác động của nó đối với đời sống xã hội.*

BÀI 13

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau

I. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

- Sự thắng lợi và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới, trở thành một lực lượng hùng mạnh về chính trị, quân sự và kinh tế. Những sai lầm về đường lối chính sách và sự chống phá của các thế lực đế quốc và phản động đã làm chế độ XHCN sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.

- Phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử lớn.

- Các nước tư bản sau khi phục hồi nền kinh tế bị Chiến tranh tàn phá đã có sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, hình thành ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới là Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

- Quan hệ quốc tế nổi bật lên là sự xác lập của Trật tự hai cực I-an-ta với đỉnh cao là "chiến tranh lạnh". Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, thế giới chuyển sang xu thế hoà hoãn và đối thoại.

- Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai thu được những thành tựu to lớn.

II. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay

Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỷ XXI.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Từ năm 1945 đến năm 1991, hệ thống xã hội chủ nghĩa trải qua các giai đoạn:

A. 1945-1950; 1950- 1980; 1980- 1991

B. 1945- 1950; 1950-nửa đầu những năm 70; nửa sau những năm 70-1991

C. 1945- 1980; 1980-1991

D. 1945-1989; 1989- 1991

2. Từ năm 1945 đến năm 1991, phong trào giải phóng dân tộc thế giới đã phát triển qua:

A. 2 giai đoạn B. 3 giai đoạn

C. 4 giai đoạn D. 5 giai đoạn

3. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay trải qua các giai đoạn:

A.Từ 1945 đến 1947; Từ 1947 đến nay

B. Từ 1945 đến nửa sau những năm 70; Từ nửa sau những năm 70 đến nay

C. Từ 1945 đến 1947; Từ 1947 đến 1989; Từ 1989 đến nay

D. Từ 1945 đến 1983; Từ 1983 đến 1991

4. Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành hệ thống thế giới trải dài từ châu Âu sang châu Á vào năm:

A. 1945 B. 1947 C. 1949 D. 1950

5. Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết (Liên Xô) bị tan rã vào năm:

A. 1983 B. 1989 C. 1990 D. 1991

6. Các trung tâm kinh tế lớn của thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Mĩ - Nhật Bản　　　　B. Mĩ - Anh - Pháp

C. Mĩ - EU - Nhật Bản　　　　D. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản

Câu 2. *Hãy nối cột tên viết tắt và tên đầy đủ của các tổ chức sau cho phù hợp.*

1. ASEAN	a. Hội đồng tương trợ kinh tế
2. SEATO	b. Hiệp hội các nước Đông Nam Á
3. NATO	c. Liên minh châu Âu
4. SEV	d. Khối quân sự Đông Nam Á
5. EU	e. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương

Câu 3. *Điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu những câu sau.*

1. □Trật tự Véc-xai - Oa-sinh-tơn là trật tự thế giới được thiết lập sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

2. □Trật tự hai cực I-an-ta là trật tự thế giới được thiết lập sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

3. □Năm 1947 Tổng thống Mĩ tuyên bố thực hiện "chiến tranh lạnh".

4. □ "Chiến tranh lạnh" của Mĩ nhằm nô dịch các nước tư bản và các nước thuộc địa kiểu mới.

5. □Năm 1989, Tổng thống En-xin (Nga) và Tổng thống (Bu-sơ) đã tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh".

6. □Trật tự thế giới mới được hình thành, đó là trật tự đơn cực do Mĩ nắm mọi quyền hành.

Câu 4. *Hãy nối các mốc thời gian cho phù hợp với những sự kiện lịch sử trong bảng sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
1. 14/8/1945	a. Thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)
2. 8/1/ 1949	b. SEV ra đời đánh dấu sự hình thành hệ thống XHCN
3. 4/ 4/1949	c. Thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương
4. 14/5/1955	d. Thành lập cộng đồng châu Âu (EC)

5. 8/8/1967	e. Thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập SGN
6. 1/7/1967	g. Thành lập tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va
7. 21/12/1991	h. Nhật Bản kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

Câu 5. *Hãy điền tiếp chỗ chấm (...) để hoàn thành những câu sau:*

1. Có thể lấy sự tan rã của.................... như một mốc đánh dấu cho sự phân kì của giai đoạn lịch sử sau năm 1945 đến nay.

2. Giai đoạn lịch sử từ năm 1945 đến năm 1991 là giai đoạn thế giới phân thành.......phe.

3. Giai đoạn lịch sử từ sau 1991 đến nay thường được gọi là "............".

4. Xu hướng chung của thế giới ngày nay là...

Phần hai
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930

BÀI 14
VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A. KIẾN THỨC:

Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

a. Chính sách khai thác bóc lột về kinh tế

- *Nguyên nhân:*

+ Pháp tuy là nước thắng trận sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nhưng đất nước bị tàn phá nặng nề, kinh tế kiệt quệ.

+ Để bù đắp những thiệt hại nặng nề trong Chiến tranh, Pháp đã đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

- *Nội dung khai thác:* hai ngành được đầu tư nhiều nhất là nông nghiệp và khai mỏ.

+ *Về nông nghiệp*: đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất của nông dân, lập nhiều đồn điền trồng lúa và cao su. Năm 1927, vốn đầu tư vào nông nghiệp của Pháp là 400 triệu phrăng. Diện tích trồng cao su từ 15.000ha (1918) lên 120.000ha (1930)

+ *Về công nghiệp*: chúng đẩy mạnh khai thác mỏ (nhất là mỏ than), đồng thời mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến (giấy, gỗ, xay xát...) hoặc dịch vụ (điện, nước,...).

+ *Về thương nghiệp*: Pháp nắm chặt thị trường Đông Dương và Việt Nam.

+ *Về giao thông vận tải*: Pháp xây dựng các tuyến đường (sắt, thuỷ, bộ) để phục vụ công cuộc khai thác.

+ *Về tài chính*: Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương. Đồng thời chúng còn tăng cường bóc lột nhân dân ta bằng chế độ thuế khóa nặng nề (thuế ruộng đất, thuế thân,...).

b. Chính sách cai trị về chính trị, văn hoá, giáo dục

- *Về chính trị*: mọi quyền hành tập trung trong tay người Pháp, vua Nam triều trở thành bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng chút

quyền tự do dân chủ nào. Pháp vừa khủng bố, đàn áp vừa dụ dỗ, mua chuộc; thực hiện chính sách "*chia để trị*".

- *Về văn hoá, giáo dục*: thi hành chính sách văn hoá nô dịch, khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội. Trường học được mở rất hạn chế. Xuất bản báo chí tuyên truyền cho chính sách "*khai hoá*" của thực dân Pháp.

II. Xã hội Việt Nam phân hoá

- *Giai cấp địa chủ, phong kiến*: cấu kết chặt chẽ với thực dân Pháp, chiếm đoạt ruộng đất và áp bức, bóc lột nông dân. Tuy nhiên, một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, sẵn sàng tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp khi có điều kiện.

- *Giai cấp tư sản:* ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất vốn liếng nhỏ bé, bị tư sản Pháp chèn ép. Do tác động của cuộc khai thác thuộc địa, giai cấp tư sản bị phân hoá thành hai bộ phận:

+ *Tư sản mại bản*: quyền lợi gắn chặt với đế quốc, nên cấu kết chặt chẽ về chính trị với chúng.

+ *Tư sản dân tộc:* có khuynh hướng kinh doanh độc lập, ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng dễ thoả hiệp.

- *Tiểu tư sản*: ra đời gần đồng thời với tư sản Việt Nam, thành phần đa dạng, bị đế quốc bóc lột, bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, có tinh thần yêu nước. Bộ phận trí thức có điều kiện tiếp xúc với trào lưu văn hoá tiến bộ bên ngoài, có tinh thần cách mạng hăng hái.

- *Giai cấp nông nhân*: chiếm trên 90% dân số, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Đây là tầng lớp hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

- *Giai cấp công nhân*: ra đời ngay trước Chiến tranh, phát triển nhanh chóng trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai về cả số lượng và chất lượng Giai cấp công nhân có đặc điểm: chịu ba tầng áp bức; có quan hệ gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc. Giai cấp công nhân vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Thuế ruộng đất (thuế điền):** thuế đánh vào ruộng đất dưới thời thực dân Pháp (đã có từ thời phong kiến). Hàng năm, tuỳ vào diện tích và loại ruộng, chủ ruộng phải nộp một số tiền cho nhà nước thực dân.

- **Thuế thân (thuế đinh):** thuế đánh vào đầu người dưới chế độ phong kiến thực dân. Theo quy định, mỗi người đàn ông từ 18 đến 60 tuổi được chia ruộng khẩu phần và hàng năm phải nộp một số tiền cho nhà nước với mức khá nặng.

- Tư sản mại bản: một bộ phận trong giai cấp tư sản ở các nước thuộc địa, phụ thuộc làm đại lí cho công ty tư bản độc quyền, hoặc tham gia bỏ vốn vào công ty của đế quốc. Họ có quyền lợi gắn chặt với đế quốc.

- Tư sản dân tộc: một bộ phận trong giai cấp tư sản ở các nước thuộc địa, phụ thuộc, bị đế quốc chèn ép về kinh tế, hạn chế về chính trị. Trong một chừng mực nhất định, họ có tinh thần cách mạng nhưng không triệt để.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Nguyên nhân thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là:

A. thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

B. vơ vét bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh gây ra.

C. thực hiện cho vay lấy lãi.

D. khai hóa cho Việt Nam.

2. Chương trình khai thác sau Chiến tranh thế giới thứ nhất được gọi là:

A. cuộc khai thác lần thứ nhất

B. cuộc khai thác lần thứ hai

C. cuộc khai thác lần thứ ba

D. cuộc khai thác lần thứ tư

3. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần hai, Pháp bỏ vốn nhiều nhất vào các ngành:

A. nông nghiệp và khai mỏ.

B. công nghiệp chế biến và nông nghiệp.

C. công nghiệp chế biến và thương nghiệp.

D. ngân hàng và giao thông.

4. Về chính trị, Pháp đã áp dụng ở Việt Nam chính sách:

A. ngu dân

B. khai hóa

C. chia để trị

D. đầu tư vốn vào sản xuất

5. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam phân hoá thành các giai cấp, tầng lớp:

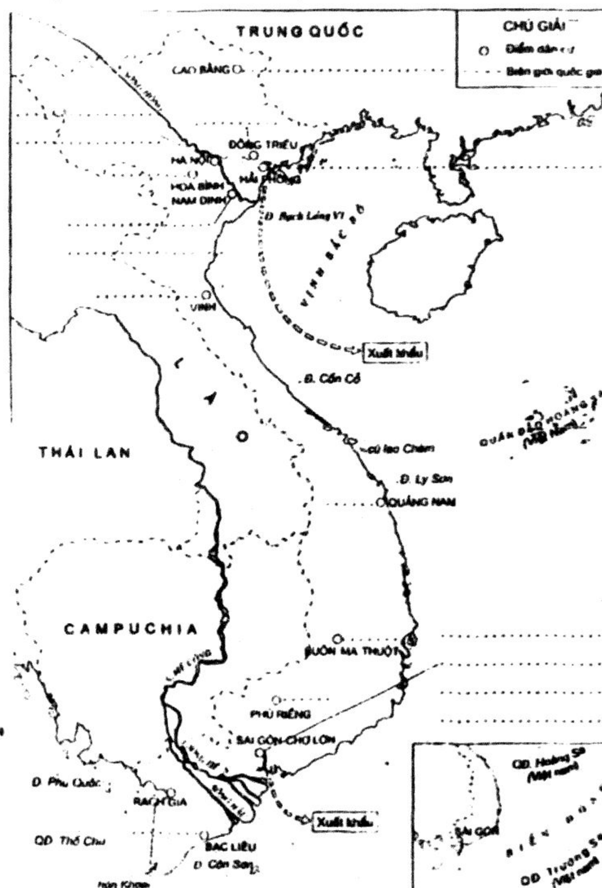
A. quan lại Pháp, địa chủ phong kiến, nông dân, công nhân, tư sản, tiểu tư sản

B. phong kiến, công nhân, nông dân, dân nghèo

C. địa chủ phong kiến, công nhân, tư sản, tiểu tư sản, nông dân

D. địa chủ phong kiến, công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tư sản mại bản, tiểu tư sản

Câu 2. *Điền vào lược đồ dưới đây những nguồn lợi Pháp thu được trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai ở Việt Nam.*



Câu 3. *Nối nội dung ở cột bên trái với cột bên phải để có câu trả lời đúng về thái độ chính trị xã hội của các tầng lớp, giai cấp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

1. Công nhân	a. Hăng hái và đông đảo tham gia cách mạng
2. Nông dân	b. Có tư tưởng tiến bộ, hăng hái tham gia cách mạng
3. Tư sản	c. một bộ phận cấu kết với Pháp, đàn áp phong trào nhân dân
4. Tiểu tư sản	d. Có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng dễ thỏa hiệp
5. Địa chủ phong kiến	e. Kiên quyết đấu tranh và là lực lượng lãnh đạo

Câu 4. Chương trình khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp: nguyên nhân, nội dung khai thác.

BÀI 15
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 - 1925)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới

- *Các sự kiện của cách mạng thế giới ảnh hưởng tới Việt Nam:*

+ Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công làm cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc phương Tây có sự gắn bó mật thiết.

+ Làn sóng cách mạng dâng cao trên toàn thế giới.

+ Năm 1919, Quốc tế Cộng sản thành lập lãnh đạo phong trào cách mạng.

+ Sự ra đời của các Đảng Cộng sản: Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)...

- *Tác động của các sự kiện*: tác động mạnh mẽ đến sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Việt Nam.

II. Phong trào cách mạng Việt Nam (1919 - 1925)

**** Phong trào dân tộc, dân chủ công khai***

- *Giai cấp tư sản dân tộc:*

+ Các phong trào: chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá (1919); đấu tranh chống độc quyền thương cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ của tư bản Pháp (1923); sử dụng báo chí để bênh vực cho quyền lợi của mình...

+ Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long,...) thành lập Đảng Lập hiến để đấu tranh gây áp lực với Pháp nhưng sẵn sàng thoả hiệp khi chúng ban cho một vài quyền lợi.

+ Nhận xét: phong trào đòi mục tiêu kinh tế là chủ yếu, tầng lớp tư sản dân tộc cố gắng đấu tranh chống lại sự chèn ép của tư bản nước ngoài. Phong trào còn hạn chế ở chỗ: bộc lộ tính chất cải lương, phục vụ quyền lợi giai cấp trên...

- *Các tầng lớp tiểu tư sản:* (học sinh, sinh viên, nhà báo, nhà giáo...)

+ Được tập hợp trong các tổ chức chính trị: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên,... Xuất bản nhiều tờ báo: *Chuông rè*, *Người nhà quê*,... lập ra nhiều nhà xuất bản tiến bộ.

+ Phong trào tiêu biểu: Tiếng bom Phạm Hồng Thái (1924) tại Sa Điện (Quảng Châu-Trung Quốc); phong trào đòi thả Phan Bội Châu (1925); đám tang Phan Châu Trinh (1926).

+ Nhận xét: các phong trào nhằm mục tiêu chống cường quyền áp bức, đòi quyền tự do dân chủ, mang tính chất yêu nước, dân chủ rõ nét.

- *Điểm tích cực* của các phong trào dân tộc, dân chủ công khai: thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân, truyền bá những tư tưởng cách mạng mới, thu hút đông đảo quần chúng tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sôi nổi.

- *Hạn chế*: đấu tranh bồng bột, xốc nổi, chưa có chính đảng lãnh đạo.

**** Phong trào công nhân***

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân Việt Nam có *những tác động mới*: Hoạt động Công hội do Tôn Đức Thắng thành lập năm 1920 tại Sài Gòn; Các cuộc đấu tranh của công nhân, thuỷ thủ Pháp và Trung Quốc ở các cảng lớn như Hương Cảng, Thượng Hải...

- *Phong trào tiêu biểu*:

+ Đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc Kì đòi nghỉ ngày chủ nhật có trả lương (1922).

+ Các cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương (1924).

+ Cuộc bãi công của công nhân Ba Son ở cảng Sài Gòn (tháng 8/1925) nhằm ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân và thuỷ thủ Trung Quốc. Đây là phong trào đấu tranh đầu tiên của công nhân có tổ chức, có sự lãnh đạo, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.

- *Đánh giá chung:* Phong trào công nhân còn lẻ tẻ, mang tính chất tự phát nhưng ý thức giai cấp, chính trị ngày càng phát triển.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- Bãi công: hình thức đấu tranh của công nhân, viên chức chống chủ nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, khi tạm ngừng một bộ phận hay toàn bộ việc sản xuất để đòi hỏi hoặc phản đối: đòi tăng lương, chống đánh đập, cúp lương, đuổi việc...

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự kiện quan trọng nhất ảnh hưởng tích cực đến cách mạng Việt Nam là:

A. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.

B. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.

D. Phong trào cách mạng dâng cao ở châu Mĩ, châu Phi.

2. Lực lượng tham gia đông đảo nhất trong phong trào dân tộc dân chủ là:

A. tư sản yêu nước B. tiểu tư sản yêu nước

C. công nhân D. nông dân

3. Lãnh đạo công nhân xưởng đóng tàu Ba Son bãi công (8-1925) là:

A. Nguyễn Văn Cừ B. Nguyễn Ái Quốc

C. Trần Phú D. Tôn Đức Thắng

4. Nét mới trong cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8-1925) là:

A. có tinh thần quốc tế vô sản.

B. lần đầu tiên công nhân đấu tranh.

C. có sự liên kết với nông dân.

D. lần đầu tiên có sự liên minh mọi tầng lớp giai cấp.

Câu 2. *Điền mốc thời gian cho phù hợp với các sự kiện trong bảng dưới đây.*

Thời gian	***Sự kiện***
	Phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa
	Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu gạo
	Tiếng bom liệt sĩ Phạm Hồng Thái
	Phong trào đòi thả Phan Bội Châu
	Phong trào đám tang Phan Châu Trinh
	Công hội đỏ được thành lập
	Cuộc bãi công của công nhân Ba Son - Sài Gòn

Câu 3. *Đánh dấu (X) vào cột tương ứng với hoạt động của phong trào dân tộc dân chủ công khai và phong trào công nhân trong những năm 1919-1925.*

Hoạt động	**PT dân chủ công khai**	**PT công nhân**
Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu gạo		
Đấu tranh đòi nghỉ làm ngày chủ nhật có trả lương		
Đấu tranh của công nhân nhà máy dệt		

Bài trừ ngoại hóa		
Đấu tranh của công nhân nhà máy rượu bia Hà Nội		
Mưu sát toàn quyền Pháp Méc Lanh		
Đòi thả Phan Bội Châu		
Để tang Phan Châu Trinh		

Câu 4. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai: mục-tiêu, tính chất, những điểm tích cực và hạn chế.

Câu 5. Sự phát triển của phong trào công nhân trong giai đoạn 1919 – 1925.

BÀI 16
HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1925

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923)

- Năm 1911, Người rời bến cảng Nhà Rồng tìm đường cứu nước.

- Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Véc-xai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết cho dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách tuy không được chấp nhận nhưng đã gây tiếng vang lớn đối với nhân dân ta, nhân dân Pháp và các dân tộc thuộc địa Pháp.

- Tháng 7 - 1920, Người được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lê-nin, dứt khoát đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu gia nhập Quốc tế thứ ba, tham gia Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu Người hoàn toàn đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Năm 1921:

+ Được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa*.

+ Người viết báo *Người cùng khổ*, viết bài cho báo *Đời sống công nhân*, báo *Nhân đạo* và cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Những sách, báo này được bí mật mang về nước thức tỉnh đồng bào ta.

II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân. Người tiếp tục nghiên cứu, học tập tại đây.

- Năm 1924, *Người đọc bản tham luận tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V*, đã nêu bật được vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò sức mạnh của giai cấp công nhân...

- Những quan điểm, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về cách mạng giải phóng thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc thu nhận được bí mật truyền bá về nước, chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho việc thành lập chính Đảng Vô sản ở nước ta.

III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925)

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc).

- Tháng 6 - 1925, Người sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, với nòng cốt là Cộng sản đoàn.

+ Sáng lập tuần báo *Thanh niên* để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

+ Mở các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giảng dạy.

+ Các bài giảng của Người được tập hợp trong cuốn *Đường cách mệnh* (1927) vạch ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Năm 1928, Hội chủ trương "*vô sản hoá*" đưa hội viên vào hoạt động trong các nhà máy, hầm mỏ... để tự rèn luyện và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- *Nhận xét*: Sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của cách mạng nước ta. Hội là tổ chức trung gian để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc không chỉ trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng chính trị mà cả về tổ chức cho việc thành lập chính Đảng Vô sản ở Việt Nam.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin: do C. Mác và Ph. Ăng-ghen sáng lập, được Lê-nin kế thừa, phát triển gồm lý luận khoa học về đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Vô sản hoá: chủ trương của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đưa các hội viên đến hoạt động và rèn luyện trong các nhà máy, hầm mỏ trong những năm 1928 - 1929.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đã được đọc:

A. Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

B. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

C. Sơ thảo lần thứ nhất những vấn đề về dân tộc và thuộc địa.

D. Sơ thảo những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

2. Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô tham dự Quốc tế Nông dân vào:

A. tháng 5/1922 B. tháng 6/1923

C. tháng 6/1924 D. tháng 5/1925

3. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các bậc tiền bối là::

A. dựa vào sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây để làm cách mạng.

B. chú trọng phát triển lực lượng vũ trang.

C. từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác- Lê-Nin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

D. hoạt động ở nước ngoài, chờ thời cơ, tập hợp lực lượng rồi tấn công vào trong nước.

4. Tổ chức tiền thân của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là:

A. Cộng sản đoàn B. Tâm Tâm xã

C. Thanh niên Cao vọng D. Phục Việt

Câu 2. *Đánh dấu (X) vào cột tương ứng với những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.*

Hoạt động	***Pháp***	***Liên Xô***	***Trung Quốc***
Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên			
Thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa			
Tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba			
Xuất bản báo *Người cùng khổ*			
Xuất bản báo *Thanh niên*			
Trình bày tham luận tại Đại hội Quốc tế Cộng sản			
Xuất bản cuốn *Đường cách mệnh*			
Gửi yêu sách tới Hội nghị Véc-xai			

Câu 3. *Hoàn thiện bảng dưới đây*

Thời gian	***Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc***
1919	....

1920	....
1921	....
1922	....
1923	....
1924	....
1925	....

BÀI 17
CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926-1927)

- *Phong trào công nhân:*

+ Trong hai năm 1926-1927, có nhiều cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Tiêm, Phú Riềng,...

+ Phong trào diễn ra rộng khắp từ bắc tới nam, mang tính thống nhất trong cả nước.

+ Phong trào vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương.

- *Phong trào nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp khác* cũng phát triển, kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước.

- *Các tổ chức cách mạng nối tiếp nhau ra đời.*

II. Tân Việt Cách mạng đảng (7 - 1928)

- *Sự ra đời:*

+ Tiền thân là Hội Phục Việt ra đời tại Vinh do nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị cũ ở Trung Kì thành lập.

+ Tháng 7/1928, lấy tên chính thức là Tân Việt Cách mạng đảng.

- *Tổ chức, hoạt động:*

+ Tân Việt tập hợp các trí thức và thanh niên tiểu tư sản yêu nước, hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

+ Trong quá trình hoạt động, nội bộ Tân Việt bị phân hoá thành hai xu hướng: tư sản và vô sản. Cuối cùng, xu hướng vô sản thắng thế. Một số đảng viên ưu tú của Tân Việt chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tiến tới thành lập chính Đảng Vô sản.

III. Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)

- *Sự ra đời*: Việt Nam Quốc dân đảng thành lập ngày 25/12/1927 với bộ phận hạt nhân đầu tiên là Nhà xuất bản Nam Đồng thư xã, chịu ảnh hưởng của "*chủ nghĩa Tam dân*".

- *Tổ chức và hoạt động:*

+ Lãnh đạo: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu.

+ Địa bàn hoạt động chủ yếu là ở Bắc Kỳ.

+ Thành phần đảng viên phức tạp: học sinh, sinh viên, công chức, nông dân khá giả, thâu hào, địa chủ, binh lính người Việt,...

+ Hoạt động: nặng về ám sát cá nhân.

- *Khởi nghĩa Yên Bái:*

+ *Nguyên nhân:* Sau vụ ám sát Ba-danh (9/2/1930), thực dân Pháp tổ chức đàn áp. Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề. Cán bộ đảng viên từ trung ương đến địa phương đều bị bắt, nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ. Một số người lãnh đạo còn lại quyết định khởi nghĩa.

+ *Diễn biến:* Khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái đêm 9/2/1930 sau đó là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình,... Khởi nghĩa thất bại, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông bị lên máy chém.

+ *Nguyên nhân thất bại:* Về khách quan, lực lượng Pháp còn mạnh, đủ sức đàn áp một cuộc đấu tranh vũ trang vừa đơn độc, vừa non kém. Về chủ quan, do Việt Nam Quốc dân đảng non yếu và không vững chắc về tổ chức lãnh đạo.

+ *Ý nghĩa:* Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc của nhân dân ta; đánh dấu sự tan rã của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản dưới ngọn cờ của Việt Nam Quốc dân đảng.

IV. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929

- *Hoàn cảnh lịch sử:*

+ Sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1928-1929.

+ Tháng 3/1929, chi bộ Cộng sản đầu tiên ra đời ở Bắc Kì thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

+ Cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trong nội bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 5/1929).

- *Sự ra đời ba tổ chức cộng sản:*

+ Ngày 17/6/1929, Đông Dương Cộng sản đảng thành lập, thông qua *Tuyên ngôn, Điều lệ*, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

+ Tháng 8/1929, An Nam Cộng sản đảng ra đời.

+ Tháng 9/1929, các đảng viên tiên tiến của Tân Việt tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

- *Ý nghĩa*: thể hiện bước nhảy vọt của cách mạng Việt Nam.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Tân Việt Cách mạng đảng ra đời từ tổ chức:

A. Hội Duy Tân
B. Nam Đồng Thư xã
C. Hội Phục Việt
D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

2. Tổ chức lãnh đạo khởi nghĩa Yên Bái là:

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
B. Việt Nam Quốc dân đảng
C. Tân Việt Cách mạng đảng
D. Đảng Cộng sản Việt Nam

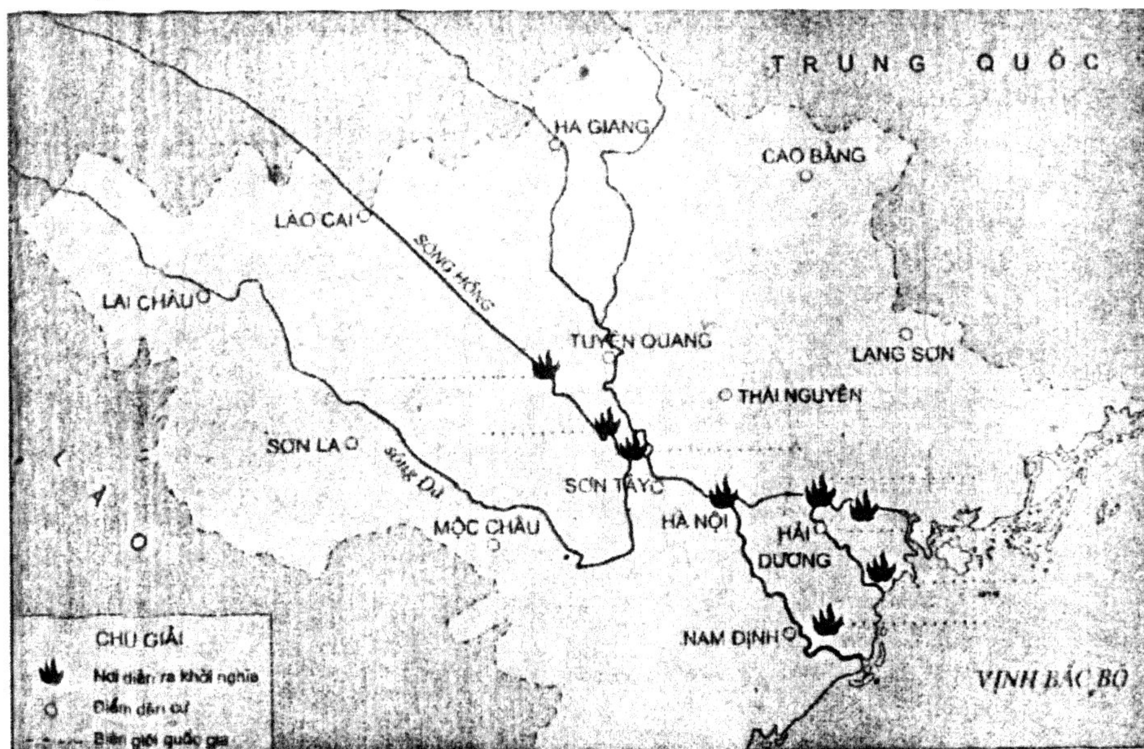
3. Khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ vào ngày:

A. 9/2/1929
B. 2/9/1929
C. 9/2/1930
D. 2/9/1930

4. Tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ đã thành lập:

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
B. Đông Dương Cộng sản đảng.
C. An Nam Cộng sản đảng.
D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 2. *Điền vào chỗ chấm (...) trong lược đồ dưới đây những địa danh nổ ra khởi nghĩa Yên Bái.*



Câu 3. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ☐ ở đầu những câu sau.*

1.☐ Ba tổ chức cách mạng của Việt Nam là Tâm tâm xã, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt.

2.☐ Ba tổ chức cộng sản của Việt Nam là Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

3.☐ Nhiều thành viên trong Tân Việt đã chuyển sang tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng.

4.☐ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng phát triển, Tân Việt bị thu hẹp dần còn Việt Nam Quốc dân đảng đã tan rã vào đầu năm 1930.

Câu 4. Khởi nghĩa Yên Bái: nguyên nhân bùng nổ, diễn biến, kết quả, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa.

CHƯƠNG II
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1939

BÀI 18
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)

- *Hoàn cảnh lịch sử:*

+ Do đòi hỏi của phong trào đấu tranh mà ba tổ chức cộng sản ra đời, trực tiếp lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân. Làn sóng đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ lan khắp cả nước.

+ Song ba tổ chức này lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau. Tình hình này nếu để kéo dài sẽ dẫn đến nguy cơ chia rẽ lớn.

+ Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một Đảng Cộng sản thống nhất để lãnh đạo phong trào chung.

- *Nội dung hội nghị:* Hội nghị họp từ ngày 3 đến 7/2/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng-Trung Quốc) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc với sự tham gia của đại biểu Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và đại biểu ngoài nước.

+ Hội nghị nhất trí tán thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc ra *Lời kêu gọi.*

- *Ý nghĩa*: Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* được coi là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

II. Luận cương chính trị (10/1930)

- Giữa lúc phong trào cách mạng đang dâng lên, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp *Hội nghị lần thứ nhất* tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10/1930. Hội nghị đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú là Tổng Bí thư, thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.

- *Nội dung Luận cương chính trị:*

+ Hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam là cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến, đế quốc.

+ Lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền: vô sản và nông dân.

+ Phương pháp cách mạng: tập hợp quần chúng đấu tranh, khi tình thế cách mạng xuất hiện thì phát động quần chúng vũ trang bạo động, giành chính quyền.

+ Lãnh đạo: Đảng Cộng sản lãnh đạo là điều kiện đảm bảo thắng lợi.

+ Mối quan hệ với cách mạng thế giới: liên hệ mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa.

III. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

- Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử, khẳng định sự trưởng thành của giai cấp công nhân, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

- Là sự chuẩn bị đầu tiên có tính tất yếu, quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Ngày 3/2/1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã diễn ra sự kiện:

A. thành lập Đông Dương Cộng sản đảng

B. thành lập An Nam Cộng sản đảng

C. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

D. thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương

2. Người chủ trì thống nhất ba tổ chức cộng sản là:

A. Trần Phú B. Trịnh Đình Cửu

C. Lê Hồng Phong D. Nguyễn Ái Quốc

3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ sự thống nhất giữa các tổ chức:

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng, Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

4. Người soạn thảo "Luận cương chính trị" của Đảng là:

A. Trần Phú | B. Trịnh Đình Cửu

C. Lê Hồng Phong | D. Nguyễn Ái Quốc

Câu 2. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ☐ ở đầu những câu sau.*

1☐. Hội nghị thành lập Đảng họp từ ngày 3/2/1930 đến ngày 7/2/1930 tại thành phố Cửu Long - Hương Cảng, Trung Quốc.

2☐. Ngày 3/2/1930, ba tổ chức cộng sản Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã hợp nhất thành một Đảng Cộng sản duy nhất.

3☐. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam.

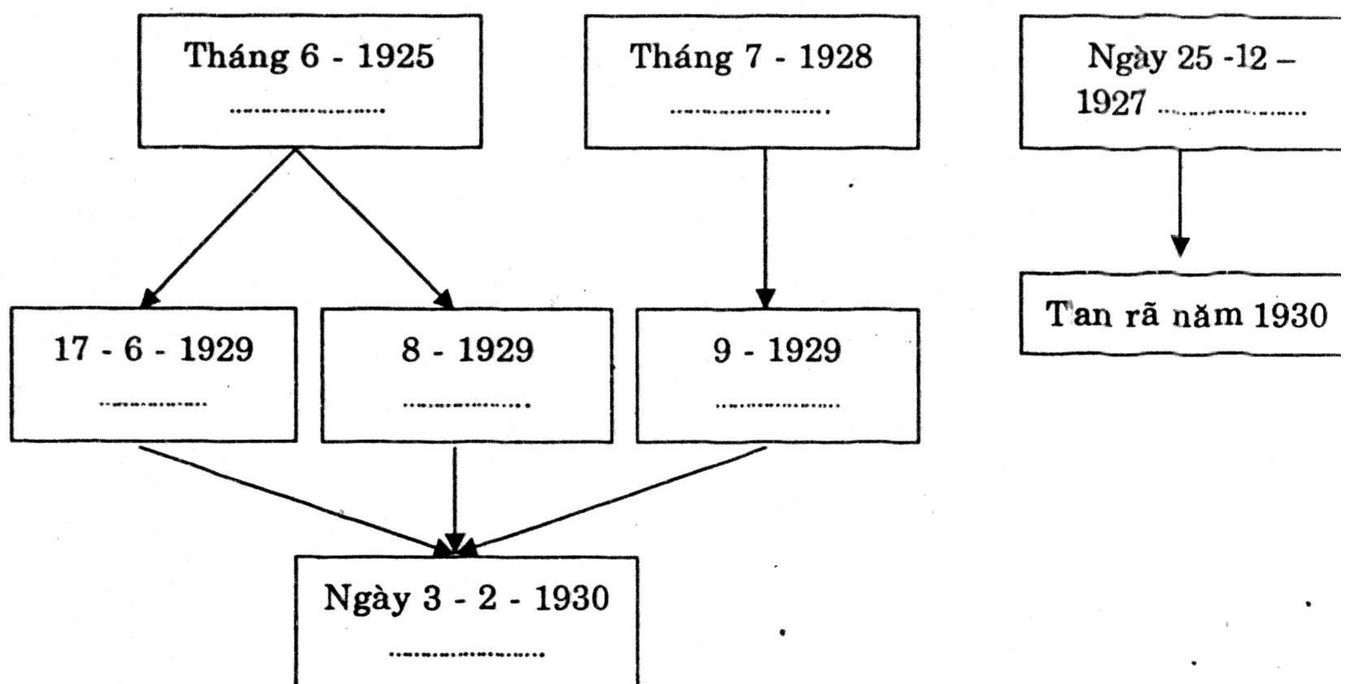
4☐. Khi mới ra đời, Đảng có tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, đến tháng 10/1930 Đảng đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

5☐. Tính chất của Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

6☐. Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương là Nguyễn Ái Quốc.

7☐. Từ 1930, cách mạng Việt Nam thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp vô sản.

Câu 3. *Hoàn thành sơ đồ sau để hiểu đúng về quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.*



Câu 4. Nội dung cơ bản của *Luận cương chính trị* (10/1930).

Câu 5. Phân tích ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

BÀI 19

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1935

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm những kiến thức cơ bản sau:

I. Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)

- Việt Nam phải gánh chịu những hậu quả của khủng hoảng kinh tế 1929-1933, công nghiệp và nông nghiệp suy sụp, xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm, đắt đỏ, đời sống nhân dân điêu đứng.

- Pháp tăng cường khủng bố đàn áp càng làm cho nhân dân ta căm thù và quyết tâm đấu tranh.

II. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh

a. Diễn biến phong trào

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã dấy lên nhiều phong trào:

Phong trào đấu tranh trong nước:

+ Từ tháng 2 đến tháng 4/1930:

* Bãi công của 3000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng; bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, và các cuộc bãi công nhân nhà máy diêm-cưa Bến Thuỷ, xi măng Hải Phòng,...

* Phong trào đấu tranh của nông dân: Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh diễn ra sôi nổi.

+ Phong trào đấu tranh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930.

* Lần đầu tiên công nhân và các tầng lớp nhân dân Đông Dương chứng tỏ sự đoàn kết và biểu dương lực lượng của mình.

* Đấu tranh của nông dân nổ ra ở nhiều địa phương: Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, hầu khắp các tỉnh Nam Kì, ...

Phong trào ở Nghệ - Tĩnh: phát triển mạnh mẽ nhất, đặc biệt vào tháng 9/1930, kết hợp giữa khẩu hiệu đấu tranh chính trị và kinh tế. Các cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt, quần chúng vũ trang tự vệ, biểu tình có vũ trang thị uy, tấn công vào các cơ quan của địch ở địa phương, ...

- Chính quyền Xô viết ra đời:

+ Chính quyền của đế quốc, phong kiến tan rã ở thôn xã, các Ban Chấp hành Nông hội xã do Chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lí mọi mặt đời sống, làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết.

+ Chính quyền ban bố các quyền tự do dân chủ: tịch thu ruộng đất chia cho nông dân, bãi bỏ các thứ thuế vô lý, chú ý đê điều phòng lụt, tổ chức học chữ quốc ngữ, xoá bỏ các phong tục tập quán lạc hậu,...

b. Kết quả, ý nghĩa:

- Pháp tiến hành khủng bố tàn bạo, ném bom tàn sát đẫm máu vào cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (12/9/1930). Chúng còn sử dụng những thủ đoạn dụ dỗ, chia rẽ, mua chuộc. Nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng tan vỡ, hàng vạn cán bộ đảng viên bị giết hoặc bị tù đày.

- Phong trào tuy thất bại nhưng chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động, góp phần rèn luyện lực lượng cách mạng.

III. Lực lượng cách mạng được phục hồi

- Từ cuối 1931, phong trào cách mạng tạm lắng xuống.

- Đến cuối 1934, đầu 1935, hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước được khôi phục, các đoàn thể quần chúng được lập lại.

- Tháng 3/1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) chuẩn bị cho một cao trào cách mạng mới.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Xô viết** (từ tiếng Nga, có nghĩa là Uỷ ban): tổ chức tự quản ra đời trong phong trào cách mạng 1905-1907 ở Nga. Đây là tổ chức chính quyền cách mạng tiền thân của nhà nước Liên Xô sau này. Năm 1930-1931, chính quyền kiểu Xô viết cũng được thành lập ở Nghệ An - Hà Tĩnh.

- **Nông hội**: tổ chức cách mạng của nông dân, do Đảng Vô sản lãnh đạo, đấu tranh chống đế quốc, phong kiến trong cách mạng dân tộc, dân chủ.

- **Công hội**: một hình thức của Công đoàn được hình thành và hoạt động ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám 1945 và ở một số nước tư bản.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Ngay khi mới ra đời, Đảng đã phát động một cao trào đấu tranh trong quần chúng vì:

A. nhân dân ta có truyền thống yêu nước và căm thù giặc.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng.

C. thời cơ cách mạng đã chín muồi trong cả nước.

D. hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

2. *Ngày 12/9/1930 là ngày diễn ra sự kiện:*

A. Cuộc bãi công của công nhân diêm, cưa Bến Thuỷ (Vinh).

B. Nhân dân Hà Tĩnh nổi dậy cướp chính quyền.

C. Nông dân huyện Hưng Nguyên biểu tình.

D. Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định.

3. *Thời kỳ đấu tranh phục hồi lực lượng cách mạng diễn ra từ năm:*

A. 1930-1932 B. 1931-1935

C. 1932-1934 D. 1933-1936

4. *Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3/1935) được họp tại:*

A. Ma Cao (Trung Quốc) B. Hương Cảng (Trung Quốc)

C. Pắc Bó (Cao Bằng) D. Hà Nội

Câu 2. *Hãy đánh dấu X vào cột bên phải cho phù hợp với nội dung ở bảng sau.*

Nội dung	***Phong trào đấu tranh***	
	Đầu thế kỉ XX	1930-1931
Lãnh đạo chủ yếu là tư sản và các sĩ phu yêu nước.		
Lãnh đạo là Đảng Cộng sản		
Lúc đầu là đấu tranh chính trị, sau kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang		
Hình thức đấu tranh chủ yếu là bãi công, mít tinh		
Đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng		
Bị Pháp đàn áp và dập tắt		

Câu 3. *Hãy điền các mốc thời gian cho phù hợp với các sự kiện sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
	Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới.
	Nhân ngày Quốc tế Lao động, lần đầu tiên Đảng phát động công nhân và dân chúng đấu tranh tỏ rõ thái độ đoàn kết với vô sản thế giới.
	Cuộc biểu tình khổng lồ của nông dân huyện Hưng Nguyên
	Thời kì đấu tranh phục hồi cách mạng Việt Nam
	Hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước đã được phục hồi
	Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc)

Câu 4. Căn cứ vào đâu để cho rằng: Xô viết Nghệ - Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

BÀI 20

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1939

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình thế giới và trong nước

* *Tình hình thế giới* có nhiều biến đổi:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm cho mâu thuẫn trong xã hội trong các nước tư bản thêm sâu sắc. Chế độ phát xít được thiết lập ở nhiều nước.

- Đại hội lần VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Đại hội chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân các nước để tập hợp đông đảo các lực lượng dân chủ chống phát xít, chống Chiến tranh.

- Ở Pháp, năm 1936 Mặt trận Nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã thi hành một số chính sách dân chủ cho các nước thuộc địa.

* *Tình hình trong nước:*

- Một số tù chính trị được thả và nhanh chóng hoạt động trở lại.

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động đến các giai cấp, tầng lớp. Chính sách bóc lột, khủng bố của Pháp càng làm cuộc sống của nhân dân ta thêm ngột ngạt. Yêu cầu cải thiện đời sống và thực hiện các quyền tự do dân chủ được đặt ra.

II. Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939

* *Chủ trương của Đảng:*

- Về kẻ thù: Đảng ta xác định kẻ thù chính của nhân dân là bọn phản động thuộc địa Pháp cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp.

- Về nhiệm vụ cách mạng: "Chống phát xít, chống Chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình".

- Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (1936) (đến 3/1938 đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương) nhằm tập hợp lực lượng yêu nước.

- Hình thức và phương pháp đấu tranh: triệt để lợi dụng khả năng đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

* *Các phong trào đấu tranh:*

- Cuộc vận động lập *Uỷ ban trù bị Đông Dương đại hội*, nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập *Đông Dương đại hội* (8/1936). Quần chúng tổ chức mít tinh, hội họp, diễn thuyết, đưa yêu sách đòi cải thiện đời sống.

- Phong trào đón phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới của Pháp đến Đông Dương năm 1937. Nhiều cuộc mít tinh, đưa "*dân nguyện*"... đã diễn ra.

- Phong trào đấu tranh của quần chúng công nông và các tầng lớp nhân dân diễn ra mạnh mẽ. Tiêu biểu là cuộc mít tinh của 2,5 vạn người tại khu Đấu Xảo (Hà Nội) nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1938.

- Nhiều tờ báo công khai của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể ra đời như: *Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Tin tức, Nhành lúa*... Một số sách chính trị phổ thông được lưu hành rộng rãi, tiêu biểu là cuốn *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và Vân Đình.

* *Kết quả*: do sự đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp, phong trào công khai thu hẹp dần và chấm dứt vào tháng 9/1939.

* *Ý nghĩa lịch sử:*

- Trình độ chính trị và công tác của cán bộ đảng viên được nâng cao, uy tín và ảnh hưởng của Đảng lan rộng, thấm sâu trong quần chúng.

- Quần chúng được tập hợp đấu tranh; chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chính sách của Đảng, của Quốc tế Cộng sản được tuyên truyền và giáo dục sâu rộng.

- Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Đảng ta được rèn luyện và trưởng thành trong lãnh đạo đấu tranh.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Phát xít:** hình thức chuyên chính của bọn tư bản, đế quốc phản động nhất, hiếu chiến nhất, chủ trương tiêu diệt mọi quyền tự do cơ bản của con người, khủng bố tàn bạo nhân dân, gây Chiến tranh xâm lược nhằm xác định địa vị của chúng.

- **Đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp**: phương pháp và hình thức đấu tranh trong khuôn khổ của giai cấp thống trị, công khai hoặc nửa công khai, nhằm từng bước đạt mục tiêu cuối cùng là lật đổ chế độ cũ, lập chế độ xã hội mới tiến bộ hơn.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Phong trào dân chủ 1936-1939 diễn ra trong bối cảnh:

A. Chủ nghĩa phát xít ra đời, đe doạ hoà bình và an ninh thế giới.

B. Quốc tế Cộng sản họp đề ra chủ trương mới.

C. Liên Xô giúp đỡ cách mạng các nước thuộc địa.

D. Mặt trận Nhân dân Pháp thắng cử, thi hành các quyền tự do dân chủ.

2. Mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 - 1939 là:

A. chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.

B. đánh đổ đế quốc Pháp làm cho Đông Dương độc lập.

C. chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ Chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hoà bình.

D. đòi cải thiện đời sống cho nhân dân.

3. Cuộc mít tinh của 2,5 vạn người tại Khu Đấu xảo diễn ra vào ngày:

A. 1/5/1930 B. 1/5/1936

C. 1/5/1937 D. 1/5/1938

4. Năm 1936, Đảng ta chủ trương thành lập:

A. Mặt trận phản đế Đông Dương

B. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương

D. Mặt trận Việt Minh

Câu 2. *Gạch chân tên những tờ báo công khai trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939.*

Tiền phong	Đời sống	Tin tức
Nhân đạo	Lao động	Người cùng khổ
Dân chúng	Bạn dân	Nhành lúa

Câu 3. *Hoàn thành bảng so sánh phong trào cách mạng 1930-1931 và phong trào 1936-1939 theo những yêu cầu sau.*

Nội dung so sánh	***Phong trào 1930-1931***	***Phong trào 1936-1939***
Kẻ thù	....	....
Chủ trương, sách lược	....	....
Hình thức đấu tranh	....	....
Phương pháp đấu tranh	....	....
Lực lượng đấu tranh	....	....

Câu 4. Chủ trương của Đảng trong Cao trào dân chủ 1936 – 1939.

Câu 5. Những sự kiện tiêu biểu trong Cao trào dân chủ 1936 – 1939.

CHƯƠNG III
CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

BÀI 21
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình thế giới và Đông Dương

** Tình hình thế giới*

- Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6/1940, phát xít Đức tiến vào nước Pháp, chính phủ Pháp nhanh chóng đầu hàng.

- Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và tiến sát Biên giới Việt - Trung.

** Tình hình Đông Dương*

- Thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ: phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ và phát xít Nhật lăm le hất cẳng chúng.

- Khi Nhật xâm lược Đông Dương (9/1940), Pháp từng bước đầu hàng và phải kí *Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương* (23/7/1941).

- Pháp - Nhật cấu kết bóc lột nhân dân Đông Dương:

+ Pháp thi hành chính sách "*kinh tế chỉ huy*", tăng các loại thuế.

+ Nhật thu mua cưỡng bức lúa gạo với giá rẻ mạt đã gây ra nạn đói cho 2 triệu đồng bào ta.

II. Các cuộc nổi dậy đầu tiên

1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940)

- Khi Nhật đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy đã rút qua châu Bắc Sơn. Đảng bộ Bắc Sơn lãnh đạo nhân dân nổi dậy chặn đánh tàn quân Pháp, làm chủ chính quyền cách mạng.

- Pháp, Nhật cấu kết với nhau đàn áp cách mạng.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân ta đã đấu tranh quyết liệt chống khủng bố, duy trì lực lượng. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập, năm 1941 phát triển thành Cứu quốc quân.

2. Khởi nghĩa Nam Kì (23/11/1985)

- Lợi dụng Pháp thua trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, bọn quân phiệt Xiêm được Nhật xúi giục đã khiêu khích và gây xung đột khắp

Biên giới Lào - Cam-pu-chia. Để chống lại, thực dân Pháp đã bắt binh lính Việt Nam ra trận chết thay cho chúng. Nhân dân Nam Kì bất bình, Đảng bộ Nam Kì chủ trương khởi nghĩa.

- Trước ngày khởi nghĩa, một số cán bộ bị bắt do đó kế hoạch bại lộ. Pháp thiết quân luật, giữ binh lính người Việt trong trại và tước hết khí giới.

- Đêm 22 rạng 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ ở khắp các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ một số đồn bốt giặc, phá đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng ở nhiều nơi. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong khởi nghĩa này.

- Kết quả: khởi nghĩa thất bại do kế hoạch bị bại lộ.

3. Binh biến Đô Lương (13/1/1941)

- Ở Nghệ An, binh lính người Việt bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho quân Pháp.

- Ngày 13/1/1941, binh lính ở đồn chợ Rạng (Đô Lương - Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung nổi dậy chiếm Đô Lương, rồi kéo về Vinh định phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Kế hoạch không thành, cuộc nổi dậy bị dập tắt.

** Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của ba cuộc khởi nghĩa*

- Nguyên nhân chủ yếu: sự chênh lệch lực lượng giữa ta và Pháp, nổ ra chưa đúng thời cơ, không có sự phối hợp đấu tranh.

- Ý nghĩa: thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, để lại cho Đảng nhiều bài học về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh giành chính quyền.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Khởi nghĩa:** hình thức đấu tranh cao nhất của nhân dân bị áp bức bóc lột, nổi dậy lật đổ giai cấp thống trị trong nước hay bọn xâm lược nước ngoài.

- **Binh biến:** cuộc phản kháng lại mệnh lệnh cấp trên của một lực lượng sĩ quan và binh lính hay một đơn vị quân đội, mà hình thức cao nhất là cướp chính quyền, có thể dẫn tới thay đổi tình hình chính trị trong nước.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Điền sự kiện phù hợp với các mốc thời gian sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
Ngày 1/9/1939	
Tháng 6/1940	
Ngày 27/9/1940	

Ngày 23/11/1940	
Ngày 13/1/1941	
Ngày 23/7/1941	

Câu 2. *Hãy hoàn thành bảng so sánh dưới đây.*

Nội dung so sánh	***Khởi nghĩa Bắc Sơn***	***Khởi nghĩa Nam Kì***	***Binh biến Đô Lương***
Thời gian	....	....	....
Nguyên nhân	....	....	....
Lực lượng lãnh đạo	....	....	....
Hoạt động chính	....	....	....
Kết quả	....	....	....

Câu 3. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu những câu sau.*

1.□ Khi Nhật vào Đông Dương, Pháp đã tích cực chống Nhật.

2.□ Thực dân Pháp cấu kết với Nhật để cùng bóc lột, đàn áp nhân dân Việt Nam.

3.□ Thủ đoạn bóc lột chung mà Nhật và Pháp đều áp dụng ở Việt Nam là lừa bịp, mị dân.

4.□ Nhân dân Việt Nam lúc này chịu cảnh một cổ đôi tròng.

5.□ Nguyên nhân bùng nổ các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương là do việc thực dân Pháp đẩy mạnh bắt lính.

6.□ Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì, binh biến Đô Lương đều do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

7.□ Bài học kinh nghiệm rút ra từ thất bại của các cuộc khởi nghĩa đầu tiên là bài học về thời cơ và lãnh đạo phong trào.

BÀI 22
CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19/5/1941)

** Hoàn cảnh lịch sử*

- *Hoàn cảnh thế giới*: Tháng 6/1941, Đức tấn công Liên Xô, thế giới hình thành hai trận tuyến: một bên là các lực lượng dân chủ, đứng đầu là Liên Xô; một bên là khối phát xít Đức, Ý, Nhật. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một bộ phận trong cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ.

- *Hoàn cảnh Việt Nam:*

+ Nhân dân ta rên xiết dưới hai tầng áp bức Pháp - Nhật; mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật sâu sắc.

+ Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người đã triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19/5/1941.

- Ngày 19/5/1941, *Mặt trận Việt Minh* chính thức được thành lập, bao gồm các tổ chức quần chúng có tên chung là *Hội Cứu quốc*.

** Công tác chuẩn bị lực lượng cách mạng sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời*

- *Về lực lượng chính trị:*

+ Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng khắp cả nước, nhất là ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc. Đến năm 1942, khắp chín châu của Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, trong đó có ba châu "*hoàn toàn*". Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập, 19 ban xung phong "*Nam tiến*" ra đời.

+ Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng: tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân ở đô thị vào Mặt trận Việt Minh (học sinh, sinh viên, trí thức,...).

+ Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh góp phần thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng (Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng,...).

- *Về lực lượng vũ trang:*

+ Cứu quốc quân phát động Chiến tranh du kích, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng.

+ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập (22/12/1944) đẩy mạnh đấu tranh chính trị và quân sự. Cuối tháng 12/1944, đội liên tiếp đánh thắng hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng).

+ Ở Thái Nguyên, đội Cứu quốc quân phát động Chiến tranh du kích. Chính quyền nhân dân được thành lập xuống tận tỉnh lị Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

II. Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)

- *Nguyên nhân:*

+ Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nước Pháp được giải phóng. Ở Thái Bình Dương, Nhật khốn đốn trước sự tấn công của Anh, Mĩ.

+ Ở Đông Dương, Pháp ráo riết hoạt động, chờ đợi quân Đồng minh.

Trước tình hình đó, Nhật buộc phải đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương.

- *Kết quả*: Đêm 9/3/1945, Nhật nổ súng tấn công Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi đầu hàng.

2. Tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- *Chủ trương của Đảng:*

+ Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng chỉ rõ kẻ thù cụ thể, duy nhất và trước mắt của nhân dân ta là phát xít Nhật, ra chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" và phát động cao trào "*Kháng nhật cứu nước*".

+ Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hoà (Bắc Giang) ngày 15/4/1945 quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân*, thành lập Uỷ ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

- *Cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến đầu tháng 8/1945):*

+ Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần phát triển mạnh ở nhiều địa phương, đặc biệt là ở khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng.

+ Ngày 4/6/1945, *Khu giải phóng Việt Bắc* được thành lập. 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh được thi hành nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

+ Phong trào "*Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*" diễn ra mạnh mẽ.

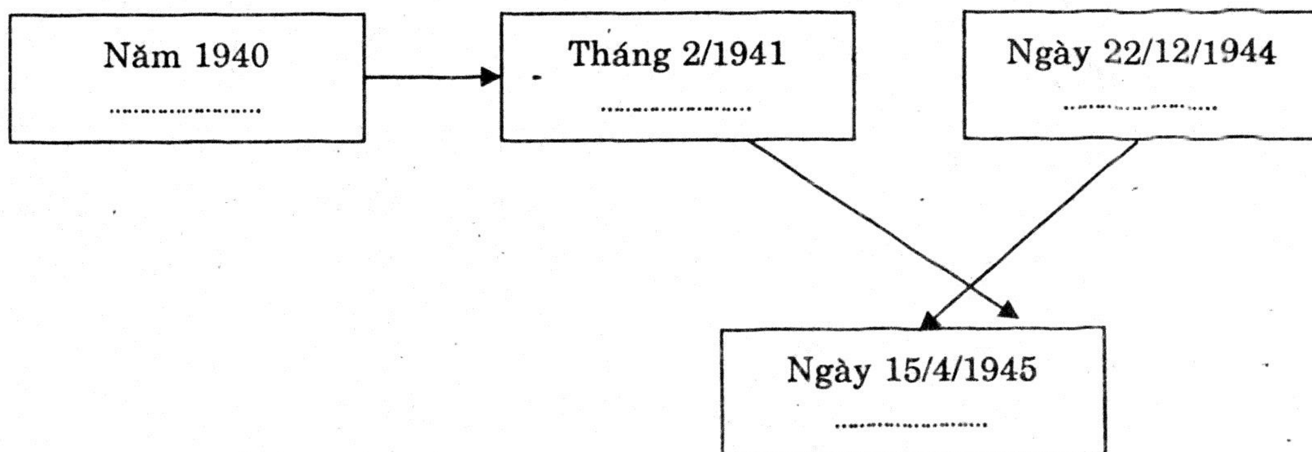
B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Đảo chính**: lật đổ lẫn nhau giữa các nhóm, tập đoàn thống trị để tranh giành quyền lực bằng vũ trang hoặc dựa vào nước ngoài để nắm chính quyền.

- **Khởi nghĩa từng phần**: đấu tranh vũ trang cách mạng nổ ra ở từng vùng theo đường lối chung, thiết lập chính quyền cách mạng ở địa phương, kết hợp với Chiến tranh du kích cục bộ phát triển thành Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hoàn thiện sơ đồ về sự phát triển của lực lượng vũ trang Việt Nam (1940-1945).*



Câu 2. *Điền các sự kiện lịch sử cho phù hợp với các mốc thời gian sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
28/1/1941	
Từ 10 đến 19/5/1941	
19/5/1941	
22/12/1944	
Cuối tháng 12/1944	
9/3/1945	
15/4/1945	
4/6/1945	
Từ tháng 3 đến đầu tháng 8/1945	

Câu 3. *Điền tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau.*

1. Ngày 9-3-1945, Nhật............................Quân Pháp chống cự yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng.

2. Ngay khi Nhật vừa đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra chỉ thị:.......................................

3. Ủy ban Lâm thời khu giải phóng đã thi hành......................nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

4. Khẩu hiệu: .... đã dấy lên phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo.

5. Từ tháng 3 đến đầu tháng 8/1945, ở nước ta diễn ra...................... tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 4. Mặt trận Việt Minh ra đời trong hoàn cảnh nào? Đảng và Mặt trận Việt Minh đã làm gì để chuẩn bị lực lượng cách mạng tiến tới khởi nghĩa vũ trang?

BÀI 23
TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm những kiến thức cơ bản sau;

I. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

- *Hoàn cảnh lịch sử:* Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn cuối: phát xít Đức đầu hàng (5/1945), quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (8/1945).

- *Lệnh tổng khởi nghĩa:*

+ Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy.

+ Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào - Tuyên Quang (14 và 15/8/1945) quyết định Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

+ Đại hội Quốc dân được tiến hành ở Tân Trào (16/8/1945) thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa và 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh; thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch (tức Chính phủ Lâm thời sau này).

II. Cách mạng tháng Tám - 1945

- Chiều 16/8, đội quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tấn công quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên, mở đường về Hà Nội.

- Từ ngày 14 đến 18/8/1945, nhiều xã, huyện thuộc một số tỉnh đã giành được chính quyền, trong đó bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất là: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

- Ở Hà Nội, không khí cách mạng sục sôi. Sáng 19/8/1945, đồng bào thủ đô kéo về Quảng trường Nhà hát lớn dự cuộc mít tinh do Mặt trận Việt

Minh tổ chức. Sau cuộc mít tinh, đoàn người chia ra các ngả chiếm các công sở của chính quyền bù nhìn. Khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.

- Các địa phương khác cũng lần lượt giành được chính quyền: Huế (23/8), Sài Gòn (25/8). Chỉ trong vòng 15 ngày, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

- Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

III. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công

** Ý nghĩa lịch sử*

- *Đối với trong nước*: phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại ngót ngàn năm. Việt Nam hoàn toàn độc lập, nhân dân được hưởng tự do, làm chủ đất nước. Cách mạng tháng Tám mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta: kỉ nguyên độc lập và tự do.

- *Đối với thế giới*: là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhỏ bé đã tự giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc thực dân, góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

** Nguyên nhân thành công*

- Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước sâu sắc, đã đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do.

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Mặt trận Việt Minh.

- Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp rộng rãi quần chúng trong mặt trận thống nhất, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần rồi tiến lên Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.

- Liên Xô và Đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Tổng khởi nghĩa**: khởi nghĩa đồng loạt ở mọi nơi trong cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc được ban bố tại:

A. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang)

B. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (Bắc Giang)

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang).

D. Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào (Tuyên Quang).

2. *Ngày mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước là:*

A. 14-8-1945

B. 15-8-1945

C. 16-8-1945

D. 17-8-1945

3. *Các địa phương giành thắng lợi sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám là:*

A. Hải Dương, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Nam

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam

C. Hà Tĩnh, Hải Dương, Quảng Nam, Quảng Ngãi

D. Bắc Giang, Hà Nội, Hải Dương, Cao Bằng

4. *Cách mạng tháng Tám diễn ra và thành công nhanh chóng trong:*

A. 10 ngày B. 15 ngày

C. 20 ngày D. 30 ngày

5. *Bản Tuyên ngôn Độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại:*

A. Quảng trường Ba Đình

B. Quảng trường Nhà hát lớn

C. Quảng trường 1-5

D. Quảng trường Vườn hoa Lê-nin

Câu 2. *Hãy điền sự kiện tương ứng với các mốc thời gian sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
Từ 13 đến 15-8-1945	
16-8-1945	
19-8-1945	
23-8-1945	
25-8-1945	
2-9-1945	

Câu 3. *Điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu những câu sau.*

1.□ Thời gian diễn ra Cách mạng tháng Tám từ 14/8/1945 đến 28/8/1945.

2.□ Hà Nội là nơi đầu tiên giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám.

3.□Huế là thành phố cuối cùng giành thắng lợi trong cách mạng.

4.☐ Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình lịch sử.

5.☐ Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng là do có sự lãnh đạo tài tình của Đảng.

Câu 4. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám – 1945.

CHƯƠNG IV
VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

BÀI 24
CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám

- *Thuận lợi*: đất nước độc lập, nhân dân giành được chính quyền, có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng - đứng đầu là Hồ Chủ tịch,...

- *Khó khăn*:

+ Quân đội Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp phát xít Nhật, kéo vào nước ta. Phía Bắc vĩ tuyến 16 là 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo theo các tổ chức phản động: Việt Quốc, Việt Cách nhằm lật đổ chính quyền của nhân dân ta. Phía Nam vĩ tuyến 16, hơn 1 vạn quân Anh ra sức mở đường cho Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Ngoài ra, còn có 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, một bộ phận trong số đó theo lệnh của Anh chống lại lực lượng vũ trang của ta.

+ Hậu quả nạn đói 1944-1945 vẫn chưa được khắc phục thì nguy cơ nạn đói mới xuất hiện đe doạ nhân dân ta do thiên tai gây ra.

+ Ngân sách nhà nước trống rỗng, tình hình tài chính rối loạn.

+ 90% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội tràn lan.

- *Nhận xét*: Việt Nam đứng trước tình thế "*Ngàn cân treo sợi tóc*".

II. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- Ngày 6/1/1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên được tổ chức thành công trong cả nước.

- Quốc hội họp phiên đầu tiên tại Hà Nội (2/3/1946) lập ra ban dự thảo Hiến pháp và thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Sau bầu cử Quốc hội, nhân dân các địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng Nhân dân. Uỷ ban hành chính các cấp được thành lập.

- Ngày 29/5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời.

III. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

- *Diệt giặc đói*:

+ Biện pháp trước mắt: lập các hũ gạo cứu đói, không dùng gạo, ngô để nấu rượu, tổ chức "*ngày đồng tâm*" để có thêm gạo cứu đói.

+ Biện pháp lâu dài: tăng gia sản xuất theo khẩu hiệu "*Tấc đất, tấc vàng*".

+ Kết quả: nạn đói được đẩy lùi.

- *Diệt giặc dốt*: Ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

- *Giải quyết khó khăn về tài chính*: Chính phủ có nhiều biện pháp tích cực để giải quyết tình trạng trống rỗng về tài chính như: xây dựng "*Quỹ độc lập*", tổ chức "*Tuần lễ vàng*". Ngày 23/11/1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

- *Hành động xâm lược của Pháp:*

+ Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan Tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu quá trình xâm lược nước ta lần thứ hai.

+ Tháng 10/1945 có thêm viện binh từ chính quốc, lại được sự hỗ trợ của Anh và Nhật, quân Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- *Hành động của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta*: phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp muốn mở rộng Chiến tranh ra cả nước. Hàng vạn thanh niên nhập ngũ. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ được nhân dân cả nước chi viện.

V. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng

- Quân Tưởng sử dụng bọn Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong. Dựa vào quân Tưởng, chúng đòi ta cải tổ Chính phủ, gạt những đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ Lâm thời...

- Biện pháp của Đảng, Chính phủ: ta nhân nhượng cho quân Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị. Đồng thời, ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

VI. Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946)

** Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)*

- Hoàn cảnh lịch sử:

+ Sau khi hoàn thành xâm chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Pháp chuẩn bị tiến quân ra xâm lược miền Bắc. Để tránh đụng độ với lực lượng kháng chiến của ta, Pháp đã ký với Chính phủ Tưởng Hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946). Nội dung Hiệp ước: quân Tưởng được Pháp trả một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đánh thuế; Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.

+ Ta chủ động đàm phán với Pháp để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian hoà bình để chuẩn bị lực lượng.

- Nội dung:

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia độc lập, tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15000 quân Pháp được thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở miền Bắc Việt Nam, số quân này sẽ rút dần về nước trong thời hạn 5 năm.

+ Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ tạo không khí thuận lợi cho cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri.

** Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946)*

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, thực dân Pháp tiếp tục gây xung đột vũ trang, âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp ở Phông-ten-nơ-blô thất bại, quan hệ Việt - Pháp căng thẳng, có nguy cơ xảy ra Chiến tranh.

- Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước (14/9/1946): nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam để có thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống Pháp.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- Giải giáp (quân Nhật): việc tước vũ khí Nhật bại trận ở Đông Dương sau khi Nhật đầu hàng, được quy định giữa các nước thắng trận, do quân đội các nước Đồng minh tiến hành.

- Bình dân học vụ: phong trào xoá nạn mù chữ trong toàn dân do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phát động theo sắc lệnh ngày 8/9/1945.

- **Hiệp định sơ bộ:** Hiệp định thoả thuận một số điểm trước khi đi đến thảo luận, ký kết Hiệp định chính thức.

- **Tạm ước**: điều ước tạm thời trong khi chưa có điều ước chính thức giữa hai hoặc nhiều nước.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.

1. Sau Cách mạng tháng Tám, nước ta cùng lúc phải đối phó với:

A. 20 vạn quân Tưởng, hơn 1 vạn quân Anh.

B. giặc đói, giặc dốt.

C. giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

D. giặc ngoại xâm và nội phản.

2. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước diễn ra vào ngày:

A. 1/6/1945 B. 6/1/1945

C. 1/6/1946 D. 6/1/1946

3. Để xoá nạn mù chữ, Hồ Chủ tịch đã kí sắc lệnh:

A. thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam

B. thành lập Cơ quan Bình dân học vụ

C. xây dựng "*Quỹ độc lập*"

D. phát hành tiền Việt Nam

4. Mục đích của việc ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) là:

A. đuổi quân Pháp và Tưởng ra khỏi Việt Nam.

B. tranh thủ thời gian hoà hoãn để củng cố lực lượng.

C. tranh thủ thời gian để diệt giặc đói và giặc dốt.

D. tranh thủ sự viện trợ của Liên Xô.

Câu 2. *Hãy nối những sự kiện với thời gian cho phù hợp.*

1. Nam Bộ kháng chiến	a. Ngày 6/3/1946
2. Hiệp định Sơ bộ	b. Ngày 28/2/1946
3. Tạm ước Việt - Pháp	c. Ngày 23/9/1945
4. Hiệp ước Hoa - Pháp	d. Ngày 14/9/1946

Câu 3. *Hoàn thành bảng sau.*

TT	*Hoạt động*	*Ý nghĩa*
1	Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946	....
2	Các địa phương bầu cử Hội đồng Nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp	....
3	Thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam	....
4	Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính	....

Câu 4. *Hãy đánh dấu (X) vào cột tương ứng với các chủ trương, sách ược của Đảng ta trong từng giai đoạn.*

Chủ trương, việc làm của ta	*Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 6/3/1946*	*Từ 6/3/1946 đến 19/12/1946*
Hòa Tưởng đánh Pháp		
Hòa Pháp đuổi Tưởng		
Kí Hiệp định Sơ bộ		
Nhường cho Tưởng và tay sai 70 ghế trong Quốc hội Cho phép quân Tưởng tiêu các loại tiền mất giá của chúng ở Việt Nam		
Kí tạm ước Việt -Pháp		

Câu 5. Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau ngày thành lập đã ở vào tình thế *"Ngàn cân treo sợi tóc"*?

Câu 6. Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946): hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa.

CHƯƠNG V
VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 25
NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19/12/1946)

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Hành động của thực dân Pháp:

+ Thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước Việt - Pháp, liên tiếp gây ra các hành động khiêu khích và xâm lược trắng trợn.

+ Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng và đe doạ nếu ta không chấp nhận thì ngày 20/12/1946, chúng sẽ hành động.

- Đảng ta phát động toàn quốc kháng chiến:

+ Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Vạn Phúc - Hà Đông (18 và 19/12/1946) quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

+ Tối 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của ta

- Nội dung đường lối kháng chiến được thể hiện cụ thể trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (của Hồ Chủ tịch), chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (của Đảng), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (của Trường Chinh).

- Đường lối kháng chiến của ta: *toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*. Trong đó kháng chiến toàn dân là nội dung cơ bản, có tính chất xuyên suốt đường lối Chiến tranh nhân dân.

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

- Diễn biến:

+ Ở Hà Nội: cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt giữa ta và địch ở sân bay Bạch Mai, khu Bắc Bộ Phủ, đầu cầu Long Biên, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,...

Ngày 17/2/1947, Trung đoàn Thủ đô thực hiện rút quân ra căn cứ an toàn.

+ Ở các thành phố khác như: Nam Định, Huế, Đà Nẵng,... quân ta chủ động tiến công, tiêu diệt địch, bao vây, giam chân địch trong các đô thị.

+ Phối hợp với cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, quân và dân các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ đẩy mạnh Chiến tranh du kích...

- *Ý nghĩa:* đánh bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp; giam chân địch trong các đô thị để Trung ương Đảng, Chính phủ và quân dân ta rút về căn cứ an toàn.

III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài

- Tổng di chuyển các kho tàng, máy móc, thiết bị, vật liệu, hàng hoá, lương thực, thực phẩm lên chiến khu.

- Tiến hành "*tiêu thổ kháng chiến*", vận động, tổ chức nhân dân tản cư, nhanh chóng chuyển đất nước sang thời chiến.

- Xây dựng lực lượng về mọi mặt để chuẩn bị kháng chiến lâu dài: chia nước ta thành 12 khu hành chính và quân sự, mọi người đều thực hiện nghĩa vụ quân sự, tăng gia sản xuất, phát triển phong trào Bình dân học vụ,...

IV. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947

* *Âm mưu của Pháp*: mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt Biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

* *Hành động của Pháp*: huy động 12000 quân chia thành 3 đạo tiến công lên Việt Bắc. Ngày 7/10/1947, một binh đoàn dù đổ quân xuống chiếm thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn. Đồng thời, hai cánh quân tiến theo đường bộ (đường số 4) và thuỷ (sông Hồng, sông Lô, sông Gâm) tạo thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc từ phía tây và phía đông.

* *Diễn biến*: quân dân ta anh dũng chiến đấu, bẻ gẫy từng gọng kìm của địch.

- Tại Bắc Cạn, ta chủ động bao vây, chia cắt, cô lập, tập kích quân địch.

- Ở hướng đông, quân ta chặn đánh trên đường số 4, tiêu diệt lực lượng địch, lập nhiều chiến công, tiêu biểu là trận Bản Sao - đèo Bông Lau (30/10/1947).

- Ở hướng tây, quân ta phục kích đánh chìm nhiều tàu chiến của địch trên sông Lô, tiêu biểu là chiến thắng Đoan Hùng, Khoan Bộ, Khe Lau.

- Phối hợp với cuộc chiến đấu ở Việt Bắc, quân dân ta trên các chiến trường toàn quốc hoạt động mạnh, góp phần kiềm chế địch.

* *Kết quả*: Chiến dịch Việt Bắc kết thúc toàn thắng, căn cứ địa Việt Bắc thành "*mồ chôn giặc Pháp*". Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành trong chiến đấu.

* *Ý nghĩa*: đánh tan kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện

- Sau thất bại ở Việt Bắc, Pháp tăng cường thực hiện chính sách "*Dùng người Việt đánh người Việt, lấy Chiến tranh nuôi Chiến tranh*" nhằm chống lại cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta.

- Về phía ta, thực hiện phương châm đánh lâu dài, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

+ *Quân sự*: thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển Chiến tranh du kích.

+ *Chính trị*: Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Kháng chiến nhiều nơi được củng cố và kiện toàn. Tháng 6/1949, Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất với nhau.

+ *Ngoại giao*: đặt quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới.

+ *Kinh tế*: phá hoại kinh tế địch, xây dựng và phát triển nền kinh tế của ta.

+ *Văn hoá, giáo dục*: Năm 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông, hướng giáo dục phục vụ kháng chiến và kiến quốc.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Tối hậu thư**: thư gửi lần cuối cùng nêu những yêu cầu, điều kiện bắt buộc đối phương phải theo, nếu không sẽ bị tiến công ngay.

- **Tiêu thổ kháng chiến**: chủ trương của ta trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, phá huỷ nhà cửa, đường sá, không cho chúng thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh.

- **Chiến dịch**: hình thức tác chiến gồm nhiều trận chiến đấu theo kế hoạch chỉ huy thống nhất để tiến công, phòng ngự hay phản công.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. ***Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.***

1. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ vì:

A. ta có đủ sức mạnh quân sự để tiêu diệt Pháp.

B. ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới.

C. sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN anh em.

D. Pháp gửi tối hậu thư buộc ta đầu hàng.

2. Toàn quốc kháng chiến bắt đầu từ ngày:

A. 18/12/1945 B. 19/12/1945

C. 18/12/1946 D. 19/12/1946

3. Cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra sớm nhất tại

A. Hà Nội B. Huế

C. Đà Nẵng D. Nam Định

4. Thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc nhằm thực hiện kế hoạch:

A. Đánh lâu dài.

B. Đánh nhanh, thắng nhanh.

C. Dùng người Việt đánh người Việt.

D. Lấy Chiến tranh nuôi Chiến tranh.

5. Lực lượng thực dân Pháp huy động tấn công Việt Bắc là:

A. 1.200 quân

B. 12.000 quân

C. 120.000 quân

D. 1.120.000 quân

6. Chính phủ đề ra chủ trương thay hệ thống giáo dục 12 năm bằng hệ thống giáo dục 9 năm vào:

A. tháng 6/1950

B. tháng 7/1950

C. tháng 6/1951

D. tháng 7/1951

Câu 2. *Hãy hoàn thành bảng niên biểu sau:*

Thời gian	***Sự kiện***	***Ý nghĩa***
6/3/1946	....	....
14/9/1946	....	....
18/12/1946	....	....
19/12/1946	....	....
17/2/1947	....	....
7/10/1947	....	....

Câu 3. *Hãy nối các nội dung ở cột bên trái và bên phải cho phù hợp để thấy rõ sự chuẩn bị kháng chiến lâu dài của Đảng và nhân dân ta.*

1. Duy trì và phát triển phong trào Bình dân học vụ	a. Chính trị
2. Chia nước ta thành 12 khu hành chính quân sự	b. Kinh tế
3. Phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực	c. Quân sự
4. Mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi đều thực hiện nghĩa vụ quân sự	d. Giáo dục

Câu 4. *Hãy viết tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau:*

1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược được thể hiện trong ....

2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng và nhân dân ta là: ....

3. Đơn vị chính thức được thành lập trong cuộc chiến đấu tại Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến là ....

4. Đồng thời với việc tổ chức cuộc tổng di chuyển chúng ta còn tiến hành........................, vận động tổ chức nhân dân tản cư, chuyển đất nước sang thời chiến.

5. Sau thất bại Việt Bắc, thực dân Pháp thực hiện chính sách ....

Câu 5. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947: âm mưu và hành động của Pháp, diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

BÀI 26

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950 - 1953)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Cách mạng Trung Quốc thành công (1/10/1949), điều kiện quốc tế thay đổi theo hướng có lợi cho ta.

- Sau chiến dịch Việt Bắc, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ.

- Pháp thất bại trên khắp các chiến trường Đông Dương, Mỹ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc Chiến tranh Đông Dương.

2. Âm mưu của Pháp - Mỹ: thực hiện *"Kế hoạch Rơ-ve"*, thiết lập *"Hành lang Đông Tây"* nhằm khoá chặt Biên giới Việt - Trung, chuẩn bị tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc lần hai.

3. Chủ trương của ta: chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận địch; khai thông đường liên lạc quốc tế; mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

4. Diễn biến chiến dịch (từ 16/9 đến 22/10/1950)

- Ngày 16/9/1950, Ta tấn công Đông Khê, sáng 18/9/1850 quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, cô lập thị xã Cao Bằng, hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 bị cắt đôi.

- Pháp hạ lệnh rút quân ở Cao Bằng, đồng thời điều quân từ Thất Khê lên tái chiếm lại Đông Khê và đón quân từ Cao Bằng xuống.

- Quân ta mai phục trên Đường số 4, tiêu diệt các cánh quân địch. Pháp buộc phải rút hết quân trên đóng trên Đường số 4.

5. Kết quả, ý nghĩa

- Giải phóng vùng Biên giới Việt - Trung dài 750km với 35 vạn dân, "*Hành lang Đông - Tây*" bị chọc thủng, "*Kế hoạch Rơ-ve*" bị phá sản.

- Quân ta giành và giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính.

II. Âm mưu đẩy mạnh Chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp

- Mỹ tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế,... để Pháp đẩy mạnh Chiến tranh.

- Pháp đưa ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tat-xi-nhi: gấp rút chuẩn bị lực lượng, bình định vùng tạm chiếm, kết hợp với phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951)

* *Hoàn cảnh lịch sử*: đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập tại Tuyên Hoá - Tuyên Quang (tháng 2/1951).

* *Nội dung Đại hội*

- Thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày, báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

- Quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là *Đảng Lao động Việt Nam*. Đối với Lào và Cam-pu-chia, Đại hội chủ trương xây dựng ở mỗi nước một Đảng riêng.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

* *Ý nghĩa lịch sử*: đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình hoạt động cách mạng, thúc đẩy kháng chiến đi đến thắng lợi.

IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt

* *Về chính trị*

- Ngày 3/3/1951, Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt được tổ chức.

- Ngày 11/3/1951, Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

** Về kinh tế*

- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

- Đảng và Chính phủ đề ra một số chính sách về kinh tế, tài chính nhằm chấn chỉnh thuế khoá, xây dựng nền tài chính, tiến hành cải cách ruộng đất (1953),...

** Về văn hoá, giáo dục*

- Công cuộc cải cách giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh với ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh.

- Phong trào thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan.

* *Thành tựu*: Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất đã biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước (1/5/1952).

V. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường

- Ta mở các chiến dịch tiến công vào phòng tuyến của địch ở trung du và đồng bằng:

+ Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) đánh địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên.

+ Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) đánh địch trên đường số 18 từ Phả Lại đi Uông Bí.

+ Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung) đánh địch ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

- Rút kinh nghiệm từ ba chiến dịch trên, ta chủ trương mở các chiến dịch tiến công vào vùng rừng núi - là chiến trường có lợi cho ta.

+ Chiến dịch Hoà Bình: địch đánh chiếm Hoà Bình nhằm nối lại hành lang Đông - Tây. Ta cho quân bao vây, truy kích địch, buộc chúng phải rút chạy. Chiến dịch kết thúc thắng lợi (23/2/1952).

+ Chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952): ta giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, hầu hết tỉnh Sơn La,... phá tan âm mưu lập *"xứ Thái tự trị"* của địch.

+ Chiến dịch Thượng Lào (1953): liên quân Lào - Việt chiến đấu anh dũng, giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa-lì. Căn cứ kháng chiến ở Thượng Lào mở rộng, nối liền với Tây Bắc Việt Nam, tạo thành thế uy hiếp đối với giặc Pháp.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Hậu phương**: vùng có điều kiện đáp ứng nhu cầu xây dựng về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự và văn hoá để trực tiếp phục vụ cho tiền tuyến chiến đấu.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Ta chủ động mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 nhằm mục đích:

A. phá vỡ *"Kế hoạch Rơ-ve"* tấn công lên Việt Bắc lần 2.

B. phá vỡ *"Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát xi-nhi"* tấn công lên Việt Bắc lần 2.

C. tiêu diệt sinh lực địch, khai thông Biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

D. đánh đuổi thực dân Pháp khỏi Đông Dương.

2. Chiến dịch Biên giới diễn ra từ:

A. 18/9 đến 20/10/1950 B. 1/10 đến 22/10/1950

C. 16/9 đến 22/10/1950 D. 22/10 đến 23/12/1950

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập tại:

A. Ma Cao (Trung Quốc) B. Thủ đô Hà Nội

C. Pắc Bó (Cao Bằng) D. Chiêm Hoá (Tuyên Quang)

4: Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, Đảng ta lấy tên gọi là:

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Đảng Cộng sản Liên Việt.

Câu 2. *Hoàn thành bảng niên biểu sau:*

Thời gian	***Chiến dịch***	***Kết quả***
Đông xuân 1950-1951	....	....
Đông xuân 1951-1952	....	....
Thu đông 1952	....	....
Xuân hè 1953	....	....

Câu 3. *Viết tiếp chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau:*

1. Thực dân Pháp tăng cường phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập ...., nhằm cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã thảo luận và thông qua............................ của Hồ Chí Minh, ... của Trường Chinh.

3. Mặt trận Liên Việt là mặt trận thống nhất giữa hai tổ chức: .... và ....

4. Ngày 11/3/1951, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Khơ-me và Mặt trận Lào họp Hội nghị đại biểu thành lập ....

5. Chiến dịch Tây Bắc toàn thắng, ta đập tan âm mưu lập .... của thực dân Pháp.

Câu 4. *Hãy nối các sự kiện cho phù hợp với mốc thời gian sau:*

1. Quân ta tấn công cứ điểm Đông Khê.	a. Ngày 1/5/1952
2. Chiến dịch Hòa Bình kết thúc toàn thắng.	b. Ngày 16/9/1950
3. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần II.	c. Tháng 2/1951
4. Mặt trận Liên Việt được thành lập.	d. Ngày 3/3/1951
5. Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I.	e. Ngày 23/2/1952

Câu 5. Vì sao ta chủ động mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950? Dựa vào lược đồ (Hình 47 - *SGK Lịch sử 9*), trình bày diễn biến của chiến dịch, Kết quả, ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

BÀI 27

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 - 1954)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Kế hoạch Na-va của Pháp - Mỹ

- *Hoàn cảnh lịch sử:* Kế hoạch quân sự Na-va ra đời (7/5/1953) khi Pháp sa lầy trong cuộc Chiến tranh xâm lược Đông Dương với hi vọng trong 18 tháng "*kết thúc Chiến tranh trong danh dự*".

- *Nội dung kế hoạch*: gồm hai bước:

+ Bước 1 (từ thu - đông 1953 đến xuân 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để "*bình định*" miền Trung và miền Nam.

+ Bước 2 (từ thu đông 1954): chuyển lực lượng ra miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc Chiến tranh.

- *Hành động của Pháp - Mỹ*: tăng viện trợ cho Chiến tranh Đông Dương, tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn trên toàn Đông Dương), ra sức tăng cường ngụy quân,...

II. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

1. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954

- Tháng 9/1953, Hội nghị Bộ Chính trị họp đề ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 với nội dung:

+ Tiến công những địa bàn quan trọng nhưng sơ hở của địch, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc chúng phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ.

+ Phương châm chiến lược: *"Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt"*, *"Đánh ăn chắc, đánh chắc thắng"*.

- Ta mở một loạt các chiến dịch trong Đông - Xuân 1953 - 1954:

+ Chiến dịch Tây Bắc (12/1953): giải phóng toàn tỉnh Lai Châu, Na-va phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động lên tăng cường cho Điện Biên Phủ.

+ Chiến dịch Trung Lào (12/1953): giải phóng toàn tỉnh Thà Khẹt, uy hiếp Xê-nô, buộc Na-va phải tăng cường lực lượng cho Xê-nô.

+ Chiến dịch Thượng Lào (1/1954): giải phóng toàn tỉnh Phong Xa-lì, mở rộng vùng giải phóng Lào. Na-va tăng cường lực lượng cho Luông Pha-bang.

+ Chiến dịch Plây Cu: (2/1954): giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, Pháp phải tăng viện bảo vệ Plây Cu.

- Kết quả: cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc địch phân tán lực lượng và giam chân ở vùng rừng núi.

2. *Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)*

- Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương với lực lượng cao nhất là 16.200 quân, được bố trí thành 49 cứ điểm chia làm 3 phân khu: phân khu Trung tâm, phân khu Bắc và phân khu Nam. Chúng coi Điện Biên Phủ là *"pháo đài bất khả xâm phạm"*.

- Đầu tháng 12/1954, ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

- *Diễn biến*: (từ 13/3/1954 đến 7/5/1954) chia làm 3 đợt.

+ Đợt 1: ta tiến công tiêu diệt căn cứ Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ Đợt 2: ta tiến công tiêu diệt các căn cứ phía đông phân khu Trung tâm.

+ Đợt 3: đồng loạt tiến công tiêu diệt các cứ điểm còn lại của phân khu Trung tâm và phân khu phía Nam. 17 giờ ngày 7/5/1954, Tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Ban Tham mưu địch đầu hàng.

- *Kết quả*: tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên địch, hạ 62 máy bay, phá huỷ và thu nhiều phương tiện Chiến tranh.

- *Ý nghĩa*: đập tan hoàn toàn Kế hoạch Na-va, buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

III. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt Chiến tranh ở Đông Dương (1954)

- Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương chính thức khai mạc ngày 8/5/1954. Hiệp định được ký ngày 21/7/1954.

- *Nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ*

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Hai bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

+ Hai bên tham chiến thực hiện các cuộc di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng: quân đội cách mạng Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

+ Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

- *Ý nghĩa lịch sử*

+ Chấm dứt cuộc Chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương.

+ Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương được ghi nhận.

+ Pháp buộc phải rút hết quân về nước, Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá Chiến tranh.

+ Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

1. Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với Việt Nam:* chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỷ trên đất nước ta. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN, tạo tiền đề tiến tới thống nhất Tổ quốc.

- *Đối với thế giới*: giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau năm 1945, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

- Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng chiến đấu. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân và mặt trận thống nhất được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang ba thứ quân lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.

- Sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, có sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Chiến lược**: phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục, xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt một thời kỳ của cuộc đấu tranh chính trị - xã hội.

- **Hiệp định**: văn bản ngoại giao kí kết giữa hai hoặc nhiều nước xác định một số vấn đề về mối quan hệ chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hoá,...

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Kế hoạch quân sự Na-va được ra đời ngày:

A. 5/7/1953 B. 7/5/1953

C. 5/7/1954 D. 7/5/1954

2. Kế hoạch Na-va được Pháp - Mỹ thực hiện nhằm:

A. thực hiện kế hoạch "*Đánh nhanh, thắng nhanh*".

B. thực hiện âm mưu "*Dùng người Việt đánh người Việt*".

C. xoay chuyển cục diện Chiến tranh có lợi cho Pháp.

D. tiêu diệt lực lượng cách mạng của nhân dân ta.

3. Kế hoạch quân sự Na-va được chia thành:

A. hai bước B. ba bước

C. bốn bước D. năm bước

4. Đến cuối 1953, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, Pháp buộc phải tập trung quân ở:

A. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông Pha-bang, Plây Cu.

B. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Kon Tum, Plây Cu.

C. Lai Châu, Hoà Bình, Tây Nguyên, Luông Pha-bang.

D. Lạng Sơn, Điện Biên Phủ, Bắc Cạn, Xê-nô.

5. Lực lượng địch ở Điện Biên Phủ lúc cao điểm có:

A. 12.600 quân B. 16.200 quân

C. 21.600 quân D. 26.100 quân

6. Tướng Pháp chỉ huy ở Điện Biên Phủ là:

A. Na-va B. Đác-giăng-li-ơ

C. Đờ Ca-xtơ-ri D. Đờ Lát đờ Tat-xi-nhi

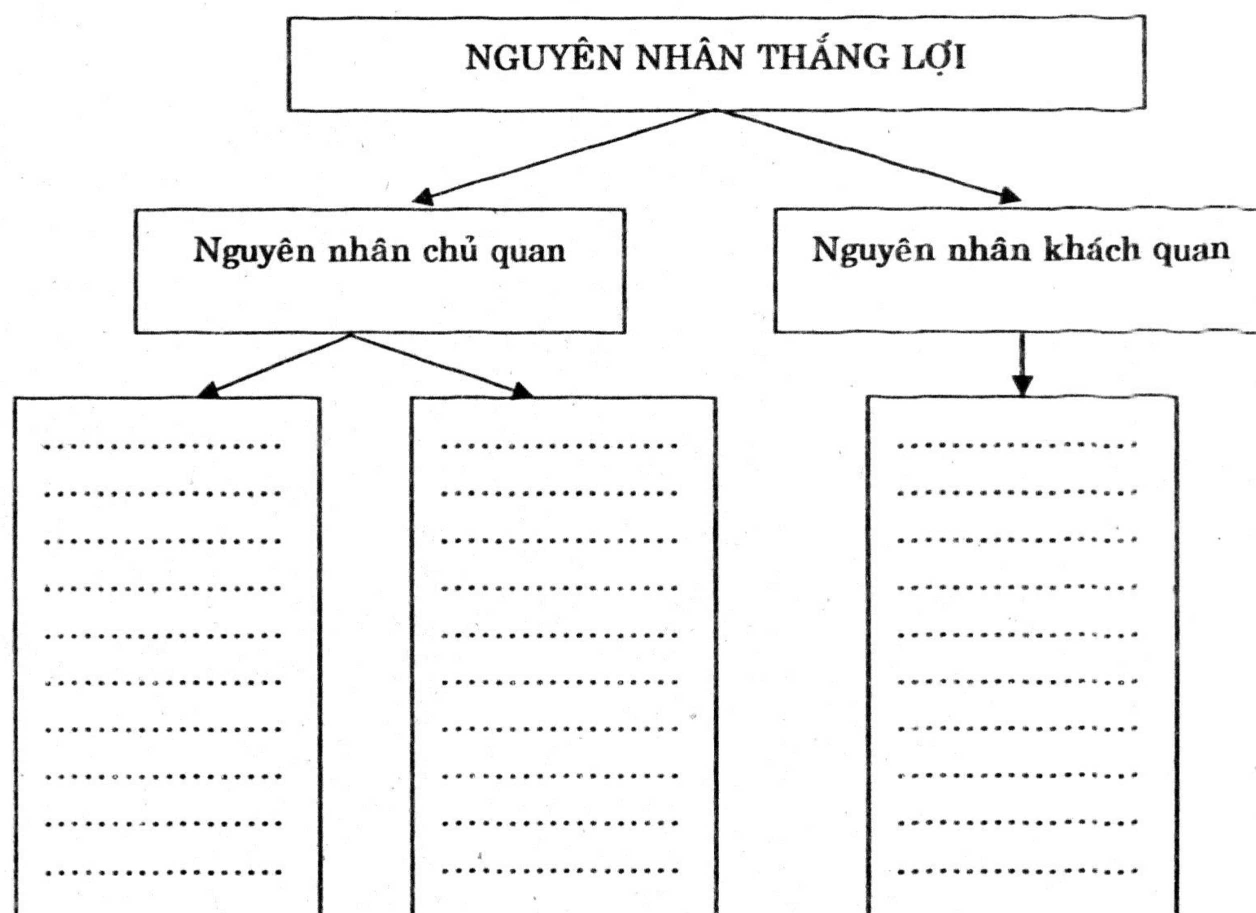
Câu 2. *Hoàn thành bảng niên biểu sau:*

Thời gian	*Sự kiện*
7/5/1953	....
....	Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953-1954.
....	Bộ đội ta tấn công Tây Bắc, Na-va phải đưa quân lên đóng giữ tại Điện Biên Phủ.
13/3/1954	....
....	Ta tổng công kích, đánh vào sở chỉ huy địch, tướng Đờ Cát và Ban Tham mưu của địch đầu hàng.
8/5/1954	....
....	Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

Câu 3. *Đánh dấu (X) vào cột dọc về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.*

Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp	*Đúng*	*Sai*
1. Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỷ trên đất nước ta.		
2. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN.		
3. Đất nước hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối.		
4. Miền Bắc trở thành hậu phương lớn, tạo cơ sở giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.		
5. Kết thúc hàng ngàn năm chống phong kiến của nhân dân ta.		
6. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh		

Câu 4. *Hoàn thiện sơ đồ sau để thấy rõ nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.*



Câu 5. Trình bày khái quát diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ. Kết quả, ý nghĩa của chiến dịch.

Câu 6. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ.

CHƯƠNG VI
VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

BÀI 28
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

- Ngày 10/10/1954, Pháp rút khỏi Hà Nội và rút khỏi miền Bắc vào giữa tháng 5/1955.

- Hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam và Bắc nhằm Tổng tuyển cử tự do thống nhất chưa được tiến hành.

- Pháp rút, Mĩ dựng nên chính quyền tay sai ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam thành hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Nam Á.

II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất

- *Thành tựu*: qua 5 đợt cải cách ruộng đất (từ 1953 đến 1956) có khoảng 81 vạn ha ruộng đất; 10 vạn trâu bò; 1,8 triệu nông cụ được chia cho hơn 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu "*Người cày có ruộng*" được thực hiện.

- *Sai lầm*: đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, ...Những sai lầm này đã được Đảng, Chính phủ phát hiện và sửa sai ngay khi kết thúc cải cách.

- *Ý nghĩa*: bộ mặt nông thôn miền Bắc thay đổi, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối công nông được củng cố.

2. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương Chiến tranh

- *Về nông nghiệp*: nông dân hăng hái lao động sản xuất, sản lượng nông nghiệp tăng vượt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nạn đói có tính chất kinh niên được giải quyết về cơ bản (1957).

- *Về công nghiệp*: mở rộng các cơ sở công nghiệp quan trọng, xây dựng thêm nhiều nhà máy mới. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lý.

- *Về thủ công nghiệp*: hàng tiêu dùng được sản xuất nhiều, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân, giải quyết việc làm cho người lao động. Đến cuối năm 1957, số thợ thủ công miền Bắc tăng gấp hai lần so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

- *Về thương nghiệp*: hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, hoạt động nội - ngoại thương đều phát triển. Cuối năm 1927, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

- *Về giao thông vận tải*: khôi phục 700km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn km đường ôtô, xây dựng nhiều hải cảng mới (Hải Phòng, Hòn Gai,...), đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

3. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960)

- *Cải tạo quan hệ sản xuất* theo định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư nhân nhằm vận động người lao động tham gia lao động tập thể trong các hợp tác xã, quốc doanh hoặc công tư hợp doanh.

+ *Kết quả*: xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ *Một số sai lầm*: đồng nhất cải tạo với xoá bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể, thực hiện sai nguyên tắc xây dựng hợp tác xã,...

- *Bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá*

+ Về *kinh tế*, trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Nhiều nhà máy, xí nghiệp, nông trường ở miền Bắc được xây dựng. Đến cuối năm 1960, miền Bắc có 172 cơ sở công nghiệp lớn do Trung ương quản lý và 500 cơ sở do địa phương quản lý.

+ Về *văn hoá*: Cuối năm 1960, miền Bắc cơ bản xoá xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho người dưới 50 tuổi. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng. Miền Bắc có tất cả 9 trường đại học với hơn 11.000 sinh viên.

III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới *"Đồng khởi"* (1954 - 1960)

1. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1960)

- Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam: đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (tiêu biểu là *"Phong trào hoà bình"*).

- Tháng 11/1954, Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào, nhưng phong trào tiếp tục lan rộng: chống khủng bố, đàn

áp, chống chiến dịch *"tố cộng"*, *"diệt cộng"*; đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, giữ gìn lực lượng cách mạng. Từ hình thức đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960)

- Hoàn cảnh lịch sử

+ Mĩ - Diệm mở rộng chính sách *"tố cộng"*, *"diệt cộng"*; tăng cường khủng bố đàn áp, thực hiện *"đạo luật 10 - 59"* lê máy chém khắp miền Nam.

+ Đầu năm 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Đảng xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

- Diễn biến

+ Phong trào nổ ra ở các địa phương như: Vĩnh Thạnh - Bình Định, Bác Ái - Ninh Thuận, Trà Bồng - Quảng Ngãi.

+ Ở Bến Tre, ngày 17/1/1960, phong trào bùng nổ ở Bến Tre sau lan rộng ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi thuộc Nam Trung Bộ.

- *Kết quả*: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960), đoàn kết nhân dân đấu tranh chống Mĩ - Diệm.

- *Ý nghĩa*: phong trào *"Đồng khởi"* phát triển thắng lợi, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công.

IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)

- Hoàn cảnh

+ Miền Bắc giành thắng lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế.

+ Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam có bước phát triển nhảy vọt từ phong trào *"Đồng khởi"* chuyển sang chiến lược tiến công.

- *Nội dung*: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra tại Hà Nội vào tháng 9/1960.

+ Đại hội phân tích đặc điểm, tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền dưới hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

+ Báo cáo chính trị xác định nhiệm vụ cách mạng của hai miền: miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN, miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Cách mạng ở hai miền có quan hệ chặt chẽ, mỗi miền lại có vị trí, vai trò khác nhau: cách mạng XHCN ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối

với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và sự thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất.

- *Ý nghĩa*: Đề ra đường lối đúng đắn trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh thống nhất nước nhà.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965)

- *Mục đích*: bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH.

- *Thành tựu*:

+ *Công nghiệp*: Nhiều nhà máy xí nghiệp được xây dựng và đưa vào sản xuất (gang thép Thái Nguyên, nhiệt điện Uông Bí, sứ Hải Dương, dệt 8-3,...). Công nghiệp quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, chiếm tỉ trọng 93,1% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc.

+ *Nông nghiệp*: Nhà nước áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc/1ha. Trên 90% hộ nông dân vào hợp tác xã.

+ *Thương nghiệp*: Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh được thị trường, góp phần phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

+ *Giao thông vận tải*: Mạng lưới đường giao thông được xây dựng và mở rộng phục vụ cho yêu cầu giao lưu kinh tế và củng cố quốc phòng.

+ *Văn hoá, giáo dục, y tế*: đều có những bước phát triển vượt bậc.

- *Ý nghĩa*: Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc.

Ngày 7/2/1965, Mĩ chính thức gây ra cuộc Chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn lãnh thổ miền Bắc, miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến.

V. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" của Mĩ (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam

- Chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" là chiến lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai, do "*cố vấn*" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện Chiến tranh của Mĩ.

- Hành động của Mĩ - Ngụy:

+ Quân đội Sài Gòn mở những cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng, lập "*ấp chiến lược*", tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, bình định miền Nam. (Chúng dự định dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược).

+ Tiến hành phá hoại miền Bắc, phong toả Biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự thâm nhập từ bên ngoài vào Việt Nam.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" của Mĩ

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), bằng cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận.

- Năm 1962, ta đánh bại nhiều cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn đánh vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh,...

- Cuộc đấu tranh phá "*ấp chiến lược*" của ta giành được nhiều thắng lợi.

- Chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963) khẳng định khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" của Mĩ.

- Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân ở đô thị có bước phát triển mới: cuộc biểu tình của 2 vạn tăng ni, phật tử Huế; Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm (11/6/1963), ...

- Lực lượng quân giải phóng liên tiếp mở những chiến dịch tiến công quy mô lớn trên các chiến trường miền Nam và miền Trung (tiêu biểu là chiến dịch Đông - Xuân 1964 - 1965).

- Kết quả: quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*".

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Bình định**: thực hiện chính sách đàn áp nhằm dập tắt mọi sự chống đối, thực hiện ách thống trị và bóc lột của thực dân đế quốc.

- **Đồng khởi**: cuộc khởi nghĩa diễn ra đồng loạt, đều khắp.

- **Ấp chiến lược**: một kiểu trại tập trung của Mĩ Nguỵ ở miền Nam Việt Nam tại vùng chúng kiểm soát từ năm 1954 đến năm 1975 (về sau đổi thành *ấp tân sinh*).

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Thực dân Pháp rút quân khỏi Thủ đô Hà Nội ngày:

A. 1/10/1953 B. 10/10/1953

C. 1/10/1954 D. 10/10/1954

2. *Trong giai đoạn 1953 - 1956, miền Bắc đã tiến hành mấy đợt cải cách ruộng đất?*

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

3. *Tháng 5/1959, Mĩ - Diệm đã thực hiện đạo luật:*

A. tố cộng, diệt cộng

B. 10 - 59

C. đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật

D. lập "*ấp chiến lược*"

4. *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III diễn ra tại:*

A. Trung Quốc B. Tuyên Quang

C. Hà Nội D. Việt Bắc

5. *Giai đoạn 1961 - 1965, Mĩ - Diệm thực hiện chiến lược:*

A. Chiến tranh đơn phương B. Chiến tranh đặc biệt

C. Chiến tranh cục bộ D. Việt Nam hoá Chiến tranh

6. *Phong trào Đồng khởi tiêu biểu ở:*

A. Mĩ Tho B. Bến Tre

C. Sài Gòn D. Huế

Câu 2. *Hãy điền các sự kiện cho phù hợp với mốc thời gian sau:*

Thời gian	***Sự kiện***
10/10/1954	
5/1959	
17/1/1960	
20/12/1960	
9/1960	
2/1/1963	
11/6/1963	

Câu 3. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu mỗi câu sau:*

1. □ Mĩ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.

2. □ Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc đã thay đổi căn bản.

3. □ Cuối năm 1957, miền Bắc nước ta đã hoàn thành công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa.

4. ☐ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20/12/1960.

5. ☐ Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là nhiệm vụ trọng tâm trong việc xây dựng kinh tế miền Bắc giai đoạn 1958 - 1960.

6. ☐ Chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" được tiến hành bằng quân đội tay sai, do "*cố vấn*" Mĩ chỉ huy.

7. ☐ Ngày 2/1/1963, quân dân ta giành thắng lợi vang dội tai trận Ấp Bắc (Bến Tre).

Câu 4. *Đánh dấu (X) vào các cột bên phải cho phù hợp với nhiệm vụ ở cột bên trái.*

Nhiệm vụ	***Cải cách ruộng đất***	***Khôi phục kinh tế***	***Cải tạo quan hệ sản xuất***
1. Xoá bỏ chế độ người bóc lột người.			
2. Nông dân hăng hái khai khẩn đất hoang, tăng thêm trâu bò, sắm thêm nông cụ.			
3. Giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối công nông liên minh được củng cố.			
4. Khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.			
5. Khẩu hiệu "*Người cày có ruộng*" trở thành hiện thực.			

Câu 5. *Hoàn thành bảng sau về những thành tựu của nhân dân miền Bắc trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1961-1965).*

THÀNH TỰU KẾ HOẠCH 5 NĂM (1961 - 1965)

CÔNG NGHIỆP	NÔNG NGHIỆP	THƯƠNG NGHIỆP	GIAO THÔNG VẬN TẢI	VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, Y TẾ
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

Câu 6. Trình bày khái quát hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào *"Đồng khởi"*.

Câu 7. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ - Diệm trong chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"*. Quân dân ta đánh bại chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* như thế nào?

BÀI 29

CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965-1973)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Chiến đấu chống chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* của Mĩ (1965-1968)

1. Chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* của Mĩ ở miền Nam

- Chiến tranh cục bộ là loại hình Chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân Đồng minh và quân ngụy Sài Gòn.

- Âm mưu, hành động: Mĩ - Ngụy mở cuộc hành quân *"tìm diệt"* vào căn cứ Vạn Tường (Quảng Ngãi) và hai cuộc phản công chiến lược trong các mùa khô 1965-1966 và 1966-1967.

2. Chiến đấu chống chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* của Mĩ

- *Diễn biến:*

+ Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965) đã loại khỏi vòng chiến đấu 9000 địch, mở đầu cao trào *"Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt"* trên khắp miền Nam.

+ Chiến thắng trong hai mùa khô: mùa khô 1965 - 1966 và mùa khô 1966 - 1967 đánh bại các cuộc hành quân *"tìm diệt"* và *"bình định"* của Mĩ - Nguỵ. Sau hai mùa khô, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 240.000 tên địch, bắn rơi và phá huỷ hơn 2.700 máy bay, phá huỷ hơn 2.200 xe tăng và xe bọc thép,...

+ Quần chúng nhân dân được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đứng lên chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng lớn *"ấp chiến lược"*. Ở các thành thị, phong trào đấu tranh đòi Mĩ rút về nước diễn ra sôi nổi.

- *Kết quả*: vùng giải phóng được mở rộng, uy tín Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)

- *Chủ trương của Đảng*: mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam mà trọng tâm là các đô thị nhằm tiêu diệt một bộ phận lực

lượng quân Mĩ, quân Đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân.

- *Diễn biến*:

+ Đêm 30 rạng sáng 31/1/1968, quân dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37/44 tỉnh, 4/6 đô thị lớn, các quận lị, các vùng nông thôn, các *"ấp chiến lược"*.

+ Ở Sài Gòn, quân giải phóng tiến vào tận các vị trí đầu não của địch như Đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, sân bay Tân Sơn Nhất,...

- *Kết quả*: do những thiếu sót trong chỉ đạo nên cuộc tổng tiến công và nổi dậy không giành được thắng lợi.

- *Ý nghĩa*: làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố *"phi Mĩ hoá"* Chiến tranh, chấm dứt không điều kiện Chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri.

II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965 - 1968)

1. Mĩ tiến hành Chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

- Ngày 5/8/1965, sau khi dựng lên sự kiện *"Vịnh Bắc Bộ"*, Mĩ cho máy bay bắn phá một số nơi ở miền Bắc (Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Ninh,...).

- Ngày 7/2/1965, Mĩ chính thức gây ra cuộc Chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống Chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất

- *Chống Chiến tranh phá hoại*: ngay khi Mĩ mở rộng Chiến tranh, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, anh dũng chiến đấu, bắn rơi và phá huỷ 3.243 máy bay, buộc Mĩ tuyên bố ngừng Chiến tranh phá hoại miền Bắc (1/11/1968).

- *Trên mặt trận sản xuất*: đạt nhiều thành tích lớn.

+ *Nông nghiệp*: diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, nhiều huyện và hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc/1ha trong hai vụ.

+ *Công nghiệp*: các cơ sở công nghiệp lớn kịp thời sơ tán, sớm đi vào sản xuất phục vụ chiến đấu và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển.

+ *Giao thông vận tải*: đảm bảo giao thông thông suốt.

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- Đảm bảo kịp thời chi viện cho miền Nam theo phương châm *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*.

- Tháng 5/1959 đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông, nối liền tiền tuyến với hậu phương.

- Trong giai đoạn 1965 - 1968, miền Bắc đã đưa vào Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội; hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men...

III. Chiến đấu chống chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*" và "*Đông Dương hoá Chiến tranh*" của Mĩ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*" và "*Đông Dương hoá Chiến tranh*" của Mĩ

- Từ năm 1969, Mĩ chuyển sang chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*" ở miền Nam và mở rộng Chiến tranh ra toàn Đông Dương.

- "*Việt Nam hoá Chiến tranh*" được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quan đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn Mĩ.

- Mở rộng xâm lược Cam-pu-chia (1970), tăng cường Chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu "*Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương*".

2. Chiến đấu chống chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*" và "*Đông Dương hoá Chiến tranh*" của Mĩ

- Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời được 23 nước công nhận.

- Nhân dân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, thực hiện Di chúc của Bác Hồ.

- Những thắng lợi của quân dân ta:

+ *Về chính trị:*

- Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp để biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu, chống Mĩ mở rộng Chiến tranh (24 và 25/4/1970).
- Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân diễn ra liên tục ở khắp các đô thị, nông thôn, đồng bằng, rừng núi,...

+ *Về quân sự:*

- Từ 30/4 đến 30/6/1970, liên quân Việt Nam - Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn Mĩ - Nguỵ Sài Gòn.
- Từ 12/2 đến 23/3/1971, liên quân Việt - Lào đập tan cuộc hành quân mang tên "*Lam Sơn-719*", quét sạch quân đội Mĩ - Nguỵ Sài Gòn khỏi đường 9 - Nam Lào.

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Ngày 30/3/1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu và phát triển ra khắp miền Nam.

- Đến cuối tháng 6/1972, ta đã chọc thủng ba tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đánh dấu sự thất bại của chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*".

IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống Chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1969 - 1973)

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá

- *Nông nghiệp:* chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính, các hợp tác xã tích cực áp dụng khoa học - kỹ thuật. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

- *Công nghiệp:* nhiều công trình công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng đều phát triển. Nhà máy thuỷ điện Thác Bà được đưa vào sản xuất.

- *Giao thông vận tải*: các tuyến đường chiến lược bị phá hoại được khẩn trương khôi phục.

- *Văn hoá, giáo dục, y tế*: được nhanh chóng khôi phục và phát triển, đời sống nhân dân ổn định. Một số sai lầm trong chỉ đạo, quản lí được khắc phục.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống Chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- Ngày 16/4/1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần hai.

- Mĩ mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng (từ 14 đến 29/12/1972).

- Nhân dân miền Bắc chủ động chống trả địch ngay từ đầu, đảm bảo các hoạt động sản xuất và chiến đấu. Đặc biệt, quân dân ta đã làm nên chiến thắng "*Điện Biên Phủ trên không*", buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pa-ri.

V. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt Chiến tranh ở Việt Nam

- Hiệp định Pa-ri được ký ngày 27/1/1973 giữa đại diện 4 bên là: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà. *Nội dung cơ bản* của Hiệp định gồm:

+ Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự của Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

+ Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương Chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

- *Ý nghĩa lịch sử*: Với việc ký Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, đồng thời rút hết quân về nước, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM

- **Sự kiện Vịnh Bắc Bộ:** vụ do chính quyền Mĩ dựng lên việc tàu Ma-đốc của Mỹ bị hải quân Việt Nam tấn công để lấy cớ ném bom, bắn phá miền Bắc.

- **Tổng tiến công:** chủ động tiến đánh mạnh mẽ quân địch, cùng một thời gian, trên tất cả các mặt trận.

C. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" vì:

A. thất bại trong chiến lược "*Chiến tranh đơn phương*".

B. thất bại trong chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*".

C. thất bại trong chiến lược "*Việt Nam hoá Chiến tranh*".

D. muốn dùng sức mạnh quân sự đánh bại nhân dân Việt Nam.

2. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" diễn ra trong thời gian:

A. 1954 – 1960 B. 1961 - 1965

C. 1965 – 1968 D. 1968 - 1973

3. Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam chống "Chiến tranh cục bộ" là:

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi) B. Ấp Bắc (Mĩ Tho)

C. Mỏ Cày (Bến Tre) D. Đường 9 - Nam Lào

4. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra năm nào?:

A. 1965 B. 1968 C. 1970 D. 1972

5. Mĩ dựng lên "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" ngày:

A. 5/8/1963 B. 15/8/1963

C. 5/8/1964 D. 15/8/1954

6. *Hướng tấn công chủ yếu của ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 là:*

A. Tây Nguyên

B. Sài Gòn

C. Quảng Ngãi

D. Quảng Trị

7. *Hiệp định Pa-ri được ký kết giữa đại diện:*

A. 2 bên

B. 3 bên

C. 4 bên

D. 5 bên

8. *Hiệp định Pa-ri được chính thức ký ngày:*

A. 27/1/1972

B. 21/7/1972

C. 27/1/1973

D. 21/7/1973

Câu 2. *Nối các dữ kiện ở cột A với thời gian ở cột B cho chính xác.*

A
1. Trận Vạn Tường
2. Cuộc tiến công Mùa khô thứ nhất
3. Cuộc tiến công Mùa khô thứ hai
4. Chiến tranh phá hoại lần I
5. Chiến tranh phá hoại lần II
6. Hội nghị Pa ri
7. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương
8. Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn - 719"

B
a. 7/2/1965- 1/11/1968
b. 24 - 25/4/1970
c. 12/2/1971 - 23/3/1971
d. 16/4/1972 - 29/12/1972
e. 13/5/1968 - 27/1/1973
f. Đông xuân 1965-1966
g. 18/8/1965
h. Đông xuân 1965-1966

Câu 3. *Đánh dấu (X) vào cột ở bên phải cho phù hợp với các sự kiện ở cột bên trái.*

Sự kiện	*"Chống Chiến tranh cục bộ"*	*Chống "Việt Nam hoá Chiến tranh"*
Đập tan cuộc hành quân "*Lam Sơn-719*".		
Chiến thắng Vạn Tường		
Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.		
Đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn Mĩ - Nguỵ Sài Gòn.		
Bẻ gẫy cuộc hành quân Giang-xơn Xi-ty.		
Đánh tan hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ - Nguỵ.		

Câu 4. *Viết tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn chỉnh các câu sau.*

1. Năm 1959, tuyến đường........................... được khai thông.

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố ....

3. Từ 14 đến 19/12/1972, quân dân Hà Nội - Hải Phòng đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng không quân của Mĩ, làm nên trận..................

4. Ngày ...., Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

5. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đánh dấu sự thất bại của chiến lược ....

Câu 5. Làm rõ các khái niệm: Chiến tranh đặc biệt, Chiến tranh cục bộ, Việt Nam hoá Chiến tranh.

Câu 6. Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt Chiến tranh ở Việt Nam.

BÀI 30
HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 - 1975)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức sau:

I. Miền Bắc khắc phục hậu quả Chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, ra sức chi viện cho miền Nam

- Sau Hiệp định Pa-ri, Mĩ buộc phải rút khỏi nước ta. Miền Bắc trở lại hoà bình, khắc phục hậu quả của Chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

+ Cuối tháng 6/1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn trên sông, trên biển.

+ Sau năm 1974, miền Bắc cơ bản khôi phục xong các cơ sở kinh tế, thuỷ nông, giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế,...

- Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn với miền Nam: trong hai năm 1973-1974, miền Bắc đưa vào chiến trường gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm,...

II. Đấu tranh chống địch "*bình định - lấn chiếm*" tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam

- Hành động "bình định - lấn chiếm" của Mĩ - Nguỵ

+ Ngày 29/3/1973, toán lĩnh Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta. Nhưng Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

+ Chính quyền Sài Gòn liên tiếp mở những cuộc hành quân "*bình định - lấn chiếm*" vùng giải phóng.

- *Quân dân miền Nam đấu tranh chống địch "bình định - lấn chiếm"*

+ Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (tháng 7/1973) nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh đường 14 - Phước Long.

+ Tại các vùng giải phóng, nhân dân ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng cường dự trữ cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

- Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- Bộ Chính trị nhấn mạnh: "*Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*".

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

** Chiến dịch Tây Nguyên (từ 10 đến 24/3/1975)*

- Ngày 10/3/1975, ta đánh Buôn Ma Thuột giành thắng lợi nhanh chóng. Hai ngày sau, địch phản công tái chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành. Quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14/3/1975, địch rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ duyên hải miền Trung.

- Ngày 24/3/1975, Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 đến 29/3/1975)*

- Ngày 21/3/1975, quân ta tấn công địch ở Huế, bao vây chúng trong thành phố nhanh chóng giành thắng lợi, ta giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên (26/3/1975).

- Cùng thời gian này, quân ta lần lượt giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai,... uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

- Ngày 29/3/1975, quân ta từ ba hướng tiến thẳng vào thành phố Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều, toàn thành phố được giải phóng.

*** Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 đến 30/4/1975)**

- Trước khi bắt đầu chiến dịch, quân ta tiến công, chọc thủng tuyến phòng thủ trọng yếu Phan Rang, Xuân Lộc của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

- Ngày 26/4/1975, chiến dịch bắt đầu, 5 cánh quân của ta vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, tiến vào trung tâm Sài Gòn.

- 10 giờ 45 phút, xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- 11 giờ 30 phút, chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi hoàn toàn.

* Ngày 2/5/1975, tỉnh Châu Đốc được giải phóng. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc thắng lợi.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975)

1. Ý nghĩa lịch sử

- *Ý nghĩa đối với dân tộc*

+ Kết thúc thắng lợi 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm Chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta.

+ Đất nước thống nhất, Bắc Nam sum họp, non sông thu về một mối.

+ Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- *Ý nghĩa đối với quốc tế*: Thắng lợi của nhân dân Việt Nam là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng với đường lối chính trị, quân sự,... đúng đắn, sáng tạo kết hợp cách mạng XHCN ở miền Bắc với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhân dân ta đoàn kết, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp thống nhất nước nhà.

- Hậu phương lớn miền Bắc đáp ứng các yêu cầu của cuộc kháng chiến.

- Sự phối hợp, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của ba dân tộc Đông Dương, sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.*

1. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

A. trong hai năm 1975, 1976.

B. trong năm 1975.

C. trong năm 1976.

D. trong hai năm 1975, 1976 nhưng nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 lần lượt trải qua 3 chiến dịch:

A. Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột, Hồ Chí Minh.

B. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

3. Mở đầu chiến dịch Tây Nguyên, quân ta tấn công vào

A. Plây Cu B. Buôn Ma Thuột

C. Kon Tum D. Gia Lai

4. Chiến dịch Hồ Chí Minh được tiến hành với:

A. 3 cánh quân B. 4 cánh quân

C. 5 cánh quân D. 6 cánh quân

5. Tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng là:

A. Sài Gòn B. Long An

C. An Giang D. Châu Đốc

Câu 2. *Điền các sự kiện thích hợp với các mốc thời gian vào bảng sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
29/3/1973	....
Tháng 7/1973	....
Cuối 1974 đầu 1975	....
10/3/1975	....
24/3/1975	....
26/3/1975	....
29/3/1975	....
26/4/1975	....
34/4/1975	....

Câu 3. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai(S) vào □ ở trước những câu sau:*

1. □ Sau ngày 29/3/1973, không còn tên lính Mĩ nào trên chiến trường Việt Nam

2. □ Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong năm hai 1975- 1976.

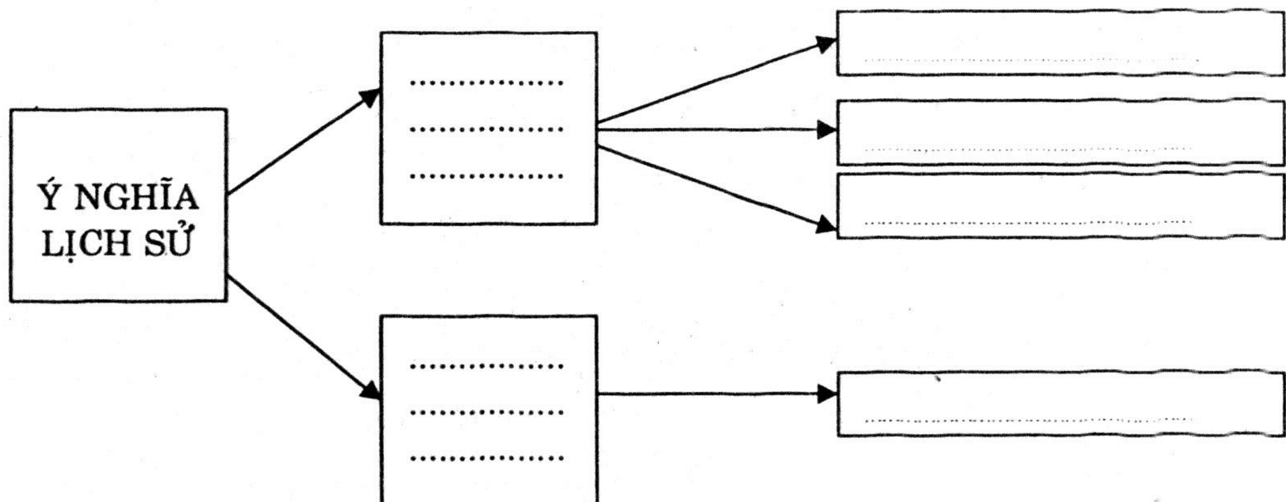
3. □ Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã phát triển qua ba chiến dịch lớn bắt đầu từ 10/3/1975.

4. □ Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu từ 26/4/1975.

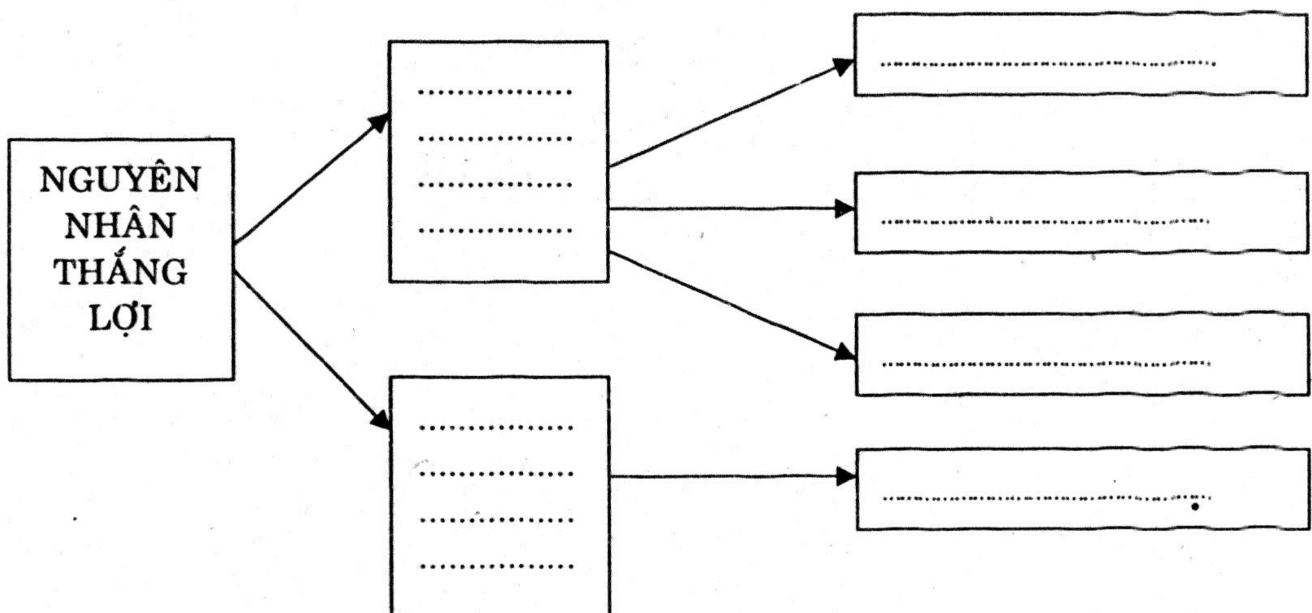
5. □ Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc vào ngày 30/4/1975.

6. □ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước kéo dài gần 20 năm.

Câu 4. *Hoàn thành sơ đồ về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).*



Câu 5. *Hoàn thành sơ đồ về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).*



Câu 6. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra như thế nào?

CHƯƠNG VII
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 31
VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Tình hình hai miền Bắc - Nam sau đại thắng xuân 1975

* *Thuận lợi*: đất nước độc lập, Bắc - Nam thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng XHCN ở miền Bắc qua hơn 20 năm (1954-1975) đạt được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được cơ sở vật chất kĩ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội.

* *Khó khăn*

- *Miền Bắc*

+ Cuộc Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ đã tàn phá nặng nề nền kinh tế, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

+ Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, nửa triệu ha ruộng đất bị bỏ hoang,... Hàng triệu người thất nghiệp, số người mù chữ chiếm tỉ lệ cao.

- *Miền Nam*

+ Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán, lệ thuộc vào viện trợ từ bên ngoài.

+ Cơ sở chế độ thực dân mới của Mĩ ở các địa phương miền Nam vẫn còn tồn tại.

II. Khắc phục hậu quả Chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá ở hai miền đất nước

- *Ở miền Bắc*

+ Giữa năm 1976, miền Bắc căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả Chiến tranh, khôi phục kinh tế. Diện tích trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp năm 1976 tăng hơn năm 1975, nhiều nhà máy, công trình được xây dựng và mở rộng, giáo dục, y tế, văn hoá đều phát triển,...

+ Miền Bắc còn ra sức làm tròn nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và nghĩa vụ quốc tế với Lào, Cam-pu-chia trong giai đoạn mới.

- *Ở miền Nam*

+ Công việc tiếp quản các vùng đất mới giải phóng được tiến hành khẩn trương và đạt kết quả tốt. Trên cơ sở đó, chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thành lập.

+ Hàng triệu đồng bào trong thời gian Chiến tranh bị dồn vào các *"ấp chiến lược"* hay bỏ chạy vào các thành phố không có việc làm, được hồi hương, chuyển về nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi vào xây dựng vùng kinh tế mới.

+ Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tuyên bố xoá bỏ bóc lột phong kiến, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền mới,...

+ Chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp trở lại hoạt động, các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế,... được tiến hành khẩn trương.

III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975 - 1976)

- Tháng 9/1975, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn, nhất trí chủ trương thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước với 23 triệu cử tri đi bầu cử.

- Từ 24/6 đến 3/7/1976, Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội.

+ Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (từ 2/7/1976), quyết định Quốc huy, Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, *Quốc ca* là bài *Tiến quân ca*, Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh...

+ Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo của đất nước, bầu ban dự thảo Hiến pháp.

+ Ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành ba cấp chính quyền: cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện và tương đương, cấp xã và tương đương.

- Ý nghĩa: Công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước hoàn thành góp phần thúc đẩy việc hoàn thành thống nhất trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,...

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. Khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.

1. Nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc sau đại thắng mùa xuân 1975 là:

A. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương Chiến tranh.

B. khắc phục hậu quả của Chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế văn hóa.

C. chi viện cho miền Nam.

D. tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để tái thiết miền Bắc.

2. *Nhiệm vụ cấp bách của miền Nam sau ngày đất nước thống nhất là:*

A. tiếp quản vùng mới giải phóng.

B. đẩy mạnh lao động sản xuất, xây dựng vùng kinh tế mới.

C. tịch thu tài sản của bọn phản động, quốc hữu hoá ngân hàng.

D. Cả 3 ý trên.

3. *Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước diễn ra:*

A. Tháng 11-1975 B. Tháng 4-1976

C. Tháng 6-1976 D. Tháng 7-1976

4. *Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước ngày 25-4-1976 là cuộc tổng tuyển cử lần thứ:*

A. Nhất B. Hai C. Ba D. Bốn

5. *Quốc hội khoá VI thống nhất họp kì đầu tiên ở Việt Nam đã có những quyết định:*

A. Lấy tên nước là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

B. Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, *Quốc ca* là bài *Tiến quân ca.*

D. Cả 3 ý trên.

6. *Tác giả bài "Quốc ca" nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là:*

A. Nam Cao B. Văn Cao

C. Văn Kí D. Văn Tí

Câu 2. *Hãy điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu những câu sau:*

1.□ Sau Đại thắng xuân 1975 nhiệm vụ của hai miền Nam- Bắc là khắc phục hậu quả Chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế- văn hóa.

2.□ Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế với Lào và Cam-pu-chia

3.□ Từ 2/9/1945 đến 1/7/1976, tên nước ta là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

4.□ Từ 2/7/1976, tên nước ta là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

5.□ Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Hồ Chí Minh.

6.□ Sau hơn 20 năm chiến đấu ngoan cường và anh dũng, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn thành.

Câu 3. *Hãy đánh dấu (X) vào cột tương ứng với các quyết định được đưa ra tại Quốc hội khóa I (1946) và Quốc hội khóa VI (1976).*

CÁC QUYẾT ĐỊNH	*Quốc hội khóa I (1946)*	*Quốc hội khóa VI (1976)*
Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam		
Thông qua danh sách chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu		
Lựa chọn Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, bài *"Tiến quân ca"* là *Quốc ca.*		
Thành lập ủy ban hành chính các cấp		
Thành lập ủy ban nhân dân các cấp		
Lập ra ban dự thảo Hiến pháp		

Câu 4. Những thuận lợi và khó khăn của hai miền Nam - Bắc sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

BÀI 32
XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Việt Nam trong 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

- Đại hội đai biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội (12/1976) đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980).

- Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1976-1980): xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

- Thành tựu:

+ Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch bắn phá về cơ bản được khôi phục xong và bước đầu phát triển (diện tích gieo trồng tăng gần 2 triệu ha; khai thông tuyến đường sắt Thống nhất Hà Nội Tp.Hồ Chí Minh).

+ Cải tạo XHCN được đẩy mạnh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam: giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ, đại bộ phận nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể,...

+ Xoá bỏ những biểu hiện của văn hoá phản động, xây dựng nền văn hoá mới cách mạng.

- *Hạn chế*: nền kinh tế còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân khó khăn.

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982) họp tại Hà Nội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985).

- *Thành tựu:*

+ Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã ngăn chặn được đà giảm sút của 5 năm trước và có bước phát triển. Năm 1981 - 1985, sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9%; công nghiệp là 9,5%...

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật được hoàn thiện, dầu mỏ bắt đầu được khai thác, công trình thuỷ điện Hoà Bình, Trị An được khẩn trương xây dựng, chuẩn bị đi vào hoạt động.

+ Các hoạt động khoa học - kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

- *Hạn chế*: những khó khăn yếu kém của 5 năm trước chưa được khắc phục, thậm chí có phần trầm trọng hơn, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế, xã hội vẫn chưa thực hiện được.

II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)

1. Đấu tranh bảo vệ Biên giới Tây - Nam

- Sau nhiều cuộc hành quân khiêu khích dọc Biên giới, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam, ngày 22/12/1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng với nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc Chiến tranh xâm lấn Biên giới Tây Nam nước ta.

- Quân dân ta tổ chức cuộc phản công đánh đuổi quân Pôn Pốt, nhanh chóng giành thắng lợi, hoà bình được lập lại ở Biên giới Tây - Nam.

2. Đấu tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc

- Từ năm 1978, Trung Quốc có nhiều hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

- Ngày 17/2/1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công nước ta dọc Biên giới Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

- Nhân dân ta chiến đấu ngoan cường, được sự phản đối mạnh mẽ của dư luận quốc tế và trong nước đã buộc Trung Quốc phải rút hết quân khỏi nước ta vào ngày 18/3/1979.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Sau hơn 10 năm đi lên CNXH (1976 - 1985) nhân dân ta đã đạt được những thành tựu chủ yếu là:

A. thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) nhằm xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH.

B. thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) nhằm cải tạo XHCN.

C. đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Biên giới phía Bắc và phía Tây nam (1975- 1979).

D. Cả 3 ý trên.

2. Ngay sau khi miền Nam mới giải phóng, đất nước thống nhất về một mối (1975), chúng ta lại phải tổ chức chiến đấu chống lại:

A. quân Pôn Pốt
B. quân của khối SEATO
C. quân đội Trung Quốc
D. quân đội Lào

3. Vào năm 1979, chúng ta phải tổ chức chiến đấu bảo vệ Biên giới phía:

A. Nam
B. Tây Nam
C. Bắc
D. Đông

4. Kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1980) được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc:

A. lần thứ II của Đảng
B. lần thứ III của Đảng
C. lần thứ IV của Đảng
D. lần thứ V của Đảng

5. Kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985) được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc:

A. lần thứ III của Đảng
B. lần thứ IV của Đảng
C. lần thứ V của Đảng
D. lần thứ VI của Đảng

6. Công trình thuỷ điện Hoà Bình, thuỷ điện Trị An được xây dựng vào thời gian:

A. 1976 - 1980
B. 1981 - 1985
C. 1976 – 1985
D. 1985 - 1990

Câu 2. *Hãy đánh dấu (X) vào cột tương ứng với những thuận lợi và khó khăn sau khi đất nước hoàn toàn độc lập.*

Nội dung	***Thuận lợi***	***Khó khăn***
Đất nước thống nhất về cả lãnh thổ lẫn nhà nước		
Trong chừng mực miền Nam có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản song nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất phân tán		
Miền Bắc đã xây dựng được cơ sở ban đầu cho CNXH nhưng lại bị hai cuộc Chiến tranh phá hoại tàn phá		
Bị quân Pôn Pốt rồi quân Trung Quốc tấn công Biên giới		
Ta có một tổ chức chính quyền được kiện toàn từ trung ương đến địa phương		
Các Đại hội Đảng đã đưa ra các nhiệm vụ có bản của mỗi giai đoạn		
Các cuộc Chiến tranh bảo vệ Biên giới nhanh chóng kết thúc thắng lợi		

Câu 3. *Điền các sự kiện thích hợp với các mốc thời gian sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
12/1976	
22/12/1978	
17/2/1979	
18/3/1979	
3/ 1982	

Câu 4. *Sau hơn 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1985), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu chủ yếu nào và còn những khó khăn, yếu kém gì?*

BÀI 33
VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000)

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Đường lối đổi mới của Đảng

- Hoàn cảnh lịch sử

+ Qua hơn 10 năm thực hiện hai kế hoạch Nhà nước, cách mạng Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu và tiến bộ đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém, đưa đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế, xã hội.

+ Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, sự thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

- Đường lối đổi mới của Đảng: được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) và được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991), lần thứ VIII (6/1996), lần thứ IX (4/2001) bao gồm những nội dung cơ bản sau:

+ Đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế, chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá, đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000)

- Trong thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)

+ Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Thành tựu: từ chỗ thiếu ăn hàng năm, đến năm 1990 đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu (năm 1989 ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo đứng thứ ba thế giới). Hàng hoá trên thị trường dồi dào, các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh và mở rộng về quy mô, hình thức. Hàng xuất khẩu tăng ba lần.

- Trong kế hoạch 5 năm (1991 - 1995)

+ Phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đưa nước ta về cơ bản thoát ra khỏi khủng hoảng.

+ Thành tựu: tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước bình quân hằng năm là 8,2%. Lạm phát được đẩy lùi. Kinh tế đối ngoại phát triển. Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường...

- *Trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000)*

+ Mục tiêu: Tăng cường kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích luỹ nội bộ từ nền kinh tế.

+ Thành tựu: nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm tăng 7%. Khoa học công nghệ có bước chuyển biến tích cực, giáo dục đào tạo phát triển. Chính trị, xã hội cơ bản ổn định, an ninh quốc phòng được tăng cường, quan hệ đối ngoại được tăng cường.

- ***Ý nghĩa của việc thực hiện 3 kế hoạch 5 năm (1986 - 2000):*** tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

- ***Khó khăn, yếu kém***

+ Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

+ Một số vấn đề văn hoá, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

+ Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. ***Hãy khoanh tròn chỉ một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.***

1. Đường lối đổi mới của Đảng ta được đề ra đầu tiên tại Đại hội toàn quốc:

A. lần thứ VI (12/ 1986)　　B. lần thứ VII (6/ 1991)

C. lần thứ VIII (12/ 1996)　　D. lần thứ IX (4/2001)

2. Từ năm 1986 - 2000, trọng tâm đổi mới của đất nước ta là mặt trận

A. Chính trị　　B. Kinh tế

C. Xã hội　　D. Văn hoá

3. Thực hiện đường lối đổi mới trong 15 năm của Đảng ta được thể hiện qua kế hoạch 5 năm:

A. Kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)

B. Kế hoạch 5 năm (1991 - 1995)

C. Kế hoạch 5 năm (1996 - 2000)

D. Cả 3 kế hoạch trên

4. Đảng ta đề ra đường lối đổi mới đất nước nhằm mục đích:

A. Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

B. Vượt qua khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội.

C. Khắc phục khó khăn, sai lầm, khuyết điểm mắc phải trước đó.

D. Cả ba ý trên.

Câu 2: *Hãy lập bảng thống kê những thành tựu mà ta đạt được trong 15 năm đổi mới đất nước.*

Kế hoạch	**Thành tựu**
Kế hoạch 5 năm 1986-1990	....
Kế hoạch 5 năm 1991-1995	....
Kế hoạch 5 năm 1996-2000	....

Câu 3. *Hãy điền các sự kiện cho phù hợp với mốc thời gian sau.*

Thời gian	***Sự kiện***
12 - 1986	
1986 - 1990	
6 - 1991	
1991 - 1995	
6 - 1996	
1996 - 2000	
4 - 2001	

Câu 4. Trình bày ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế - văn hoá trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000).

Câu 5. Nêu những khó khăn, yếu kém còn tồn tại về kinh tế - văn hoá sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000).

BÀI 34
TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

A. KIẾN THỨC: Học bài này, cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

I. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử

1. Giai đoạn 1919 - 1930

- Cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp với quy mô lớn, tốc độ mạnh biến xã hội Việt Nam thật sự trở thành một xã hội thuộc địa.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

2. Giai đoạn 1930 - 1945

- Cao trào cách mạng 1930 - 1931 với hai khẩu hiệu chiến lược *"Dân tộc độc lập"* và *"Người cày có ruộng"* là cuộc diễn tập đầu tiên, chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

- Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là thời kỳ đấu tranh rộng lớn của quần chúng nhân dân chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi quyền tự do dân chủ, cơm áo và hoà bình. Đây là cuộc diễn tập lần thứ hai của Cách mạng tháng Tám.

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Nhật kéo vào Đông Dương. Lợi dụng tình hình Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Đảng ta phát động phong trào kháng Nhật cứu nước, lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

3. Giai đoạn 1945 - 1954

- Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và nhân dân phải đương đầu với *"thù trong, giặc ngoài"* rất nguy hiểm.

- Kháng chiến chống Pháp giành thắng lợi với chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử (7/5/1954) đã chứng minh một chân lý của thời đại: một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu biết đoàn kết chiến đấu theo một đường lối cách mạng đúng đắn thì có thể chiến thắng bất kỳ tên đế quốc to lớn nào.

4. Giai đoạn 1954 - 1975

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

- Đảng Lao động Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối: kết hợp giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975. Đất nước hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối.

5. Giai đoạn 1975 đến nay

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã tổng kết 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi.

- Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (12/1986) đất nước bước vào công cuộc đổi mới. Hơn 20 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, chủ yếu là kinh tế.

- Khó khăn còn lớn, thách thức còn nhiều, nhưng điều quan trọng là Đảng ta đã chọn con đường đi đúng và có những biện pháp thích hợp.

II. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên

- *Nguyên nhân thắng lợi*

+ Sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng.

+ Truyền thống yêu nước của dân tộc, kiên trì con đường XHCN đã lựa chọn.

- *Bài học kinh nghiệm*

+ Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt và là cội nguồn thắng lợi của cách mạng nước ta từ trước đến nay.

+ Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế là một nhân tố quan trọng quyết định thành công của cách mạng nước ta.

+ Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- *Phương hướng*: Củng cố và tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng với nhân dân là một yêu cầu quan trọng trong nhiệm vụ đổi mới của Đảng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

B. HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP SAU

Câu 1. *Đánh dấu (X) vào các giai đoạn ở cột bên phải cho phù hợp với các sự kiện lịch sử ở cột bên trái.*

Sự kiện lịch sử	***1919-1930***	***1930-1945***	***1945-1954***	***1954-1975***	***1975-nay***
Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCMTN					
Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân					

Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I					
Hiệp định Pa-ri					
Trận "*Điện Biên Phủ trên không*"					
Chiến dịch Biên giới					
Nước Việt Nam DCCH ra đời					
Khởi nghĩa Nam Kì					
Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI					

Câu 2. *Hãy viết tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành bảng thống kê sau.*

TT	Sự kiện	Ý nghĩa
1	Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp. Người đã tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.	....
2	3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.	....
3	Từ 14/8-28/8/1945, tổng khởi nghĩa tháng tám đã diễn ra trong cả nước và thành công nhanh chóng, ít đổ máu.	....
4	7/5/1954, ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ *"lừng lẫy năm châu", "chấn động địa cầu"*.	....
5	30/ 4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng.	....
6	Tháng 12/1986, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ta đã chủ trương đổi mới đất nước.	....

Câu 3. *Điền chữ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào □ ở đầu những câu sau:*

1.□ Từ khi Đảng thành lập (3-2-1930) đến nay, Đảng đã trải qua 3 lần đổi tên.

2.□ Ngày 2-9-1945, khai sinh ra nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.□ Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2-9-1969 đã để lại nỗi xót thương vô hạn trong lòng người dân Việt Nam.

4.□ Sau khi giành được độc lập, nhân dân Việt Nam lại phải bền bỉ đấu tranh để giành lại và bảo vệ nền độc lập đó trong suốt 30 năm.

5.□ Thắng lợi của Việt Nam trong các cuộc kháng chiến là sự ăn may bởi Việt Nam là một đất nước nhược tiểu.

Câu 4. *Hoàn thành bảng sau:*

Nội dung	*Nguyên nhân thắng lợi*	*Bài học*
Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam		
Luôn giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam		
Nhân dân Việt Nam có truyền thống đoàn kết yêu nước		
Trong mọi hoàn cảnh vững lòng tin ở Đảng, sát cánh bên nhau		
Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội		
Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế		
Xây dựng một chính Đảng trong sạch, vững mạnh		
Nhà nước phải là nhà nước của dân, do dân và vì dân		

Câu 5. Nêu các giai đoạn chính và đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.

ĐÁP ÁN - GỢI Ý TRẢ LỜI

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 1. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỶ XX

Câu 1 1.B 2.A 3.B 4.B

Câu 2. Học sinh xem hình 2- Sách giáo khoa Lịch sử 9, trang 6.

Câu 3.

Thời gian	*Giai đoạn cách mạng*	*Những nhiệm vụ chính*
1945 - 1949	Cách mạng dân chủ nhân dân	Xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá những xí nghiệp lớn của tư bản nước ngoài và trong nước, thực hiện các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân.
1950 - 1970	Xây dựng chủ nghĩa xã hội	Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản; đưa công nhân vào con đường làm ăn tập thể thông qua hình thức hợp tác xã; tiến hành công nghiệp hoá nhằm xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Câu 4 a-4 b-1 c-3 d-2 e-5

Câu 5: *Gợi ý trả lời*

- Kế hoạch 5 năm lần thứ tư.

- Thành tựu: sản xuất công nghiệp tăng 73%, hơn 6.000 nhà máy được khôi phục và xây dựng, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 6: *Gợi ý trả lời*

- Các kế hoạch dài hạn của nhân dân Liên Xô và phương hướng chính.

- Các thành tựu trên các lĩnh vực: kinh tế, khoa học-kỹ thuật, ngoại giao...

BÀI 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX

Câu 1 1.D 2.B 3.A 4.B

Câu 2. Học sinh xem hình 4 - SGK trang 11

Câu 3 a-2 b-4 c-1 d-3

Câu 4: *Gợi ý trả lời*

- Hoàn cảnh lịch sử công cuộc cải tổ
- Công cuộc cải tổ của Goóc-ba-chốp
  + Mục đích
  + Kết quả: cải tổ thất bại.
  + Hậu quả:
  - Kinh tế: khủng hoảng trầm trọng
  - Xã hội: không ổn định, các tệ nạn xã hội gia tăng
  - Chính trị: Liên bang Xô viết tan rã, chế độ XHCN sụp đổ.

Câu 5: *Gợi ý trả lời*

- Bối cảnh lịch sử
- Quá trình khủng hoảng và sụp đổ:

+ Năm 1988, khủng hoảng bắt đầu. Một năm sau, chế độ XHCN sụp đổ hầu hết ở Đông Âu.

+ Sự giải thể của khối SEV và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

BÀI 3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

Câu 1 1-C 2-B 3-D 4-Đ 5-B

Câu 2: *Gợi ý trả lời*

Các giai đoạn	*Những sự kiện lịch sử tiêu biểu*
Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX	- Các quốc gia giành độc lập: In-đô-nê-xi-a (17/8/1945); Việt Nam (2/9/1945); Lào (12/10/1945); Ấn Độ (1946 - 1950); Ai Cập (1952), Angiêry (1954 - 1962).; Cu Ba (1/1/1959) - Năm 1960, 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.
Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX	- Nhân dân ba nước Ăng-gô-la; Mô-dăm-bích; Ghi-nê Bít-xao lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha, giành được độc lập: Ghi-nê Bít-xao (9/1974); Ăng-gô-la (11/1975); Mô-dăm-bích (6/1975).

Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX	- Nhân dân các nước Rô-đê-di-a; Tây Nam Phi và Cộng hoà Nam Phi đấu tranh bền bỉ để xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. Chính quyền của người da đen lần lượt được thành lập: Rô-đê-di-a (1980); Tây Nam Phi (1990); năm 1993 chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ ở Cộng hoà Nam Phi.

BÀI 4. CÁC NƯỚC CHÂU Á

Câu 1 1-C 2-B 3-D

Câu 2. a - 1, 3, 4

Câu 3.

Thời gian	*Nội dung chính*	*Kết quả*
1949 - 1959	Đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển kinh tế xã hội	Đạt được những thành tựu về kinh tế, văn hoá - giáo dục, đối ngoại...
1959 - 1978	Thực hiện đường lối *"Ba ngọn cờ hồng"* và cuộc *"Đại cách mạng vô sản văn hoá"*	Đất nước biến động
1978 - đến nay	Tiến hành cải cách kinh tế, xã hội	Đạt nhiều thành tựu về kinh tế, chính trị, đối ngoại...

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Về chính trị, xã hội:*

+ Sau năm 1945, các nước châu Á lần lượt giành được độc lập.

+ Vào nửa sau thế kỷ XX, châu Á rơi vào tình hình không ổn định.

+ Sau *"Chiến tranh lạnh"*, ở một số nước châu Á diễn ra các cuộc xung đột tranh chấp Biên giới, lãnh thổ, các phong trào li khai...

- *Về kinh tế:* nhiều nước tăng trưởng nhanh chóng.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

+ Chấm dứt ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng nghìn năm phong kiến, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do.

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa nối liền từ châu Âu sang châu Á.

BÀI 5. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Câu 1.

(1) 11

(2) Thái Lan

(3) những năm 50

(4) 8/8/1967

(5) Băng Cốc

Câu 2.

Thời gian	*Tên nước gia nhập ASEAN*
Ngày 8/8/1967	***In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan***
Năm 1984	Bru-nây
Tháng 7/1995	***Việt Nam***
Tháng 7/1997	***Lào, Mi-an-ma***
Tháng 4/1999	Cam-pu-chia

Câu 3. Học sinh xem hình 9 - *SKG Lịch sử 9*, trang 22

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Hoàn cảnh lịch sử*

+ Chủ trương thành lập một tổ chức liên minh nhằm cùng nhau hợp tác phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng từ các nước bên ngoài.

+ Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập.

- *Mục tiêu ASEAN*: phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

- *Sự phát triển:* ASEAN kết nạp các thành viên mới: Bru-nây (1948), Việt Nam (7/1995), Lào và Mi-an-ma (7/1997), Cam-pu-chia (4/1999).

BÀI 6. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

Câu 1 1.C 2.C 3.B 4.C

Câu 2.

Thời gian	*Sự kiện*
7/1952	Binh biến của binh lính dưới sự lãnh đạo của Nát-xe (Ai Cập)
18/6/1953	Thành lập nước Cộng hòa Ai Cập

Từ 1954 đến 1962	Nhân dân An-giê-ri đấu tranh vũ trang
Năm 1960	17 nước châu Phi giành độc lập- Năm châu Phi
11/1975	Ăng-gô-la tuyên bố độc lập
5/1994	Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên

Câu 3.

1. Đúng
2. Sai
3. Đúng
4. Sai.
5. Đúng

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- Nhiều nước vẫn ở trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu.

- Xung đột, nội chiến do mâu thuẫn sắc tộc hoặc tôn giáo.

- Nợ nần chồng chất, bệnh dịch hoành hành.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

- Vài nét về địa lý.

- Năm 1961, nước Cộng hoà Nam Phi tuyên bố độc lập. Chính quyền thực dân da trắng ở Nam Phi thi hành chính sách phân biệt chủng tộc.

- Tổ chức "*Đại hội dân tộc Phi*" (ANC) lãnh đạo đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc và đã giành thắng lợi vào năm 1993.

- Sự kiện tháng 5/1994.

BÀI 7. CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

Câu 1 1.D 2.D 3.A 4.C

Câu 2. Học sinh xem hình 14 - *SGK Lịch sử 9*, trang 30.

Câu 3.

1. Đúng
2. Sai
3. Sai
4. Đúng
5. Đúng

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Đôi nét về địa lý.*

- *Tháng 3/1952*, Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba.

- *Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài (1952 - 1959):* trình bày các sự kiện 26/7/1953, "phong trào 26/7", tháng 11/1956, 1/1/1959.

- *Công cuộc xây dựng đất nước (1959 đến nay).*

CHƯƠNG III. MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 8. NƯỚC MĨ

Câu 1. 1. A 2. B

Câu 2. 1 - c, 2 - a, 3 - d, 4 - b

Câu 3.

Chính sách	*Đối nội*	*Đối ngoại*
Chống phá các nước xã hội chủ nghĩa		x
Loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy nhà nước	x	
Phá hoại phong trào công nhân và phong trào cách mạng tiến bộ của nhân dân lao động Mĩ	x	
Viện trợ để lôi kéo, khống chế các nước		x
Gây các cuộc Chiến tranh xâm lược		x
Phân biệt chủng tộc với người da đen và da màu	x	

Câu 4.

1. chiếm ưu thế tuyệt đối 2. Dân chủ và Cộng hòa
3. đơn cực

BÀI 9. NHẬT BẢN

Câu 1. Học sinh xem hình 17 - *SGK Lịch sử 9*, trang 36

Câu 2.

1. Đúng
2. Đúng
3. Sai
4. Sai
5. Đúng

Câu 3.

Chính sách	**Đối nội**	**Đối ngoại**
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh	X	
Cho phép Đảng Cộng sản và nhiều chính đảng khác hoạt động công khai	X	

Chấp nhận đặt dưới "ô bảo hộ hạt nhân" của Mĩ		X
Phát triển quan hệ với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước Đông Nam Á		X
Ban bố nhiều cải cách dân chủ	X	

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Thành tựu:*

+ Từ những năm 50 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh, vươn lên đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản *(dẫn chứng số liệu).*

+ Đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

- *Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế:* (4 nguyên nhân).

BÀI 10. CÁC NƯỚC TÂY ÂU

Câu 1	1.D	2.C	3.B	4.D
Câu 2	a.3	b.1	c.4	d.2

Câu 3.

Thời gian thành lập	**Tên gọi các tổ chức liên kết kinh tế**
Tháng 4/1951	Cộng đồng than, thép châu Âu
Tháng 3/1957	Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế châu Âu
Tháng 7/1967	Cộng đồng châu Âu (EC)
Năm 1991	Liên minh châu Âu (EU)

Câu 4. Học sinh tham khảo hình 21 - *SGK Lịch sử 9*, trang 43.

Câu 5: *gợi ý trả lời*: Học sinh cần trình bày được 4 vấn đề sau: về kinh tế, về đối nội, về đối ngoại, về vấn đề nước Đức.

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 11
TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Câu 1 1.C 2.B 3.C 4.B

Câu 2. Viết tiếp vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sau:

1. 9/1977
2. "Chiến tranh lạnh"
3. Bu-sơ (cha) và Goóc-ba-chốp
4. hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển kinh tế

Câu 3: *gợi ý trả lời*

- Những quyết định về phân chia phạm vi ảnh hưởng:

+ Ở châu Âu:

+ Ở châu Á:

- *Hệ quả*: Những thoả thuận này đã trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới là *Trật tự hai cực I-an-ta* do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.

CHƯƠNG V. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 12. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Câu 1. 1.B 2.C 3.A

Câu 2.

Thời gian	*Sự kiện*
1961	Con người lần đầu tiên bay vào vũ trụ
1969	Con người lần đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng
3/1997	Tạo ra cừu Đô-li bằng phương pháp sinh sản vô tính
6/2000	Công bố "*bản đồ Gen người*"
3/2002	Ra đời "*máy tính mô phỏng thế giới*"

Câu 3.

Nội dung	*Nguyên nhân*	*Thành tựu*	*Ý nghĩa*
1. Sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động		X	
2. Đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người	X		
3. Nhiều nước khắc phục được nạn đói ăn, thiếu lương thực kéo dài bao đời nay		X	
4. Con người đã chữa trị được nhiều căn bệnh nan y.		X	
5. Con người đã bước chân lên Mặt Trăng		X	
6. Con người đã chinh phục được Đại dương		X	
7. Con người tạo những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và nâng cao mức sống			X
8. Cơ cấu dân cư có sự thay đổi lớn, dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm, dân cư lao động trong các ngành dịch vụ tăng			X

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Những thành tựu*: Khoa học cơ bản, Công cụ sản xuất mới, Năng lượng mới, Vật liệu mới, Cuộc "*cách mạng xanh*" trong nông nghiệp, Giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

- *Ý nghĩa, tác động*: tích cực và tiêu cực.

BÀI 13

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

Câu 1.

1. B
2. B
3. C
4. C
5. D
6. C

Câu 2. 1- b, 2- d, 3- e, 4- a, 5- c

Câu 3.

1. Đúng
2. Đúng
3. Đúng
4. Sai
5. Sai
6. Sai

Câu 4. 1- h, 2 - b, 3 - c, 4 - g, 5 - a, 6 - d, 7- e

Câu 5.

1. "Chiến tranh lạnh"	2. hai
3. sau "Chiến tranh lạnh"	4. hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển

Phần hai
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930

BÀI 14. VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 1	1.B	2.B	3.A	4.C	5.D

Câu 2. Học sinh xem hình 27 - *SGK Lịch sử 9*, trang 56.

Câu 3	1.e	2.a	3.d	4.b	5.c

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- *Nguyên nhân:* Để bù đắp những thiệt hại nặng nề trong Chiến tranh, Pháp đã đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

- *Nội dung khai thác:* trên lĩnh vực kinh tế và chính trị, văn hoá, giáo dục.

+ Trong kinh tế, cần nêu các chính sách khai thác trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, tài chính.

+ Chính sách cai trị về chính trị, văn hoá, giáo dục: chính sách "chia để trị", chính sách nô dịch ngu dân...

BÀI 15. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 - 1925)

Câu 1	1.A	2.B	3.D	4.A

Câu 2.

Thời gian	*Sự kiện*
1919	Phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa
1923	Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu gạo
6 - 1924	Tiếng bom liệt sĩ Phạm Hồng Thái

1925	Phong trào đòi thả Phan Bội Châu
1926	Phong trào đám tang Phan Châu Trinh
1920	Công hội đỏ được thành lập
8 - 1925	Cuộc bãi công của công nhân Ba Son - Sài Gòn

Câu 3.

Hoạt động	PT DCCK	PT CN
Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu gạo	X	
Đấu tranh đòi nghỉ làm ngày chủ nhật có trả lương		X
Đấu tranh của công nhân nhà máy dệt		X
Bài trừ ngoại hóa	X	
Đấu tranh của công nhân nhà máy rượu bia Hà Nội		X
Mưu sát toàn quyền Pháp Méc Lanh	X	
Đòi thả Phan Bội Châu	X	
Để tang Phan Châu Trinh	X	

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- Trình bày một số phong trào tiêu biểu.

- *Mục tiêu, tính chất:*

+ Giai cấp tư sản dân tộc: đòi mục tiêu kinh tế là chủ yếu, tầng lớp tư sản dân tộc cố gắng đấu tranh chống lại sự chèn ép của tư bản nước ngoài.

+ Các tầng lớp tiểu tư sản: đấu tranh chống cường quyền áp bức, đòi quyền tự do dân chủ, mang tính chất yêu nước, dân chủ rõ nét.

- *Điểm tích cực*: thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân, truyền bá những tư tưởng cách mạng mới, thu hút đông đảo quần chúng tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sôi nổi.

- *Hạn chế*: đấu tranh bồng bột, xốc nổi, chưa có chính đảng lãnh đạo.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

+ Đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc Kì đòi nghỉ ngày chủ nhật có trả lương (1922).

+ Các cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương (1924).

+ Cuộc bãi công của công nhân Ba Son ở cảng Sài Gòn (tháng 8/1925).

BÀI 16. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1925

Câu 1 1.B 2.B 3.C 4.A

Câu 2

Hoạt động	*Pháp*	*Liên Xô*	*Trung Quốc*
Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên			X
Thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa	X		
Tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba	X		
Xuất bản báo *Người cùng khổ*	X		
Xuất bản báo *Thanh niên*			X
Trình bày tham luận tại Đại hội Quốc tế Cộng sản		X	
Xuất bản cuốn *Đường cách mệnh*			X
Gửi yêu sách tới Hội nghị Véc-xai	X		

Câu 3

Thời gian	*Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc*
1919	Gửi tới hội nghị Véc-xai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết cho dân tộc Việt Nam.
1920	- Tháng 7, Người được đọc *Sơ khảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin. - Tháng 12, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu gia nhập Quốc tế thứ ba, tham gia Đảng Cộng sản Pháp.
1921	- Sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa*. - Viết báo *Người cùng khổ*, viết bài cho báo *Đời sống công nhân*, báo *Nhân đạo* và cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*.
1923	Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân.
1924	- Người đọc bản tham luận tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V - Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu.
1925	Sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, với nòng cốt là Cộng sản đoàn, ra báo *Thanh niên* để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

BÀI 17.
CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

Câu 1 1.C 2.B 3.C 4.A

Câu 2. Học sinh xem hình 29 - *SGK Lịch sử 9*, trang 67.

Câu 3 1. Sai 2. Đúng 3. Sai 4. Đúng

Câu 4: *gợi ý trả lời*

+ *Nguyên nhân:* sau vụ ám sát Ba-danh (9/2/1930), thực dân Pháp tổ chức đàn áp. Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề.

+ *Diễn biến:* khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái đêm 9/2/1930 sau đó là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình,...

+ *Kết quả:* Khởi nghĩa thất bại.

+ *Nguyên nhân thất bại:* Về khách quan, lực lượng Pháp còn mạnh, đủ sức đàn áp một cuộc đấu tranh vũ trang vừa đơn độc, vừa non kém. Về chủ quan, do Việt Nam Quốc dân đảng non yếu và không vững chắc về tổ chức lãnh đạo.

+ *Ý nghĩa:* Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc của nhân dân ta; đánh dấu sự tan rã của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản dưới ngọn cờ của Việt Nam Quốc dân đảng.

CHƯƠNG II.
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1939

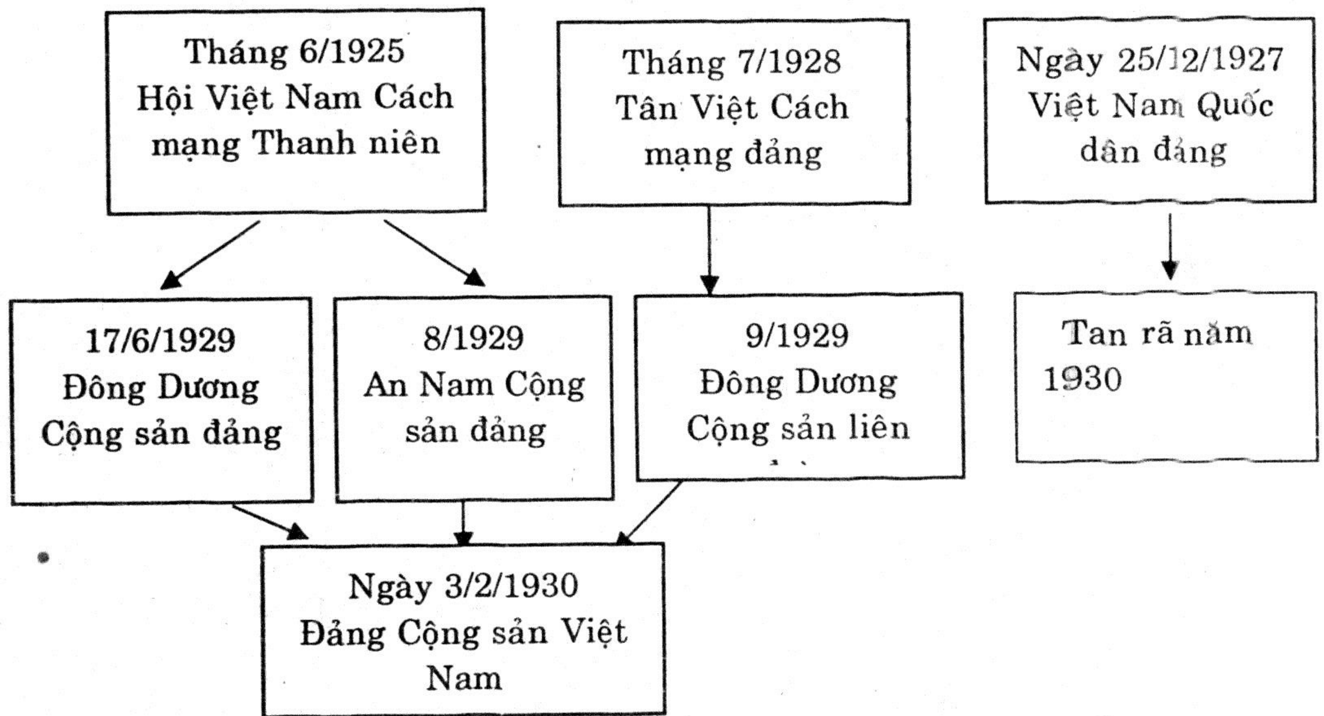
BÀI 18. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Câu 1 1.C 2.D 3. D 4.A

Câu 2:

1. Đúng
2. Sai
3. Đúng
4. Đúng
5. Đúng
6. Sai
7. Đúng

Câu 3:



Câu 4: *gợi ý trả lời*

- Do Trần Phú khởi thảo, được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất của Đảng tháng 10/1930.

- *Nội dung "Luận cương chính trị":*

+ Hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam.

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền.

+ Lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền.

+ Phương pháp cách mạng.

+ Lãnh đạo cách mạng.

+ Mối quan hệ với cách mạng thế giới.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

- Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Khẳng định sự trưởng thành của giai cấp công nhân, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

- Là sự chuẩn bị đầu tiên có tính tất yếu, quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam.

BÀI 19

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1935

Câu 1 1.D 2.C 3. B 4.A

Câu 2

Nội dung	***Phong trào đấu tranh***	
	Đầu thế kỉ XX	1930-1931
Lãnh đạo chủ yếu là tư sản và các sĩ phu yêu nước.	X	
Lãnh đạo là Đảng Cộng sản		X
Lúc đầu là đấu tranh chính trị sau kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang		X
Hình thức đấu tranh chủ yếu là bãi công, mít tinh		X
Đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng		X
Bị Pháp đàn áp và dập tắt		X

Câu 3

Thời gian	***Sự kiện***
1929-1933	Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới.
1/5/1930	Nhân ngày Quốc tế Lao động, lần đầu tiên Đảng phát động công nhân và dân chúng đấu tranh tỏ rõ thái độ đoàn kết với vô sản thế giới.
12/9/1930	Cuộc biểu tình khổng lồ của nông dân huyện Hưng Nguyên
Cuối 1931	Thời kì đấu tranh phục hồi lực lượng cách mạng Việt Nam
Cuối 1934, đầu 1935	Hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước đã được phục hồi
3/1935	Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc)

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- Các Ban Chấp hành Nông hội xã do Chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lí mọi mặt đời sống, làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết.

- Chính quyền do nhân dân làm chủ.

- Ban bố các quyền tự do dân chủ: tịch thu ruộng đất chia cho nông dân, bãi bỏ các thứ thuế vô lý, chú ý đê điều phòng lụt, tổ chức học chữ quốc ngữ, xoá bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, tổ chức các đội tự vệ vũ trang,...

BÀI 20

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1939

Câu 1 1.A 2.C 3. D 4.B

Câu 2

Tiền phong	Đời sống	**Tin tức**
Nhân đạo	**Lao động**	Người cùng khổ
Dân chúng	**Ban dân**	**Nhành lúa**

Câu 3

Nội dung so sánh	*Phong trào 1930-1931*	*Phong trào 1936-1939*
Kẻ thù	Đế quốc, phong kiến	Phản động Pháp và tay sai
Chủ trương, sách lược	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc. Chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày	Chống phát xít, chống Chiến tranh đế quốc và phản động tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình
Hình thức đấu tranh	Bí mật, bất hợp pháp	Hợp pháp, công khai, bán công khai
Phương pháp đấu tranh	Chính trị kết hợp với vũ trang	Chính trị
Lực lượng đấu tranh	Công nhân, nông dân	Đông đảo quần chúng nhân dân

Câu 4: *gợi ý trả lời*

Cần trình bày các chủ trương của Đảng về: kẻ thù, kẻ thù cách mạng, vấn đề mặt trận, phương pháp và hình thức đấu tranh.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

- Phong trào Đông Dương đại hội (8/1936).

- Phong trào đón phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới của Pháp đến Đông Dương năm 1937.

- Phong trào đấu tranh của quần chúng công nông và các tầng lớp nhân dân diễn ra mạnh mẽ (tiêu biểu là sự kiện 1/5/1938).

- Nhiều tờ báo công khai ra đời. Một số sách chính trị phổ thông được lưu hành rộng rãi.

CHƯƠNG III. CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

BÀI 21. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

Câu 1. *Điền sự kiện thích hợp với các mốc thời gian sau:*

Thời gian	*Sự kiện*
Ngày 1/9/1939	Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ
Tháng 6/1940	Phát xít Đức tấn công xâm lược nước Pháp
Ngày 27/9/1940	Khởi nghĩa Bắc Sơn
Ngày 23/11/1940	Khởi nghĩa Nam Kì
Ngày 13/1/1941	Binh biến Đô Lương
Ngày 23/7/1941	Pháp - Nhật kí Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương

Câu 2.

Nội dung so sánh	*Khởi nghĩa Bắc Sơn*	*Khởi nghĩa Nam Kì*	*Binh biến Đô Lương*
Thời gian	27-9-1940	Đêm 22 rạng 23 - 11-1940	13-1-1941
Nguyên nhân	Pháp bị Nhật tấn công, thua chạy qua Bắc Sơn. Nhân dân đã nổi dậy tước vũ khí tàn quân Pháp	Nhân dân Nam Kì bất bình với chính sách bắt lính người Việt làm bia đỡ đạn cho Pháp.	Binh lính bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho Pháp.
Lực lượng lãnh đạo	Đảng bộ Đảng Cộng sản Bắc Sơn	Đảng bộ Đảng Cộng sản Nam Kì	Đội Cung
Hoạt động chính	Nhân dân ta đã đấu tranh quyết liệt chống khủng bố, duy trì lực lượng.	Nghĩa quân triệt hạ một số đồn bốt giặc, phá đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng ở nhiều nơi	Chiếm Đô Lương, rồi kéo về Vinh định phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành.
Kết quả	Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.	Khởi nghĩa thất bại do kế hoạch bị bại lộ.	Thất bại

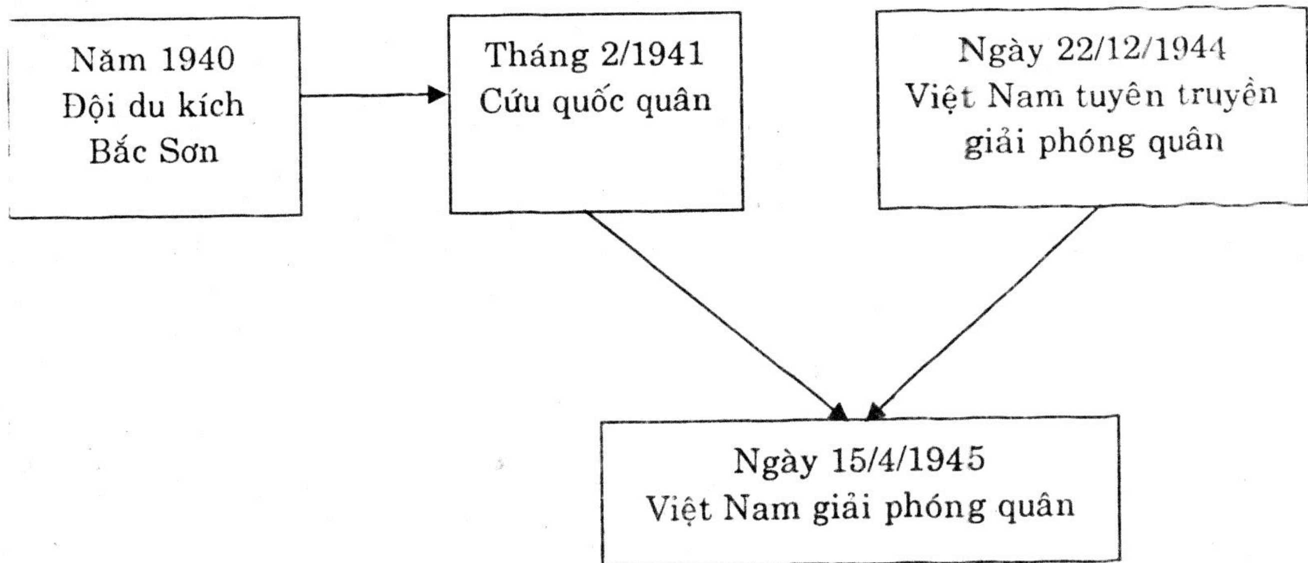
Câu 3

1. Sai 2. Đúng 3. Đúng 4. Đúng

5. Sai 6. Sai 7. Đúng

BÀI 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

Câu 1



Câu 2

Thời gian	*Sự kiện*
28/1/1941	Nguyễn Ái Quốc về nước
Từ 10 đến 19/5/1941	Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương
19/5/1941	Mặt trận Việt Minh ra đời
22/12/1944	Thành lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân
Cuối tháng 12/1944	Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đánh thắng trận Phay Khắt và Nà Ngần
9/3/1945	Nhật đảo chính Pháp
15/4/1945	Hội nghị quân sự Bắc Kì họp
4/6/1945	Khu giải phóng Việt Bắc ra đời
Từ tháng 3 đến đầu tháng 8/1945	Cao trào kháng Nhật cứu nước

Câu 3. 1. đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương

2. "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"

3. mười chính sách của Việt Minh

4. "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói"

5. cao trào kháng Nhật cứu nước

Câu 4: *gợi ý trả lời*

* Hoàn cảnh lịch sử

- *Hoàn cảnh thế giới*: Tháng 6/1941, Đức tấn công Liên Xô, thế giới hình thành hai trận tuyến.

- *Hoàn cảnh Việt Nam:* mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật sâu sắc. Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19/5/1941.

- Ngày 19/5/1941, *Mặt trận Việt Minh* chính thức được thành lập.

* Chuẩn bị lực lượng cách mạng

- *Về lực lượng chính trị:*

+ Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng khắp cả nước.

+ Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng.

+ Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh phát triển.

- *Về lực lượng vũ trang:*

+ Hoạt động của Cứu quốc quân.

+ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập (22/12/1944) đánh thắng hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng).

+ Ở Thái Nguyên, đội Cứu quốc quân phát động Chiến tranh du kích thành lập chính quyền nhân dân xuống tận tỉnh lị Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

BÀI 23. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Câu 1 1.C 2.C 3. B 4.B 5.A

Câu 2

Thời gian	*Sự kiện*
Từ 13 đến 15-8-1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào
16-8-1945	Đại hội Quốc dân tại Tân Trào
19-8-1945	Giành chính quyền tại Hà Nội
23-8-1945	Giành chính quyền tại Huế
25-8-1945	Giành chính quyền tại Sài Gòn
2-9-1945	Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời

Câu 3

1. Đúng 2. Sai 3. Sai 4. Đúng 5. Đúng

Câu 4: *gợi ý trả lời*

** Nguyên nhân thành công*

- Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.
- Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp rộng rãi quần chúng trong mặt trận thống nhất, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần rồi tiến lên Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.
- Liên Xô và Đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít.

** Ý nghĩa lịch sử*

- *Đối với trong nước*: phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại ngót ngàn năm. Mở ra một kỉ nguyên độc lập và tự do cho dân tộc.
- *Đối với thế giới*: là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân, góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

CHƯƠNG IV. VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

BÀI 24. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

Câu 1 1.C 2.D 3.B 4.B

Câu 2 1.c 2.a 3.d 4.b

Câu 3

TT	*Hoạt động*	*Ý nghĩa*
1	Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946	Bầu ra Quốc hội đại diện cho tiếng nói của nhân dân để có thể phát huy vai trò của nhân dân trong quá trình xây dựng đất nước.
2	Các địa phương bầu cử Hội đồng Nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp	Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các cấp được củng cố và kiện toàn.

3	Thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam	Tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân.
4	Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính	Giải quyết khó khăn trước mắt, tạo niềm tin cho nhân dân và nhờ đó phát huy được sức mạnh của Nhà nước và sức mạnh toàn dân tộc.

Câu 4

Chủ trương, việc làm của ta	*Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 6/3/1946*	*Từ 6/3/1946 đến 19/12/1946*
Hòa Tưởng đánh Pháp	x	
Hòa Pháp đuổi Tưởng		x
Kí Hiệp định Sơ bộ		x
Nhường cho Tưởng và tay sai 70 ghế trong Quốc hội Cho phép quân Tưởng tiêu các loại tiền mất giá của chúng ở Việt Nam	x	
Kí tạm ước Việt -Pháp		x

Câu 5: *gợi ý trả lời*

Cần trình bày được những khó khăn về:

+ Nguy cơ giặc ngoại xâm: Phía Bắc vĩ tuyến 16 là 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo theo các tổ chức phản động. Phía Nam vĩ tuyến 16, hơn 1 vạn quân Anh ra sức mở đường cho Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

+ Giặc đói: Hậu quả nạn đói 1944-1945 vẫn chưa được khắc phục thì nguy cơ nạn đói mới xuất hiện đe doạ nhân dân ta do thiên tai gây ra.

+ Giặc dốt: 90% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội tràn lan.

+ Tài chính: Ngân sách nhà nước trống rỗng, tình hình tài chính rối loạn.

Câu 6: *gợi ý trả lời*

- *Hoàn cảnh lịch sử:* Pháp đã ký với Chính phủ Tưởng Hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946) vi phạm chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

- *Nội dung:* Học sinh xem trong phần kiến thức.

- *Ý nghĩa:* tranh thủ thời gian hoà hoãn để củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống Pháp sớm muộn sẽ xảy ra.

CHƯƠNG V
VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 25. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

Câu 1 1.B 2.D 3.A 4.B 5.B 6.B

Câu 2

Thời gian	*Sự kiện*	*Ý nghĩa*
6/3/1946	Ta kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp	Kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng
14/9/1946	Ta kí Tạm ước Việt - Pháp	Kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng
18/12/1946	Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu ta phải đầu hàng, giao cho chúng quyền kiểm soát Thủ đô	Pháp càng ngày càng lấn tới, ta không thể nhân nhượng được nữa
19/12/1946	Ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến	Nhân dân Việt Nam chính thức bước vào cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp
17/2/1947	Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội	Cuộc chiến đấu ở các đô thị đã hoàn thành
7/10/1947	Pháp tấn công lên Việt Bắc	Pháp muốn thực hiện chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh.

Câu 3 1.d 2.a 3.b 4.c

Câu 4

1. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi.*

2. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

3. Trung đoàn Thủ đô

4. "*tiêu thổ kháng chiến*"

5. "*Dùng người Việt đánh người Việt, lấy Chiến tranh nuôi Chiến tranh*".

Câu 5: *gợi ý trả lời*

* *Âm mưu của Pháp*: mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt Biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

* *Hành động của Pháp*: huy động 12000 quân chia thành 3 đạo tiến công lên Việt Bắc.

* *Diễn biến*:

- Tại Bắc Cạn, ta chủ động bao vây, chia cắt, cô lập, tập kích quân địch.

- Ở hướng đông, quân ta chặn đánh trên đường số 4, tiêu diệt lực lượng địch, lập nhiều chiến công, tiêu biểu là trận Bản Sao - đèo Bông Lau (30/10/1947).

- Ở hướng tây, quân ta phục kích đánh chìm nhiều tàu chiến của địch trên sông Lô, tiêu biểu là chiến thắng Đoan Hùng, Khoan Bộ, Khe Lau.

* *Kết quả*: Chiến dịch Việt Bắc kết thúc toàn thắng.

* *Ý nghĩa*: đánh tan kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

BÀI 26. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950 - 1953)

Câu 1 1.A 2.C 3.D 4.B

Câu 2

Thời gian	***Chiến dịch***	***Kết quả***
Đông xuân 1950-1951	- Trung du - Đường số 18 - Hà-Nam-Ninh	- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 vạn quân địch, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của chúng. - Rút kinh nghiệm cho các chiến dịch sau.
Đông xuân 1951-1952	Hoà Bình	- Chiến dịch kết thúc thắng lợi, âm mưu nối lại hành lang Đông - Tây của Pháp bị phá vỡ.
Thu đông 1952	Tây Bắc	- Giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, hầu hết tỉnh Sơn La với 25 vạn dân, phá tan âm mưu lập "*Xứ Thái tự trị*" của Pháp.
Xuân hè 1953	Thượng Lào	- Căn cứ kháng chiến ở Thượng Lào được mở rộng, nối liền Tây Bắc Việt Nam, uy hiếp địch.

Câu 3

1. "*Hành lang Đông - Tây*"

2. Báo cáo chính trị, ... Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam

3. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt

4. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào

5. *"Xứ Thái tự trị"*

Câu 4 1.b **2.e** 3.c 4.d 5.a

Câu 5: *gợi ý trả lời*

1. Ta mở chiến dịch Biên giới vì những lí do sau:

- Sau chiến dịch Việt Bắc, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục li lên. Cách mạng Trung Quốc thành công (1/10/1949), điều kiện quốc tế thy đổi theo hướng có lợi cho ta.

- Pháp - Mỹ: thực hiện *"Kế hoạch Rơ-ve"*, chuẩn bị tấn công quy mô ln lên Việt Bắc lần hai. Ta mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một ộ phận địch; khai thông đường liên lạc quốc tế; mở rộng, củng cố căn cứ ủa Việt Bắc.

2. Diễn biến chiến dịch (từ 16/9 đến 22/10/1950)

- Sáng 18/9/1850, quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, cô lp thị xã Cao Bằng, hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 lung lay.

- Pháp hạ lệnh rút quân ở Cao Bằng, đồng thời điều quân từ Thất Kê lên tái chiếm lại Đông Khê và đón quân từ Cao Bằng xuống.

- Quân ta mai phục trên Đường số 4, tiêu diệt các cánh quân địch. Php buộc phải rút hết quân trên đóng trên Đường số 4.

3. Kết quả, ý nghĩa

- Giải phóng vùng Biên giới Việt - Trung dài 750km với 35 vạn dâ, "*Hành lang Đông - Tây*" bị chọc thủng, "*Kế hoạch Rơ-ve*" bị phá sản.

- Quân ta giành và giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính.

BÀI 27. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 - 1954)

Câu 1 1.B 2.C 3.A 4. A 5.B 6.C

Câu 2

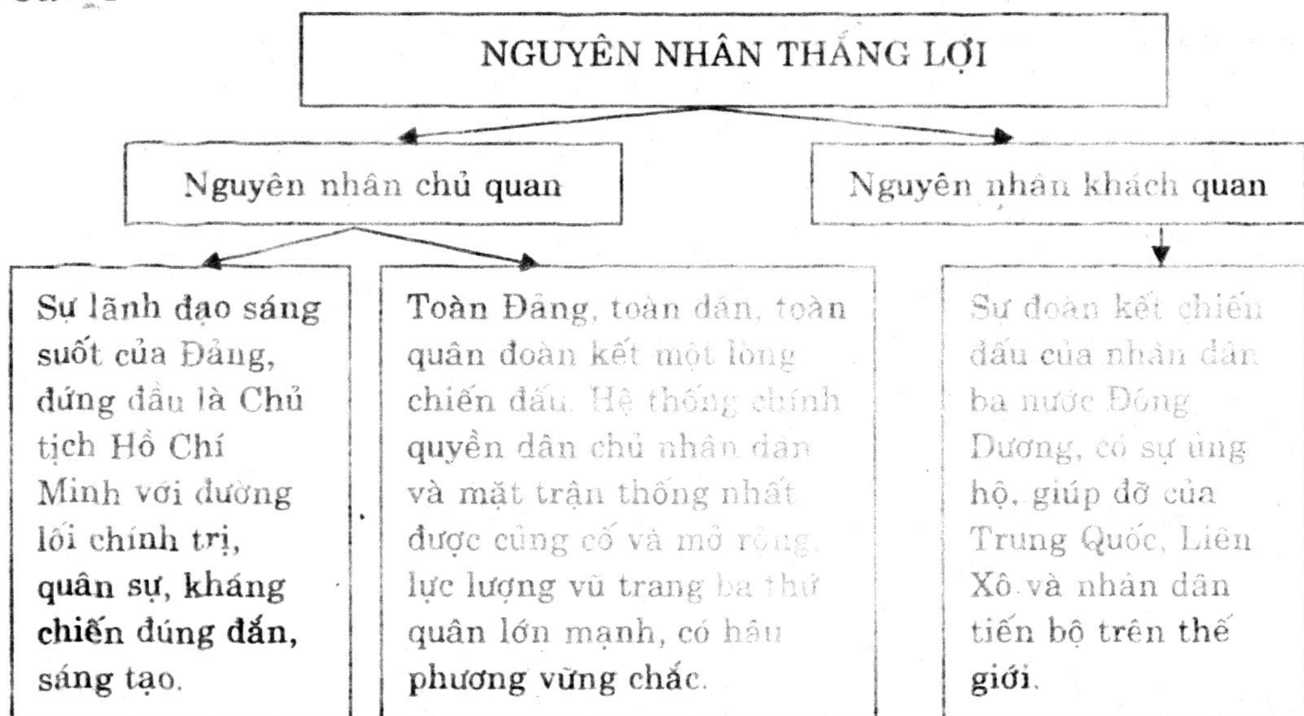
Thời gian	*Sự kiện*
7/5/1953	***Pháp đã cử Na-Va sang làm Tổng chỉ huy quân đội ở Đông Dương và đề ra kế hoạch Na-Va***
9/1953	Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp để ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953-1954.

12/1953	Bộ đội ta tấn công Tây Bắc, Na-Va phải đưa quân lên đóng giữ tại Điện Biên Phủ.
13/3/1954	***Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, ta đánh phân khu Bắc***
7/5/1954	Ta tổng công kích, đánh vào sở chỉ huy địch, tướng Đờ Cát và Ban Tham mưu của địch đầu hàng.
8/5/1954	***Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương chính thức khai mạc***
21/7/1954	Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

Câu 3

Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp	*Đúng*	*Sai*
1. Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỷ trên đất nước ta.	X	
2. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng chủ nghĩa xã hội.	X	
3. Đất nước hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối.		X
4. Miền Bắc trở thành hậu phương lớn, tạo cơ sở giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.	X	
5. Kết thúc hàng ngàn năm chống phong kiến của nhân dân ta.		X
6. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh	X	

Câu 4



Câu 5: *gợi ý trả lời*

- Trình bày vài nét khái quát về diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.

- *Diễn biến*: (từ 13/3/1954 đến 7/5/1954) chia làm 3 đợt.

+ Đợt 1: ta tiến công tiêu diệt căn cứ Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ Đợt 2: ta tiến công tiêu diệt các căn cứ phía đông phân khu Trung tâm.

+ Đợt 3: đồng loạt tiến công tiêu diệt các cứ điểm còn lại của phân khu Trung tâm và phân khu phía Nam. 17 giờ ngày 7/5/1954, Tướng Đờ Cát-tơ-ri cùng toàn bộ Ban Tham mưu địch đầu hàng.

- *Kết quả*: tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên địch, hạ 62 máy bay, phá huỷ và thu nhiều phương tiện Chiến tranh.

- *Ý nghĩa*: đập tan hoàn toàn Kế hoạch Na-va, buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

Câu 6: *gợi ý trả lời*

- Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký ngày 21/7/1954 gồm những nội dung cơ bản sau:

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Hai bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

+ Hai bên tham chiến thực hiện các cuộc di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng: quân đội cách mạng Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

+ Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

CHƯƠNG VI. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

BÀI 28. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

Câu 1 1.D 2.B 3.B 4. C 5. B 6.B

Câu 2

Thời gian	*Sự kiện*
10/10/1954	Mĩ rút quân khỏi Hà Nội.
5/1959	Mĩ - Diệm thực hiện đạo luật "*10 - 59*".
17/1/1960	Phong trào "*Đồng khởi*" bùng nổ ở Bến Tre.
20/12/1960	Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
9/1960	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III họp tại Hà Nội.
2/1/1963	Quân dân miền Nam giành thắng lợi ở trận Ấp Bắc (Mĩ Tho)
11/6/1963	Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn.

Câu 3

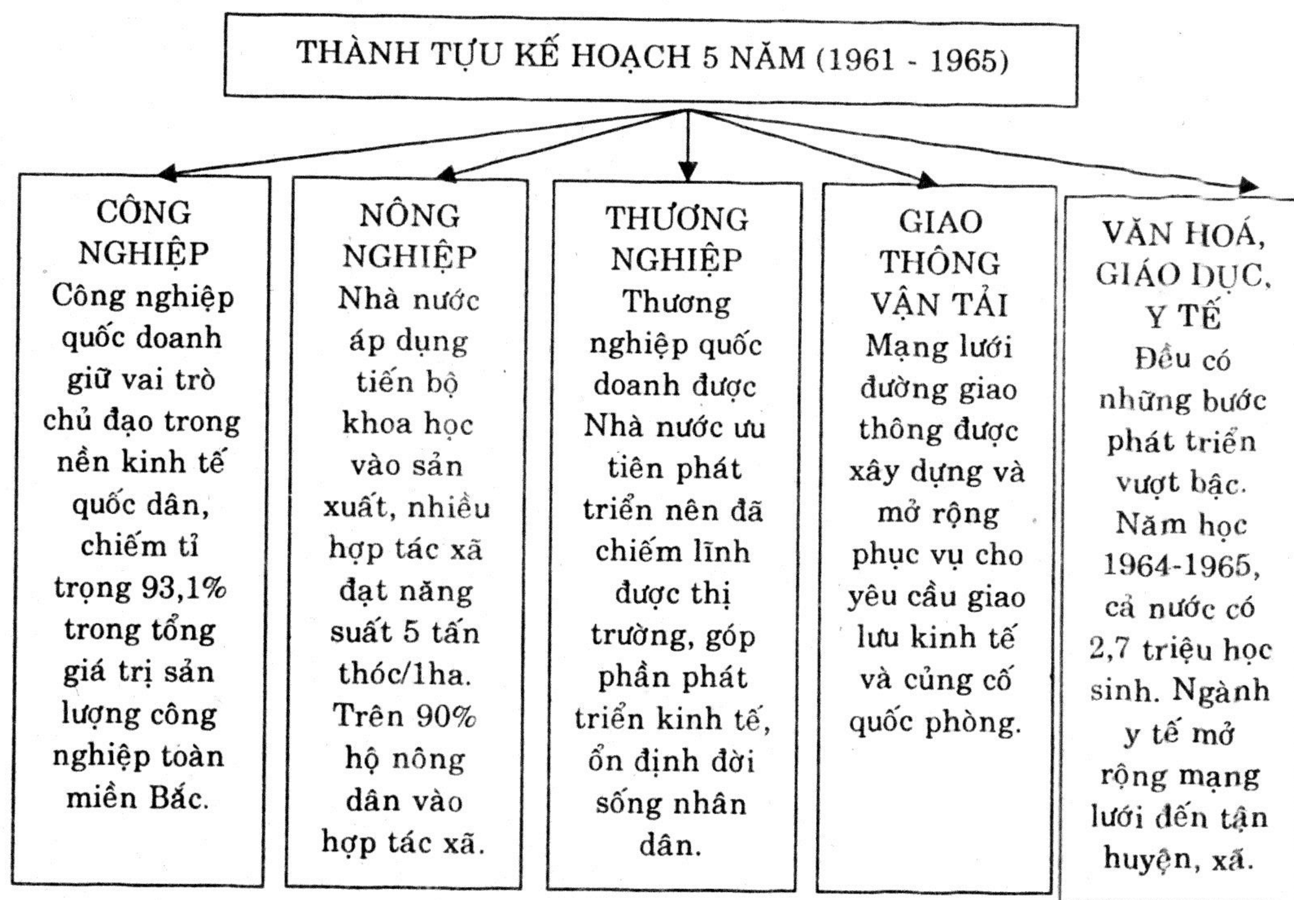
1. Đúng 2. Sai 3. Đúng 4. Đúng

5. Đúng 6. Đúng 7. Sai

Câu 4

Nhiệm vụ	*Cải cách ruộng đất*	*Khôi phục kinh tế*	*Cải tạo quan hệ sản xuất*
1. Xoá bỏ chế độ người bóc lột người.			x
2. Nông dân hăng hái khai khẩn đất hoang, tăng thêm trâu bò, sắm thêm nông cụ.		x	
3. Giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối công nông liên minh được củng cố.	x		
4. Khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.			x
5. Khẩu hiệu "*Người cày có ruộng*" trở thành hiện thực.	x		

Câu 5. *Hoàn thành bảng*



Câu 6: *gợi ý trả lời*

- *Hoàn cảnh lịch sử:* Mĩ - Diệm tăng cường khủng bố đàn áp, thực hiện "*đạo luật 10 - 59*" lê máy chém khắp miền Nam. Đầu năm 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Đảng xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

- *Diễn biến:* Phong trào nổ ra ở các địa phương như: Vĩnh Thạnh - Bình Định, Bác Ái - Ninh Thuận, Trà Bồng - Quảng Ngãi. Tiêu biểu là ở Bến Tre (17/1/1960).

- *Kết quả*: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960), đoàn kết nhân dân đấu tranh chống Mĩ - Diệm.

- *Ý nghĩa*: phong trào "*Đồng khởi*" phát triển thắng lợi, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công.

Câu 7: *gợi ý trả lời*

- Chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" là chiến lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai, do "*cố vấn*" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện Chiến tranh của Mĩ.

- *Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ - Diệm*

+ Quân đội Sài Gòn mở những cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng, lập *"ấp chiến lược"*, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, bình định miền Nam.

+ Tiến hành phá hoại miền Bắc, phong toả Biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự thâm nhập từ bên ngoài vào Việt Nam.

- *Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ*

+ Năm 1962, ta đánh bại nhiều cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn đánh vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh,...

+ Cuộc đấu tranh phá *"ấp chiến lược"* của ta giành được nhiều thắng lợi.

+ Chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963) khẳng định khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* của Mĩ.

+ Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân ở đô thị.

+ Lực lượng quân giải phóng liên tiếp mở những chiến dịch tiến công quy mô lớn trên các chiến trường miền Nam và miền Trung (tiêu biểu là chiến dịch Đông - Xuân 1964 - 1965).

- *Kết quả*: quân dân miền Nam đánh bại chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"*.

BÀI 29
CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965-1973)

Câu 1

1.B 2.C 3.A 4.B

5.C 6.D 7.C 8.C

Câu 2. Nối các dữ kiện ở cột A với thời gian ở cột B cho chính xác.

1.g 3.h 5.d 7.b

2.f 4.a 6.e 8.c

Câu 3

Sự kiện	***Chống "Chiến tranh cục bộ"***	***Chống "Việt Nam hoá Chiến tranh"***
Đập tan cuộc hành quân *"Lam Sơn-719"*.		x
Chiến thắng Vạn Tường	x	
Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.		x
Đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn Mĩ - Nguỵ Sài Gòn.		x

Bẻ gẫy cuộc hành quân Giang-xơn Xi-ty.	x	
Đánh tan hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ - Nguỵ.	x	

Câu 4

1. Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển
2. *"phi Mĩ hoá"* Chiến tranh
3. *"Điện Biên Phủ trên không"*
4. 2/9/1969
5. *"Việt Nam hoá Chiến tranh"*

Câu 5: gợi ý trả lời

- Chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* là chiến lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai, do *"cố vấn"* Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện Chiến tranh của Mĩ.

- Chiến tranh cục bộ là loại hình Chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân Đồng minh và quân nguỵ Sài Gòn.

- Việt Nam hoá Chiến tranh được tiến hành bằng lực lượng quan đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn Mĩ.

Câu 6: *gợi ý trả lời*

- Hiệp định Pa-ri được ký ngày 27/1/1973 gồm những *nội dung cơ bản* sau:

+ Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự của Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

+ Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương Chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

- *Ý nghĩa lịch sử*: Với việc ký Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, đồng thời rút hết quân về nước tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

BÀI 30

HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 - 1975)

Câu 1 1.D 2.C 3.B 4. C 5.D

Câu 2

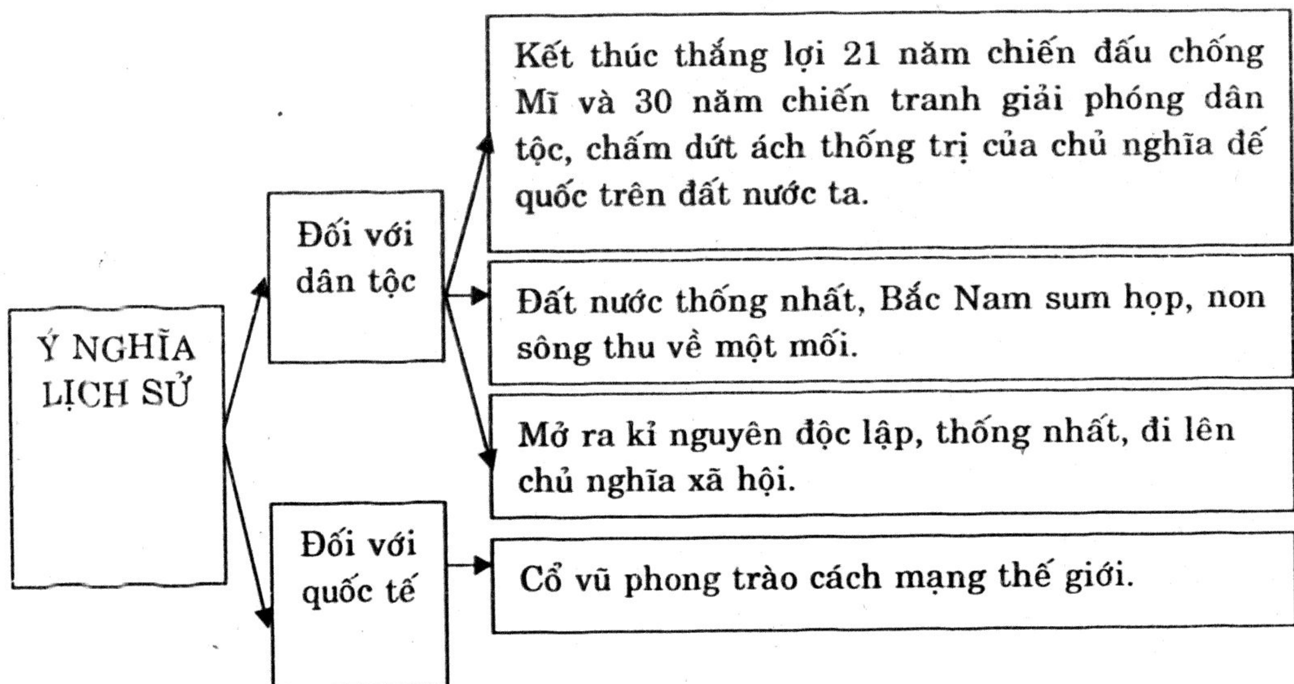
Thời gian	*Sự kiện*
29/3/1973	Toán lính Mĩ cuối cùng rút quân khỏi nước ta
Tháng 7/1973	Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21
Cuối 1974 đầu 1975	Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam
10/3/1975	Tấn công Buôn Ma Thuột, mở màn chiến dịch Tây Nguyên
24/3/1975	Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi
26/3/1975	Giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên
29/3/1975	Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi
26/4/1975	Mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh
34/4/1975	Chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng

Câu 3

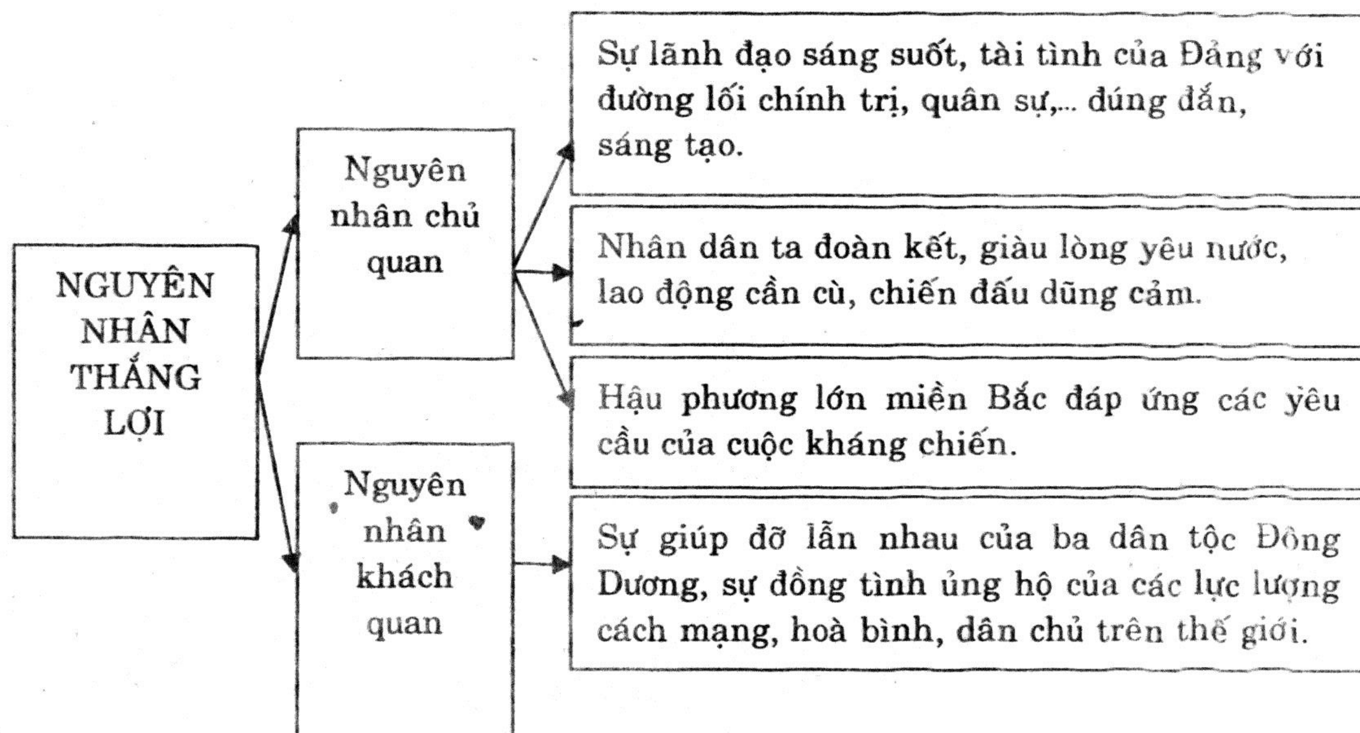
1. Sai 2. Đúng 3. Đúng

4. Đúng 5. Đúng 6. Sai

Câu 4



Câu 5



Câu 6: *Gợi ý trả lời*

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam: trong hai năm 1975 và 1976.

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

**** Chiến dịch Tây Nguyên (từ 10 đến 24/3/1975)***

- Ngày 10/3/1975, ta đánh Buôn Ma Thuột giành thắng lợi nhanh chóng. Hai ngày sau, địch phản công tái chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành. Quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14/3/1975, địch rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ duyên hải miền Trung.

- Ngày 24/3/1975, Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

**** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 đến 29/3/1975)***

- Ngày 21/3/1975, quân ta tấn công địch ở Huế, giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên (26/3/1975).

- Ta lần lượt giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai,...uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

- Ngày 29/3/1975, quân ta từ ba hướng tiến thẳng vào thành phố Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều, toàn thành phố được giải phóng.

**** Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 đến 30/4/1975)***

- Quân ta tiến công, chọc thủng tuyến phòng thủ trọng yếu Phan Rang, Xuân Lộc của địch, bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

- Ngày 26/4/1975, chiến dịch bắt đầu.

- 10 giờ 45 phút, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- 11 giờ 30 phút, chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi hoàn toàn.

* Ngày 2/5/1975, tỉnh Châu Đốc được giải phóng. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc thắng lợi.

CHƯƠNG VII
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 31
VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

Câu 1	1.B	2.D	3.A	4. B	5.D	6.B

Câu 2	1. Đúng	2. Sai	3. Đúng
	4. Đúng	5. Sai	6. Đúng

Câu 3

CÁC QUYẾT ĐỊNH	***Quốc hội khóa I (1946)***	***Quốc hội khóa VI (1976)***
Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam		x
Thông qua danh sách chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu	x	
Lựa chọn Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, bài *"Tiến quân ca"* là *Quốc ca*		x
Thành lập ủy ban hành chính các cấp	x	
Thành lập ủy ban nhân dân các cấp	x	x
Lập ra ban dự thảo Hiến pháp		x

Câu 4: *gợi ý trả lời*

* *Thuận lợi*: Đất nước độc lập, Bắc - Nam thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Miền Bắc xây dựng được cơ sở vật chất kĩ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội.

** Khó khăn*

- Miền Bắc

+ Cuộc Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ đã tàn phá nặng nề nền kinh tế, làm cho quá trình tiến lên của đất nước bị chậm lại nhiều năm.

+ Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, nửa triệu ha ruộng đất bị bỏ hoang, một triệu ha rừng bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn vùi lấp trên đồng ruộng và nơi cư trú của nhân dân. Hàng triệu người thất nghiệp, số người mù chữ chiếm tỉ lệ cao.

- Miền Nam

+ Cơ sở chế độ thực dân mới của Mĩ ở các địa phương miền Nam cùng bao di hại của chúng vẫn còn tồn tại.

+ Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán là chủ yếu, phát triển mất cân đối, lệ thuộc vào viện trợ từ bên ngoài.

BÀI 32
XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1976 - 1985)

Câu 1 1.D 2.A 3.C 4. C 5.C 6.B

Câu 2

Nội dung	*Thuận lợi*	*Khó khăn*
Đất nước thống nhất về cả lãnh thổ lẫn nhà nước	x	
Trong chừng mực miền Nam có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản song nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất phân tán		x
Miền Bắc đã xây dựng được cơ sở ban đầu cho CNXH nhưng lại bị hai cuộc Chiến tranh phá hoại tàn phá		x
Bị quân Pôn Pốt rồi quân Trung Quốc tấn công Biên giới		x
Ta có một tổ chức chính quyền được kiện toàn từ trung ương đến địa phương	x	
Các Đại hội Đảng đã đưa ra các nhiệm vụ có bản của mỗi giai đoạn	x	
Các cuộc Chiến tranh bảo vệ Biên giới nhanh chóng kết thúc thắng lợi	x	

Câu 3. *Điền các sự kiện thích hợp với các mốc thời gian sau.*

Thời gian	*Sự kiện*
12/1976	Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng quyết định tiến hành đổi mới đất nước
22/12/1978	Tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh tấn công Biên giới Tây Nam của ta
17/2/1979	Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn tấn công Biên giới phía Bắc của ta
18/3/1979	Trung Quốc rút hết quân khỏi Việt Nam
3/ 1982	Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng

Câu 4: *gợi ý trả lời*

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội (12/1976) quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980).

- Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1976-1980).

- Thành tựu:

+ Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch bắn phá, về cơ bản được khôi phục xong và bước đầu phát triển.

+ Cải tạo XHCN được đẩy mạnh trong các vùng mới giải phóng.

+ Xoá bỏ những biểu hiện của văn hoá phản động, xây dựng nền văn hoá mới cách mạng.

- Hạn chế: nền kinh tế còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân khó khăn.

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982) họp tại Hà Nội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985).

- Thành tựu:

+ Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã ngăn chặn được đà giảm sút của 5 năm trước và có bước phát triển.

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật được hoàn thiện.

+ Các hoạt động khoa học - kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Hạn chế: những khó khăn yếu kém của 5 năm trước chưa được khắc phục, thậm chí có phần trầm trọng hơn, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế, xã hội vẫn chưa thực hiện được.

BÀI 33

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000)

Câu 1 1.A 2.B 3.D 4.D

Câu 2

Kế hoạch	*Thành tựu*
Kế hoạch 5 năm 1986-1990	- Lương thực thực phẩm đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu góp phần ổn định đời sống nhân dân. - Hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, các cơ sở sản xuất đã gắn chặt với nhu cầu thị trường. - Hàng xuất khẩu tăng ba lần
Kế hoạch 5 năm 1991-1995	- Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. - Kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước bình quân hằng năm là 8,2%. Lạm phát được đẩy lùi. Kinh tế đối ngoại phát triển. - Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường...
Kế hoạch 5 năm 1996-2000	- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 7%. - Khoa học công nghệ có bước chuyển biến tích cực, giáo dục đào tạo phát triển. - Chính trị, xã hội cơ bản ổn định, an ninh quốc phòng được tăng cường, quan hệ đối ngoại được tăng cường.

Câu 3. *Điền sự kiện thích hợp với mốc thời gian.*

Thời gian	*Sự kiện*
12/1986	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI
1986-1990	Thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thục, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
6- 1991	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII
1991-1995	Thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm tăng cường ổn định chính trị, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng về cơ bản.

6-1996	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.
1996-2000	Thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, hiệu quả.
4-2001	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX

Câu 4: *gợi ý trả lời*

- Trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000) ta đã thực hiện các kế hoạch 5 năm: 1986-1990, 1991-1995, 1996-2000 đạt nhiều thành tựu lớn.

- Ý nghĩa của việc thực hiện 3 kế hoạch 5 năm (1986 - 2000): tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Câu 5: *gợi ý trả lời*

+ Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

+ Một số vấn đề văn hoá, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

+ Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

BÀI 34

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

Câu 1

Sự kiện lịch sử	*1919-1930*	*1930-1945*	*1945-1954*	*1954-1975*	*1975-nay*
Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCMTN	x				
Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân				x	
Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I			x		
Hiệp định Pa-ri				x	
Trận "*Điện Biên Phủ trên không*"				x	
Chiến dịch Biên giới			x		
Nước Việt Nam DCCH ra đời		x			
Khởi nghĩa Nam Kì		x			
Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI					x

Câu 2

TT	Sự kiện	Ý nghĩa
1	Tháng 12/1920 Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp. Người đã tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.	Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường đi đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.
2	3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.	Cách mạng Việt Nam có một chính đảng duy nhất lãnh đạo, chấm dứt giai đoạn khủng hoảng về lãnh đạo. Từ đây ta đã có một đường lối đúng đắn và thống nhất, chấm dứt sự mò mẫm về đường lối. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.
3	Từ 14/8-28/8/1945 tổng khởi nghĩa tháng Tám đã diễn ra trong cả nước và thành công nhanh chóng, ít đổ máu.	Ta đã kết thúc cuộc đấu tranh hơn tám mươi năm chống đế quốc và hàng ngàn năm chống phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, đưa nhân dân từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà. Mở ra một kỉ nguyên mới độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
4	7/5/1954, ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ *"lừng lẫy năm châu"*, *"chấn động địa cầu"*.	Kết thúc 9 năm trường kì kháng chiến chống Pháp, mở ra một giai đoạn mới cho lịch sử dân tộc.
5	30/ 4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng.	Kết thúc hai mươi năm trường kì kháng chiến chống Mĩ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
6	Tháng 12/1986, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ta đã chủ trương đổi mới đất nước	Đất nước bước vào thời kì đổi mới toàn diện và sâu sắc nhờ đó đã thu được những thắng lợi to lớn. Vị thế của Việt Nam ngày càng được khẳng định.

Câu 3

1. Đúng 2. Sai 3. Đúng 4. Đúng 5. Sai

Câu 4

Nội dung	***Nguyên nhân thắng lợi***	***Bài học***
Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam	x	
Luôn giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam		x
Nhân dân Việt Nam có truyền thống đoàn kết yêu nước	x	
Trong mọi hoàn cảnh vững lòng tin ở Đảng, sát cánh bên nhau		x
Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội		x
Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế		x
Xây dựng một chính Đảng trong sạch, vững mạnh		x
Nhà nước phải là nhà nước của dân, do dân và vì dân		x

Câu 5: *gợi ý trả lời*

1. Giai đoạn 1919 - 1930

- Cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp với quy mô lớn, tốc độ mạnh làm thay đổi xã hội Việt Nam.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

2. Giai đoạn 1930 - 1945

- Cao trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên, chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

- Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai của Cách mạng tháng Tám.

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Nhật kéo vào Đông Dương. Lợi dụng tình hình Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Đảng ta phát động phong trào kháng Nhật cứu nước, lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

3. Giai đoạn 1945 - 1954

- Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và nhân dân phải đương đầu với "*thù trong, giặc ngoài*" nguy hiểm.

- Kháng chiến chống Pháp giành thắng lợi với chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử (7/5/1954).

4. Giai đoạn 1954 - 1975

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

- Đảng Lao động Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975. Đất nước hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối.

5. Giai đoạn 1975 đến nay

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã tổng kết 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi.

- Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (12/1986) đất nước bước vào công cuộc đổi mới. Hơn 20 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, chủ yếu là kinh tế.

- Khó khăn còn lớn, thách thức còn nhiều, nhưng điều quan trọng là Đảng ta đã chọn con đường đi đúng và có những biện pháp thích hợp.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại:(04) 39714896;(04) 397 24770; Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc : PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập :PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập : HỒNG NGA

Trình bày bìa : QUỐC VIỆT
Đối tác liên kết xuất bản :
CÔNG TY SÁCH-TBGD ĐỨC TRÍ

SÁCH LIÊN KẾT

Để học tốt Lịch sử 9
Mã số: 2L-153ĐH2009
In 3.000 cuốn khổ 16 X 24cm. Tại Công ty TNHH In& bao bì Hưng Phú.
Số xuất bản: 212-2009/CXB/50-35/ĐHQGHN,ngày 11/3/2009.
Quyết định xuất bản số: 153LK-TN/XB
In xong và nộp lưu chiểu Quý III/2009.